



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
BAN KINH TẾ ĐẦU TƯ / PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ

— SỐ THÁNG 06/2026 —



MỤC LỤC

PHẦN I: KINH TẾ THẾ GIỚI	1
1. Tình hình kinh tế thế giới tháng 05/2026	1
1.1. Tổng quan chung	1
1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới	2
2. Dự báo tăng trưởng	8
PHẦN II: KINH TẾ VIỆT NAM	10
1. Tình hình kinh tế Việt Nam tháng 05/2026	10
1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội	10
1.1.1. Sản xuất công nghiệp	10
1.1.2. Xuất nhập khẩu	11
1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp	12
1.1.4. Hoạt động đầu tư	13
1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng	14
1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ	15
1.2.1. Tăng trưởng tín dụng	15
1.2.2. Lãi suất	15
1.2.4. Chứng khoán	17
1.2.5. Lạm phát	18
2. Dự báo kinh tế Việt Nam	19
2.1. Về chủ trương, chính sách	19
2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam	20
PHẦN III: THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO	21
1. Thị trường dầu thô	21
2. Thị trường khí	39
3. Thị trường phân bón	49
4. Thị trường điện	55
PHẦN IV: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	58
<i>Phụ lục I: Kinh tế vĩ mô Việt Nam tháng 05 năm 2026</i>	<i>60</i>



PHẦN I

KINH TẾ THẾ GIỚI



1. TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI THÁNG 05/2026

1.1. Tổng quan chung

Dữ liệu PMI tháng 5/2026 cho thấy tăng trưởng sản xuất công nghiệp toàn cầu đã tăng tốc lên mức cao nhất trong gần 5 năm vào tháng 5/2026. Tuy nhiên, vẫn còn những nghi ngờ về việc duy trì đà tăng trưởng này, trong bối cảnh có báo cáo cho rằng khách hàng đang mua hàng trước để giảm thiểu tác động của việc tăng giá dự kiến và gián đoạn chuỗi cung ứng.

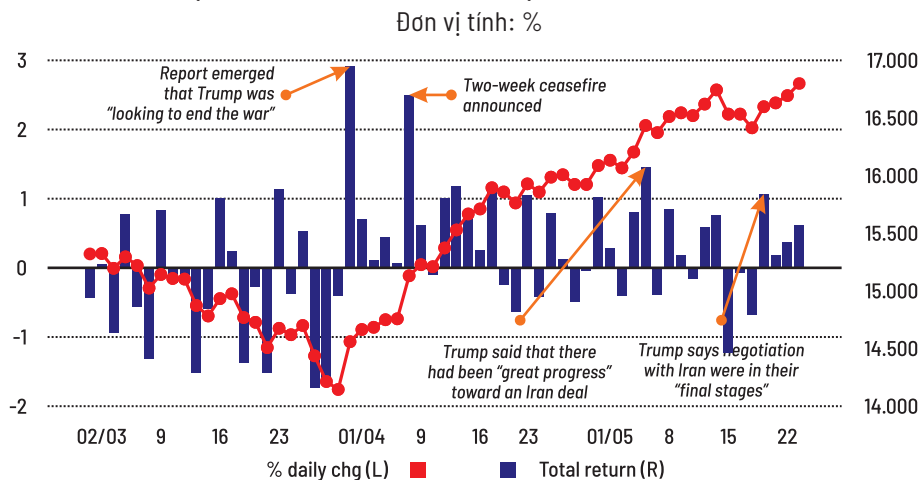
Chỉ số PMI sản xuất toàn cầu của J.P.Morgan® – một chỉ số tổng hợp do J.P.Morgan và S&P Global MarketIntelligence phối hợp với ISM và IFPSM sản xuất – đạt 52,6 trong tháng 5/2026, không thay đổi so với tháng 4/2026, và duy trì trên mức trung lập 50,0 trong tháng thứ mười liên tiếp.

Xung đột tại Trung Đông trong tháng 5 đã tạo ra những tác động mạnh mẽ lên thị trường tài chính và nền kinh tế toàn cầu, đặc biệt là thị trường trái phiếu chính phủ. Lo ngại căng thẳng leo thang và nguy cơ gián đoạn nguồn cung năng lượng đã khiến giá dầu Brent có thời điểm vượt ngưỡng 110 USD/thùng, kéo theo chi phí vận tải, logistics và sản xuất toàn cầu tăng mạnh. Đồng thời, áp lực lạm phát dai dẳng tiếp tục duy trì ở mức cao, khiến giới đầu tư lo ngại các ngân hàng trung ương sẽ phải kéo dài chính sách lãi suất cao để kiểm soát giá cả.

Những lo ngại này đã kích hoạt làn sóng bán tháo trên thị trường trái phiếu toàn cầu trong phần lớn tháng 5. Lợi suất trái phiếu chính phủ tại nhiều nền kinh tế lớn tăng lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ khi nhà đầu tư đồng loạt yêu cầu mức lợi suất cao hơn để bù đắp rủi ro lạm phát và gánh nặng nợ công ngày càng lớn. Trên thị trường tài chính, kỳ vọng lạm phát dài hạn tiếp tục neo ở mức cao khoảng 2,5% - 2,7%, phản ánh tâm lý thận trọng của giới đầu tư trước khả năng giá năng lượng duy trì ở mức cao trong thời gian dài.

Tuy nhiên, vào cuối tháng 5, thị trường bắt đầu hạ nhiệt khi xuất hiện những tín hiệu tích cực từ các cuộc đàm phán hòa bình cùng với việc nhiều dữ liệu kinh tế cho thấy tốc độ tăng trưởng toàn cầu đang suy yếu rõ rệt. Giá dầu giảm trở lại khỏi vùng đỉnh, kéo theo lợi suất trái phiếu toàn cầu điều chỉnh giảm mạnh sau giai đoạn tăng nóng trước đó. Điều này giúp phần nào giảm áp lực chi phí vay nợ đối với các chính phủ và doanh nghiệp trên toàn thế giới.

DIỄN BIẾN LỢI NHUẬN VÀ BIẾN ĐỘNG BIẾN ĐỘNG
THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH GIAI ĐOẠN THÁNG 3 - THÁNG 5



Nguồn: Tổng hợp từ Bloomberg và S&P Dow Jones Indices

Dù vậy, diễn biến trong tháng 5 cho thấy nền kinh tế toàn cầu vẫn rất nhạy cảm trước các cú sốc địa chính trị, đặc biệt là những biến động liên quan đến năng lượng và lạm phát. Chỉ cần những dấu hiệu bất ổn xuất hiện, thị trường tài chính có thể nhanh chóng phản ứng mạnh, phản ánh nỗi lo ngày càng lớn của giới đầu tư về rủi ro lạm phát kéo dài và áp lực nợ công toàn cầu đang tăng cao.

1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới

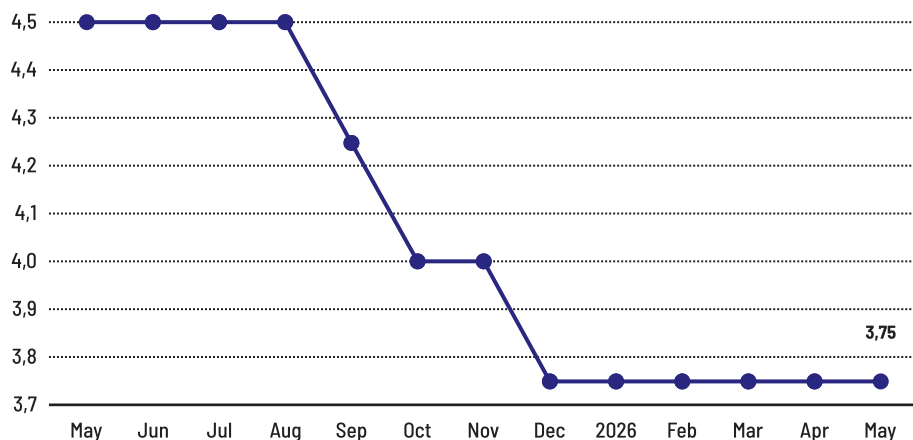
■ Mỹ

Nền kinh tế Mỹ trong tháng 5/2026 ghi nhận trạng thái tăng trưởng chậm lại nhưng vẫn duy trì sức chống chịu tương đối tốt, trong bối cảnh lạm phát quay trở lại, lãi suất neo cao và căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông gây áp lực lớn lên thị trường tài chính toàn cầu. Một trong những sự kiện đáng chú ý nhất là việc ông Kevin Warsh chính thức nhậm chức Chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) vào ngày 22/5 dưới sự chủ trì của Tổng thống Donald Trump. Ông Warsh tiếp quản Fed trong thời điểm thị trường kỳ vọng cơ quan này sẽ duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt trong phần lớn năm 2026, thậm chí có khả năng tăng lãi suất trở lại vào cuối năm hoặc đầu năm 2027.

Áp lực lạm phát tiếp tục là vấn đề lớn nhất của kinh tế Mỹ trong tháng 5. Sau lần cắt giảm lãi suất gần nhất vào tháng 12/2025, Fed đến nay vẫn giữ lãi suất quỹ liên bang ở mức 3,5% - 3,75% do giá năng lượng leo thang và thị trường lao động vẫn duy trì ổn định. Để giảm bớt áp lực giá cả, đặc biệt là giá nhiên liệu, ngày 11/5 Tổng thống Donald Trump đã đề xuất giảm thuế xăng liên bang từ mức 18,4% hiện tại. Tuy nhiên, giá dầu tăng mạnh do xung đột Iran đã khiến áp lực lạm phát chưa thể hạ nhiệt.

DIỄN BIẾN LÃI SUẤT FED ĐẾN HẾT THÁNG 5/2026

Đơn vị tính: %



Nguồn: TradingView

Dữ liệu kinh tế trong tháng cho thấy hoạt động sản xuất của Mỹ vẫn tăng trưởng mạnh bất chấp các rủi ro địa chính trị. Theo S&P Global, chỉ số PMI sản xuất sơ bộ của Mỹ trong tháng 5/2026 tăng lên 55,1 điểm từ mức 54,5 trong tháng 4/2026, cao nhất kể từ tháng 5/2022 và vượt xa dự báo 53,8 điểm của Reuters và vượt qua mốc 50,0 (mức không thay đổi) trong 10 tháng liên tiếp.

Dữ liệu PMI cho thấy sự cải thiện mạnh mẽ và rõ rệt hơn trong điều kiện sản xuất của Mỹ, trong bối cảnh sản lượng tăng mạnh nhất kể từ tháng 4 năm 2022. Đơn đặt hàng mới tăng đáng kể trở lại, nhưng sự tăng trưởng cả về sản lượng và doanh thu một phần được thúc đẩy bởi việc tích trữ hàng tồn kho khi các công ty tìm cách tự bảo vệ mình khỏi sự gián đoạn chuỗi cung ứng và giá cả tăng cao, chủ yếu do chiến tranh ở Trung Đông, vốn vẫn là một trở ngại đáng kể đối với ngành này.

Thực tế, chi phí đầu vào sản xuất đã tăng với tốc độ chưa từng có trong gần bốn năm, trong khi thời gian giao hàng của nhà cung cấp xấu đi ở mức độ lớn nhất kể từ tháng 8 năm 2022. Niềm tin vào triển vọng cũng giảm sút kể từ tháng 4/2026, mặc dù vẫn đủ tích cực để giúp giải thích sự gia tăng hơn nữa về việc làm.

Xuất khẩu vẫn là nguồn suy yếu đáng chú ý về nhu cầu, giảm tổng thể trong tháng thứ mười một liên tiếp. Tình trạng bất ổn địa chính trị và thuế quan được cho là đã ảnh hưởng đến doanh số bán hàng ra nước ngoài trong kỳ khảo sát gần đây nhất.

Một tín hiệu đáng lo ngại khác là chi phí sản xuất tăng rất mạnh. Chỉ số giá đầu vào của các nhà máy tăng vọt lên 79,5 điểm, mức cao nhất kể từ tháng 6/2022, trong khi chỉ số giá bán đầu ra tăng lên 63,3 điểm, cao nhất kể từ tháng 9/2022. Chỉ số giá đầu vào chung của doanh nghiệp cũng tăng lên 64,0 điểm, mức cao nhất kể từ tháng 11/2022. Những số liệu này cho thấy lạm phát tại Mỹ có nguy cơ tiếp tục tăng tốc trong các tháng tới. Trước đó, lạm phát sản xuất tháng 4 đã ghi nhận mức tăng mạnh nhất trong vòng bốn năm, còn lạm phát tiêu dùng đạt mức tăng theo năm lớn nhất kể từ tháng 5/2023.

Tâm lý người tiêu dùng Mỹ trong tháng 5 cũng suy giảm mạnh. Khảo sát của Đại học Michigan cho thấy niềm tin tiêu dùng đã giảm xuống mức thấp kỷ lục do người dân lo ngại chi phí sinh hoạt và giá nhiên liệu tăng cao. Điều này làm dấy lên lo ngại rằng tiêu dùng - động lực lớn nhất của kinh tế Mỹ - có thể suy yếu trong thời gian tới và ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng.

Trên thị trường tài chính, kỳ vọng Fed sẽ duy trì lãi suất cao trong thời gian dài đã khiến lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ tăng mạnh. Trong phiên ngày 12/5, lợi suất trái phiếu kỳ hạn 10 năm tăng lên 4,459%, cao hơn đáng kể so với mức dưới 4% trước khi xung đột bùng phát. Đặc biệt, lợi suất trái phiếu kỳ hạn 30 năm đã vọt lên khoảng 5,2% vào ngày 20/5, mức cao nhất kể từ năm 2007. Diễn biến này phản ánh sự lo ngại của giới đầu tư về lạm phát kéo dài, thâm hụt ngân sách lớn và áp lực nợ công ngày càng gia tăng của Mỹ.

USD-INDEX TỪ ĐẦU NĂM 2026 ĐẾN NAY



Nguồn: VietstockFinance

Dù vậy, đồng USD lại suy yếu nhẹ vào cuối tháng khi chỉ số USD-Index (DXY) giảm từ 99,24 xuống còn 99,06 điểm trong phiên 29/5, do thị trường theo dõi sát tình hình địa chính trị giữa Mỹ và Iran cũng như khả năng Fed có thể phải cân nhắc lại chính sách nếu tăng trưởng kinh tế tiếp tục suy yếu. Nhìn chung, nền kinh tế Mỹ trong tháng 5 vẫn duy trì được tăng trưởng nhờ lĩnh vực sản xuất và thị trường lao động ổn định, nhưng áp lực lạm phát, chi phí cao và niềm tin tiêu dùng suy giảm đang tạo ra những rủi ro đáng kể đối với triển vọng kinh tế trong thời gian tới.

■ Trung Quốc

Dữ liệu khảo sát PMI mới nhất cho thấy sự cải thiện về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất của Trung Quốc, cùng với sự gia tăng chậm hơn về giá cả đầu vào và đầu ra.

Chỉ số PMI (Chỉ số Quản lý Mua hàng Sản xuất Chung) của RatingDog Trung Quốc, được điều chỉnh theo mùa – một chỉ số tổng hợp được thiết kế để cung cấp một con số duy nhất về điều kiện hoạt động trong nền kinh tế sản xuất – đã duy trì trên mức 50,0 trong tháng 5/2026, tháng thứ sáu liên tiếp, mặc dù giảm xuống 51,8 so với mức 52,2 của tháng 4/2026. Kết quả mới nhất cho thấy sự cải thiện chậm hơn về điều kiện sản xuất so với tháng trước, nhưng vẫn duy trì ở mức cao hơn đáng kể so với xu hướng khảo sát dài hạn là 50,8 kể từ năm 2004. PMI có đóng góp tích cực từ tất cả các thành phần ngoại trừ việc làm trong kỳ gần đây nhất, mặc dù chỉ có tồn kho hàng hóa đóng góp mạnh hơn so với tháng 4/2026.

Nhu cầu đối với hàng hóa sản xuất của Trung Quốc tiếp tục tăng trong tháng 5/2026. Tốc độ tăng trưởng đã giảm so với tháng 4/2026 nhưng vẫn nằm trong số những mức cao nhất được ghi nhận trong 5 năm qua. Theo các chuyên gia, số đơn đặt hàng mới tăng cao phản ánh nhu cầu thị trường mạnh mẽ hơn, cải tiến sản phẩm, khách hàng mới và các chiến dịch quảng bá. Nhìn chung, sự tăng trưởng đơn đặt hàng mới vẫn mạnh hơn xu hướng dài hạn mặc dù hoạt động xuất khẩu mới giảm nhẹ trong tháng 5/2026.

Sản xuất công nghiệp của Trung Quốc tiếp tục tăng trong tháng 5/2026. Tốc độ mở rộng đã giảm so với mức cao nhất trong 22 tháng của tháng 4, nhưng vẫn là mức mạnh thứ ba kể từ nửa cuối năm 2024. Sự gia tăng đơn đặt hàng mới gần đây đủ để tạo ra sự gia tăng khác trong khối lượng công việc tồn đọng tại các nhà sản xuất Trung Quốc trong tháng 5. Khối lượng công việc tồn đọng tăng trong tháng thứ tư liên tiếp, mặc dù với tốc độ vẫn thấp hơn xu hướng khảo sát dài hạn.

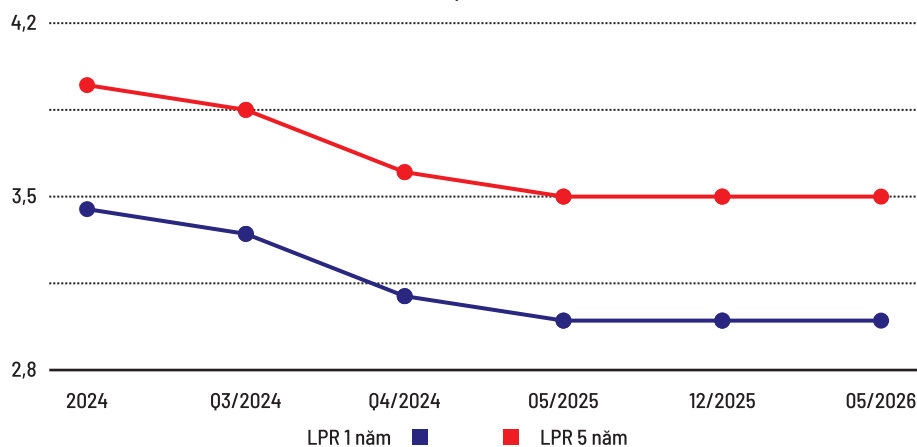
Những số liệu này cho thấy kinh tế Trung Quốc đang suy yếu sau khi đạt kết quả mạnh trong quý 1/2026. Trong tháng 4, hoạt động kinh tế giảm tốc trên nhiều lĩnh vực, trong đó sản lượng công nghiệp và doanh số bán lẻ đều ghi nhận mức tăng yếu nhất trong nhiều năm. Diễn biến này làm gia tăng sức ép buộc Bắc Kinh phải tung thêm các biện pháp hỗ trợ chính sách.

Trước dấu hiệu suy yếu của nền kinh tế, Bắc Kinh đã bắt đầu đẩy mạnh các biện pháp hỗ trợ tăng trưởng trong tháng 5. Ngân hàng Trung ương Trung Quốc (PBOC) tiếp tục theo đuổi chính sách tiền tệ nới lỏng khi cho phép lãi suất khoản vay chính sách kỳ hạn 1 năm dành cho các ngân hàng giảm xuống mức thấp kỷ lục. Đồng thời, lãi suất cho vay cơ bản (LPR) 1 năm được duy trì quanh mức 3,0%, trong khi lãi suất LPR 5 năm giữ ở khoảng 3,5% - mức thấp nhất trong nhiều năm trở lại đây.

Trong khi hoạt động sản xuất có dấu hiệu chậm lại, xuất khẩu vẫn là điểm sáng của kinh tế Trung Quốc. Bất chấp chiến tranh tại Iran, xuất khẩu của nước này tiếp tục tăng mạnh trong năm nay, sau khi ghi nhận thặng dư thương mại kỷ lục 1,2 nghìn tỷ USD trong năm 2025.

DIỄN BIẾN LÃI SUẤT LPR CỦA PBOC ĐẾN THÁNG 5/2026

Đơn vị tính: %



Nguồn: PBOC, Reuters

Từ đầu năm 2026 đến nay, khối lượng hàng hóa xuất khẩu của Trung Quốc nhìn chung vẫn cao hơn mức kỷ lục của năm ngoái. Động lực chính đến từ làn sóng đầu tư vào hạ tầng trí tuệ nhân tạo (AI) trên toàn cầu, kéo theo nhu cầu lớn đối với trung tâm dữ liệu và các thiết bị điện đi kèm.

Hiện Trung Quốc chưa công bố số liệu xuất khẩu tháng 5. Dữ liệu mới nhất cho thấy xuất khẩu tháng 4 tăng 14,1% so với cùng kỳ năm trước, đạt 359,44 tỷ USD.

Tuy nhiên, đồng nhân dân tệ mạnh lên kéo dài đang gây sức ép đáng kể lên các doanh nghiệp xuất khẩu Trung Quốc. Khi đồng nội tệ tăng giá, doanh thu bằng ngoại tệ của doanh nghiệp bị giảm giá trị khi quy đổi về nhân dân tệ, trong khi chi phí tài chính cũng có thể tăng.

Trong khi đó, cuộc gặp thượng đỉnh được kỳ vọng lớn giữa Tổng thống Mỹ Donald Trump và Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình vào giữa tháng trước không mang lại nhiều kết quả đột phá. Dù vậy, việc hai bên lập các cơ chế mới về thương mại và đầu tư có thể mở ra thêm cơ hội kinh doanh cho các nhà sản xuất Trung Quốc.

Theo Bộ Thương mại Trung Quốc, thông qua Hội đồng Thương mại Mỹ - Trung, hai bên sẽ tìm cách hạ thuế quan đối với ít nhất 30 tỷ USD hàng hóa nhập khẩu từ mỗi nước.

■ EU

Khảo sát PMI toàn cầu của S&P cho tháng 5/2026 đã báo hiệu sự đảo ngược một phần so với đà tăng trưởng mạnh mẽ được chứng kiến trong tháng 4/2026, khi các đơn đặt hàng mới tăng với tốc độ nhanh nhất trong bốn năm do việc mua hàng trước đó thúc đẩy tăng trưởng.

Trong khi đó, hai chỉ số giá của khảo sát cho thấy áp lực lạm phát tiếp tục gia tăng. Chi phí đầu vào tăng với tốc độ mạnh nhất kể từ tháng 5 năm 2022 và tỷ lệ lạm phát giá thành đạt mức cao nhất trong ba năm rưỡi.

Chỉ số PMI sản xuất khu vực đồng euro toàn cầu của S&P – thước đo sức khỏe tổng thể của ngành sản xuất khu vực đồng euro, được tính toán từ các chỉ số về đơn đặt hàng mới, sản lượng, việc làm, thời gian giao hàng của nhà cung cấp và lượng hàng tồn kho – đã giảm từ mức cao gần bốn năm là 52,2 trong tháng 4/2026 xuống còn 51,6 trong tháng 5/2026. Tuy nhiên, chỉ số mới nhất vẫn nằm trong số những chỉ số cao nhất được ghi nhận kể từ giữa năm 2022.

Bốn chỉ số phụ PMI khác mang lại ảnh hưởng tiêu cực trong tháng 5/2026. Đáng chú ý nhất, khối lượng đơn đặt hàng mới bị đình trệ, đánh dấu sự đảo chiều nhanh chóng về điều kiện nhu cầu sau khi tháng 4 chứng kiến tăng trưởng doanh số đạt mức kỷ lục bốn năm. Điều này một phần do sự sụt giảm mới trong các đơn đặt hàng xuất khẩu mới. Tuy nhiên, tăng trưởng sản xuất vẫn được duy trì, mặc dù tốc độ phục hồi chậm nhất kể từ tháng 1/2026.

Bên cạnh đó, nền kinh tế châu Âu trong tháng 5/2026 tiếp tục đối mặt với tình trạng tăng trưởng trì trệ trong bối cảnh lạm phát quay trở lại mạnh hơn dự kiến và áp lực chi phí năng lượng gia tăng do xung đột tại Trung Đông. Theo số liệu từ Eurostat, lạm phát khu vực đồng euro đã tăng lên 3,2% trong tháng 5, cao hơn mức 3% của tháng trước và là lần đầu tiên vượt mốc 3% sau hơn hai năm rưỡi. Mức lạm phát này tiếp tục cao hơn đáng kể so với mục tiêu 2% của Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB), làm gia tăng lo ngại về nguy cơ lạm phát kéo dài trong khu vực.

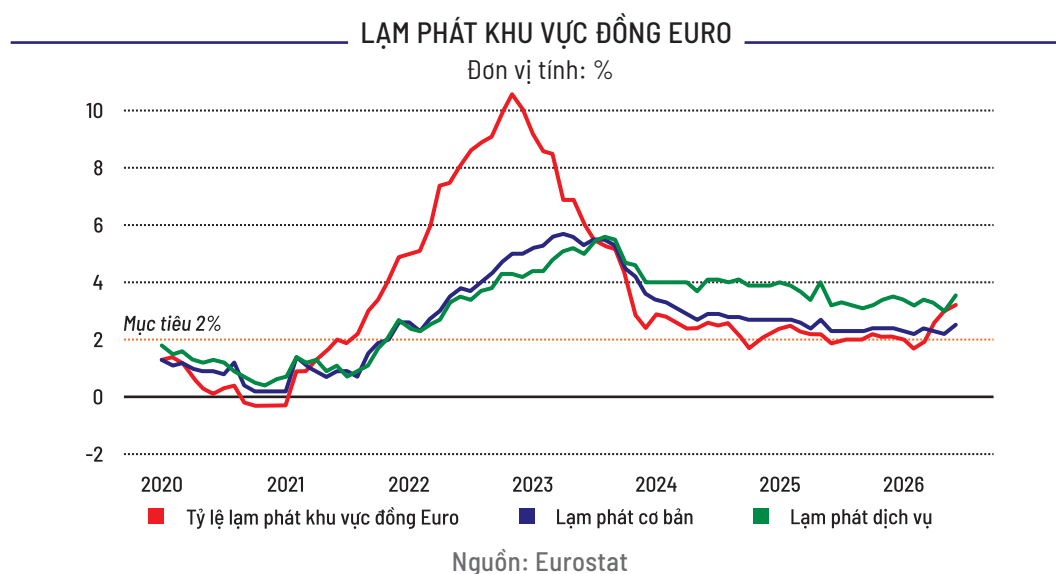
Không chỉ lạm phát tổng thể tăng cao, các chỉ số lạm phát cơ bản cũng cho thấy áp lực giá cả đang lan rộng trong nền kinh tế. Lạm phát lõi - không bao gồm thực phẩm và năng lượng - tăng lên 2,5%, vượt kỳ vọng thị trường, trong khi lạm phát dịch vụ tăng mạnh lên 3,5%. Điều này phản ánh việc chi phí vận hành, lao động và tiêu dùng trong khu vực vẫn duy trì ở mức cao, bất chấp hoạt động kinh tế đang suy yếu.

Áp lực lạm phát gia tăng chủ yếu đến từ giá năng lượng và chi phí logistics leo thang sau những gián đoạn trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Nhiều nền kinh tế lớn trong Eurozone ghi nhận lạm phát tăng tốc rõ rệt trong tháng 5. Tại Pháp, lạm phát tăng lên 2,8%; Ý tăng lên 3,3%; còn Tây Ban Nha lên tới 3,6%. Riêng Đức ghi nhận mức giảm nhẹ xuống còn 2,7%, nhưng vẫn duy trì cao hơn mục tiêu dài hạn của ECB.

Trong bối cảnh đó, thị trường tài chính gần như chắc chắn ECB sẽ tiến hành đợt tăng lãi suất đầu tiên kể từ tháng 9/2023 trong cuộc họp ngày 11/6 nhằm kiểm soát

lạm phát và ổn định kỳ vọng thị trường. Việc ECB buộc phải duy trì lập trường tiền tệ thắt chặt cho thấy cơ quan này đang đứng trước thế khó khi vừa phải kiểm chế giá cả, vừa phải hạn chế nguy cơ nền kinh tế rơi vào suy giảm sâu hơn.

Song song với áp lực lạm phát, hoạt động kinh doanh tư nhân tại châu Âu cũng có dấu hiệu suy yếu rõ rệt. Chi phí đầu vào tăng mạnh khiến nhiều doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ đối mặt với biên lợi nhuận thu hẹp, trong khi nhu cầu tiêu dùng của hộ gia đình giảm do chi phí sinh hoạt ngày càng đắt đỏ. Điều này khiến triển vọng phục hồi kinh tế của châu Âu trong ngắn hạn tiếp tục bị phủ bóng bởi rủi ro tăng trưởng thấp và lạm phát cao kéo dài.



2. DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG

Triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong tháng 5/2026 tiếp tục bị điều chỉnh theo hướng tiêu cực khi xung đột tại Trung Đông kéo dài, đẩy giá năng lượng tăng cao và làm gián đoạn các tuyến vận tải huyết mạch của thế giới. Cuộc khủng hoảng tại eo biển Hormuz - nơi trung chuyển phần lớn dầu mỏ và khí đốt toàn cầu - đã khiến chi phí vận tải, logistics và sản xuất tăng mạnh, làm gia tăng áp lực lạm phát và suy yếu động lực phục hồi kinh tế ở nhiều khu vực.

Theo Giám đốc điều hành của Maersk, Vincent Clerc, cuộc xung đột Trung Đông đã trở thành “hồi chuông cảnh báo mới” đối với thương mại toàn cầu khi ngành vận tải biển phải đối mặt với cú sốc năng lượng lớn chưa từng có trong nhiều năm trở lại đây. Maersk cho biết giá dầu quanh ngưỡng 100 USD/thùng có thể khiến tập đoàn phát sinh thêm khoảng 500 triệu USD chi phí mỗi tháng. Chi phí nhiên liệu và logistics leo thang không chỉ gây áp lực lên doanh nghiệp mà còn làm suy giảm niềm tin tiêu dùng, kéo giảm nhu cầu hàng hóa và ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong các quý tới. Dù vậy, Maersk vẫn dự báo nhu cầu vận tải container toàn cầu có thể tăng khoảng 2-4% đến năm 2026 nếu tình hình địa chính trị sớm ổn định và giá dầu hạ nhiệt.

Trong bối cảnh đó, nhiều tổ chức quốc tế đã đồng loạt hạ dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới. Liên hợp quốc (UN) đã điều chỉnh dự báo tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2026 từ 2,7% xuống còn 2,5%. Trong kịch bản xấu hơn, tăng trưởng toàn cầu có thể giảm xuống chỉ còn 2,1%, trở thành một trong những mức thấp nhất trong nhiều thập kỷ, ngoại trừ giai đoạn khủng hoảng tài chính 2008 và đại dịch COVID-19. Đồng thời, Liên hợp quốc cũng nâng dự báo lạm phát toàn cầu năm nay lên 3,9%, cao hơn 0,8 điểm phần trăm so với dự báo hồi đầu năm do tác động trực tiếp từ giá năng lượng tăng mạnh.

Khu vực châu Á - Thái Bình Dương cũng chịu áp lực đáng kể khi giá dầu và các điều kiện tài chính thắt chặt làm gia tăng rủi ro đối với tăng trưởng. Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) đã hạ dự báo tăng trưởng của khu vực từ 5,1% xuống còn 4,7% trong năm 2026, đồng thời nâng dự báo lạm phát lên 5,2%. ADB cảnh báo nếu xung đột tiếp tục leo thang và giá dầu tăng vọt, tăng trưởng của khu vực có thể giảm sâu xuống còn 4,2% trong năm nay, trong khi lạm phát có nguy cơ chạm mức 7,4%. Các nền kinh tế phụ thuộc lớn vào nhập khẩu nhiên liệu, du lịch và kiều hối sẽ là nhóm chịu ảnh hưởng nặng nề nhất.

Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) cũng cho rằng châu Á đang đối mặt với những rủi ro ngày càng lớn từ cú sốc năng lượng và sự suy yếu của cán cân thanh toán quốc tế. Theo IMF, chiến tranh tại Trung Đông không chỉ làm gia tăng lạm phát mà còn thu hẹp dư địa chính sách của nhiều quốc gia do chi phí nhập khẩu năng lượng tăng mạnh.

Dù bức tranh kinh tế toàn cầu trở nên u ám hơn, một số nền kinh tế lớn vẫn được đánh giá duy trì khả năng chống chịu tương đối tốt. Liên hợp quốc dự báo kinh tế Mỹ có thể tăng trưởng khoảng 2% trong năm nay, tương đương năm trước, nhờ thị trường lao động và tiêu dùng nội địa vẫn ổn định. Tại châu Á, Trung Quốc được dự báo tăng trưởng khoảng 4,6%, giảm nhẹ so với mức 5% của năm 2025 nhờ kho dự trữ năng lượng lớn và các biện pháp hỗ trợ của chính phủ. Trong khi đó, Ấn Độ tiếp tục là nền kinh tế lớn tăng trưởng nhanh nhất thế giới với mức dự báo khoảng 6,4%.

Dù vậy, giới phân tích cho rằng nền kinh tế toàn cầu hiện vẫn đang trong trạng thái rất nhạy cảm trước các cú sốc địa chính trị và năng lượng. Nhà kinh tế trưởng của Goldman Sachs, Jan Hatzius, nhận định kinh tế thế giới đang “uốn cong chứ chưa gãy đổ”, nhưng rủi ro suy giảm tăng trưởng vẫn hiện hữu nếu giá dầu tiếp tục duy trì ở mức cao và chuỗi cung ứng toàn cầu không sớm ổn định trở lại.



PHẦN II

KINH TẾ VIỆT NAM



1. TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM THÁNG 05/2026

1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội

Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (PMI) ngành sản xuất Việt Nam của S&P Global tăng lên 52,8 trong tháng 5/2026, tăng từ mức 50,5 của tháng 4/2026 và đạt mức cao nhất kể từ tháng 2/2026, là tháng ngay trước khi nổ ra cuộc chiến tranh ở Trung Đông. Các điều kiện kinh doanh nhìn chung đã cải thiện liên tục lần thứ 11 trong 11 tháng. Sau khi giảm nhẹ trong tháng 4/2026, số lượng đơn đặt hàng mới tăng trở lại trong tháng 5/2026, với mức tăng là đáng kể và đạt mức độ cao nhất trong ba tháng.

Ở một mức độ nào đó, tình trạng tăng số lượng đơn đặt hàng mới phản ánh việc tăng hàng tồn kho an toàn của các khách hàng và những quan ngại về ảnh hưởng của một cuộc xung đột kéo dài ở Trung Đông. Số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới tăng trở lại cũng được ghi nhận, từ đó kết thúc chuỗi giảm kéo dài hai tháng. Dù vậy, tốc độ tăng chỉ là nhẹ, khi chi phí vận tải cao và những vấn đề của khâu hậu cần đã làm hạn chế nhu cầu trên thị trường quốc tế. Sản lượng đã tăng tháng thứ 13 liên tiếp, và với tốc độ nhanh nhất kể từ tháng 2/2026.

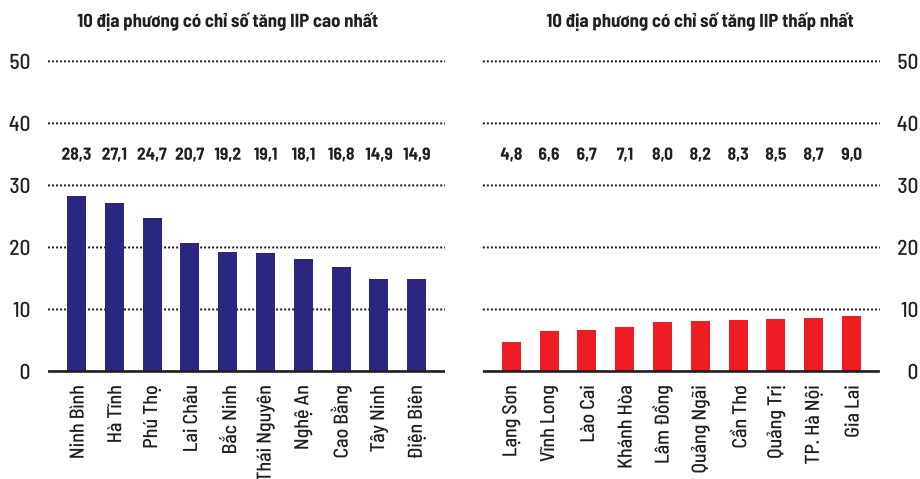
1.1.1. Sản xuất công nghiệp

Sản xuất công nghiệp tháng Năm tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực. Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp trong tháng ước tính tăng 3,3% so với tháng trước và tăng 8,8% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung năm tháng đầu năm 2026, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tăng 9,1% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng cao nhất của năm tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước trong bốn năm gần đây.

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng Năm ước tăng 3,3% so với tháng trước và tăng 8,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 9,0% so với cùng kỳ năm trước; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 8,7%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 8,5%; ngành khai khoáng tăng 6,0%.

**TỐC ĐỘ TĂNG/GIẢM IIP NĂM THÁNG ĐẦU NĂM 2026
SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC CỦA MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG**

Đơn vị tính: %



Nguồn: Cục Thống kê

1.1.2. Xuất nhập khẩu

■ Xuất khẩu hàng hóa:

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng Năm đạt 46,93 tỷ USD, tăng 2,1% so với tháng trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 9,05 tỷ USD, giảm 4,1%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 37,88 tỷ USD, tăng 3,6%. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng Năm tăng 18,0%, trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 3,5%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) tăng 22,0%.

Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu năm tháng đầu năm 2026, nhóm hàng công nghiệp chế biến đạt 193,71 tỷ USD, chiếm 89,8%; nhóm hàng nông sản, lâm sản đạt 15,79 tỷ USD, chiếm 7,3%; nhóm hàng thủy sản đạt 4,67 tỷ USD, chiếm 2,2%; nhóm hàng nhiên liệu và khoáng sản đạt 1,49 tỷ USD, chiếm 0,7%.

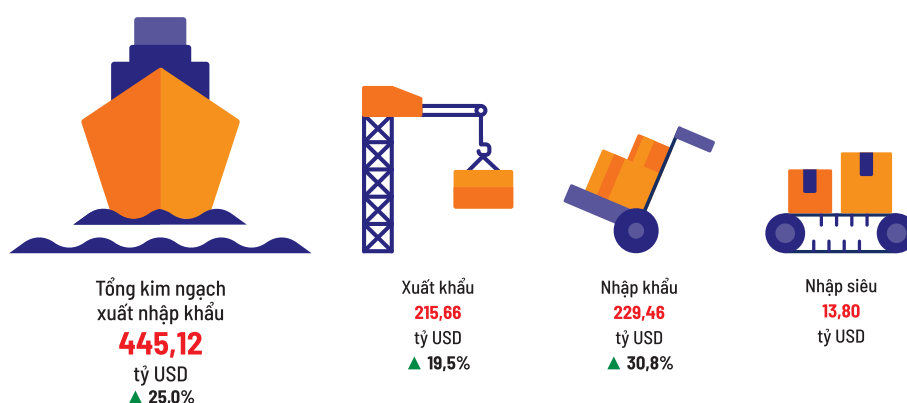
■ Nhập khẩu hàng hóa:

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng Năm đạt 52,14 tỷ USD, tăng 4,3% so với tháng trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 13,17 tỷ USD, giảm 10,8%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 38,97 tỷ USD, tăng 10,7%. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng Năm tăng 33,8%, trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 22,2%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 38,2%.

Về cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu năm tháng đầu năm 2026, nhóm hàng tư liệu sản xuất đạt 215,99 tỷ USD, chiếm 94,1%, trong đó nhóm hàng máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng chiếm 55,7%; nhóm hàng nguyên, nhiên, vật liệu chiếm 38,4%. Nhóm hàng vật phẩm tiêu dùng đạt 13,47 tỷ USD, chiếm 5,9%.

Theo số liệu sơ bộ, cán cân thương mại hàng hóa tháng Tư nhập siêu 3,99 tỷ USD; bốn tháng nhập siêu 8,59 tỷ USD; tháng Năm nhập siêu 5,21 tỷ USD. Tính chung năm tháng đầu năm 2026, cán cân thương mại hàng hóa nhập siêu 13,80 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 5,1 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 20,76 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 6,96 tỷ USD.

XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA NĂM THÁNG ĐẦU NĂM 2026



Nguồn: Cục Thống kê

1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Trong tháng Năm, cả nước có hơn 17,0 nghìn doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký hơn 280,9 nghìn tỷ đồng và số lao động đăng ký gần 75,9 nghìn lao động, giảm 16,5% về số doanh nghiệp, tăng 13,8% về vốn đăng ký và giảm 16,6% về số lao động so với tháng Tư. So với cùng kỳ năm trước, tăng 12,5% về số doanh nghiệp, tăng 79,3% về số vốn đăng ký và giảm 22,7% về số lao động. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong tháng Năm đạt 16,5 tỷ đồng, tăng 36,4% so với tháng trước và tăng 59,3% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, cả nước còn có 9,1 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, giảm 3,9% so với tháng trước và tăng 13,6% so với cùng kỳ năm 2025.

Tính chung năm tháng đầu năm 2026, cả nước có hơn 94,8 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký gần 1.066,3 nghìn tỷ đồng và tổng số lao động đăng ký 432,8 nghìn lao động, tăng 42,1% về số doanh nghiệp, tăng 64,8% về vốn đăng ký và giảm 4,7% về số lao động so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong năm tháng đầu năm 2026 đạt 11,2 tỷ đồng, tăng 16,0% so với cùng kỳ năm 2025. Bên cạnh đó, cả nước có gần 47,8 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động (tăng 6,1% so với cùng kỳ năm 2025), nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động trong năm tháng đầu năm 2026 lên hơn 142,6 nghìn doanh nghiệp, tăng 27,6% so với cùng kỳ năm 2025. Bình quân một tháng có 28,5 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động.

Theo khu vực kinh tế, năm tháng đầu năm 2026 có 978 doanh nghiệp thành lập mới thuộc khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, tăng 56,0% so với cùng kỳ năm trước; gần 23,3 nghìn doanh nghiệp thuộc khu vực công nghiệp và xây dựng, tăng 52,7%; gần 70,6 nghìn doanh nghiệp thuộc khu vực dịch vụ, tăng 38,7%.

TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP TẠI VIỆT NAM



Nguồn: Cục Thống kê

1.1.4. Hoạt động đầu tư

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng Năm ước đạt gần 65 nghìn tỷ đồng, tăng 10,2% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Vốn Trung ương quản lý đạt gần 10,2 nghìn tỷ đồng, tăng 17,4%; vốn địa phương quản lý đạt 54,8 nghìn tỷ đồng, tăng 8,9%. Tính chung năm tháng đầu năm 2026, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt 254,1 nghìn tỷ đồng, bằng 24,0% kế hoạch năm và tăng 11,2% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2025 bằng 22,5% và tăng 21,1%).

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 31/5/2026 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 24,81 tỷ USD, tăng 34,9% so với cùng kỳ năm trước.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam năm tháng đầu năm 2026 ước đạt 9,75 tỷ USD, tăng 9,6% so với cùng kỳ năm trước. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất của năm tháng đầu năm trong 5 năm qua. Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 8,06 tỷ USD, chiếm 82,7% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 716,5 triệu USD, chiếm 7,3%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 356,6 triệu USD, chiếm 3,7%.

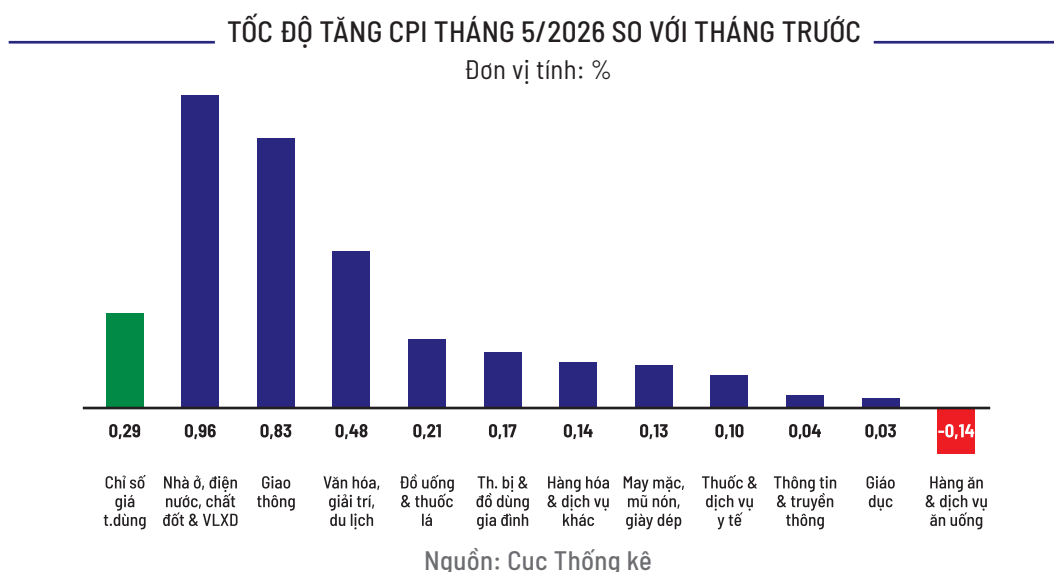
Tính chung tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và điều chỉnh) đạt 794,6 triệu USD, gấp 2,5 lần so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Xây dựng đạt 178,8 triệu USD, chiếm 22,5% tổng vốn đầu tư; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 163,8 triệu USD, chiếm 20,6%; vận tải kho bãi đạt 150,5 triệu USD, chiếm 18,9%.

Trong năm tháng đầu năm 2026, có 33 quốc gia và vùng lãnh thổ nhận đầu tư của Việt Nam, trong đó: Lào là nước dẫn đầu với 199,5 triệu USD, chiếm 25,1% tổng vốn đầu tư; Cư-rơ-gư-xtan 149,9 triệu USD, chiếm 18,9%; Anh 82,8 triệu USD, chiếm 10,4%; Ca-dắc-xtan 36,0 triệu USD, chiếm 4,5%; Căm-pu-chia 32,9 triệu USD, chiếm 4,1%; Hoa Kỳ 31,9 triệu USD, chiếm 4,0%; quần đảo Virgin thuộc Anh 30,1 triệu USD, chiếm 3,8%.

1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng Năm tăng 0,29% so với tháng trước do giá điện, nước sinh hoạt tăng cùng với nhu cầu sử dụng cao trong thời tiết nắng nóng, giá vật liệu xây dựng, nhà ở thuê, giá xăng tăng. CPI tháng Năm tăng 3,61% so với tháng 12/2025 và tăng 5,60% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung năm tháng đầu năm 2026, CPI tăng 4,31% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 4,04%.



1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ

1.2.1. Tăng trưởng tín dụng

Trong 5 tháng đầu năm 2026, NHNN giữ nguyên các mức lãi suất điều hành nhằm tạo điều kiện cho các tổ chức tín dụng tiếp cận nguồn vốn từ NHNN với chi phí thấp để góp phần hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. NHNN chỉ đạo các tổ chức tín dụng triển khai các giải pháp ổn định mặt bằng lãi suất. Đến ngày 20/4/2026, lãi suất cho vay bình quân đối với giao dịch phát sinh mới ở mức 8,38%/năm, giảm 0,44%/năm so với cuối năm 2025.

Thực tế cho thấy, tăng trưởng tín dụng có sự phân hóa lớn giữa các nhà băng. Nếu như một số nhà băng tăng trưởng tín dụng chậm lại so với cùng kỳ, hoặc tăng trưởng âm so với cuối năm ngoái thì vẫn có một số nhà băng đạt mức tăng trưởng tín dụng ấn tượng như VPBank (tăng 10,2% so với cuối năm 2025), HDBank.

Năm 2026, NHNN định hướng tăng trưởng tín dụng khoảng 15%, xấp xỉ tăng trưởng GDP danh nghĩa; dù thấp hơn mức 19,1% của năm 2025, song đây là lựa chọn hợp lý để giữ ổn định vĩ mô. Theo đó, tín dụng ròng dự kiến bơm thêm vào nền kinh tế sẽ khoảng 2,8 triệu tỷ đồng, tương đương gần 19% GDP. Nếu loại trừ phần tín dụng tiêu dùng khoảng 20%, còn lại hơn 80% dư nợ, tương đương 15,2% GDP có thể phân bổ cho lĩnh vực sản xuất và những hoạt động khác. Phần vốn còn thiếu, khoảng 4% GDP, phải được bù đắp từ thị trường vốn.

1.2.2. Lãi suất

Lãi suất liên ngân hàng tăng mạnh, NHNN phải liên tục bơm thanh khoản qua thị trường mở, trong khi lãi suất huy động tại các ngân hàng thương mại có sự phân hóa rõ nét giữa các nhóm ngân hàng.

Theo đó, lãi suất liên ngân hàng qua đêm duy trì ở mức cao từ 5-6%/năm trong phần lớn thời gian của tháng.

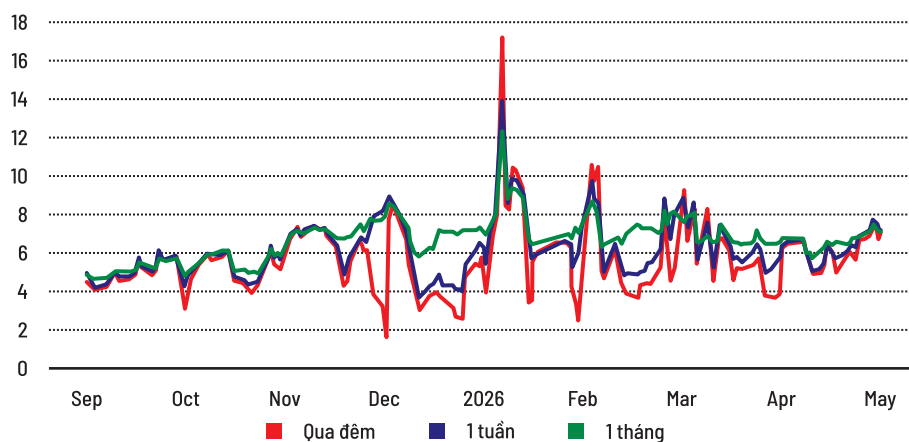
Đến ngày 28/5, lãi suất qua đêm đạt 6,96%/năm, kỳ hạn 1 tuần lên 7,38%/năm, kỳ hạn 2 tuần đạt 7,35%/năm và kỳ hạn 1 tháng ở mức 7,32%/năm.

Trong tháng 5 có khoảng 6 ngân hàng điều chỉnh giảm lãi suất huy động. Tuy nhiên, vẫn có khoảng 9 ngân hàng tăng lãi suất huy động từ 0,1-0,7 điểm phần trăm. Đối với kỳ hạn 12 tháng, mức lãi suất cao nhất cũng đạt 8,8%/năm.

Trung bình lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng của toàn hệ thống ngân hàng ở mức khoảng 8,35%/năm, tăng hơn 2,5 điểm phần trăm so với đầu năm.

DIỄN BIẾN LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG

Đơn vị tính: %

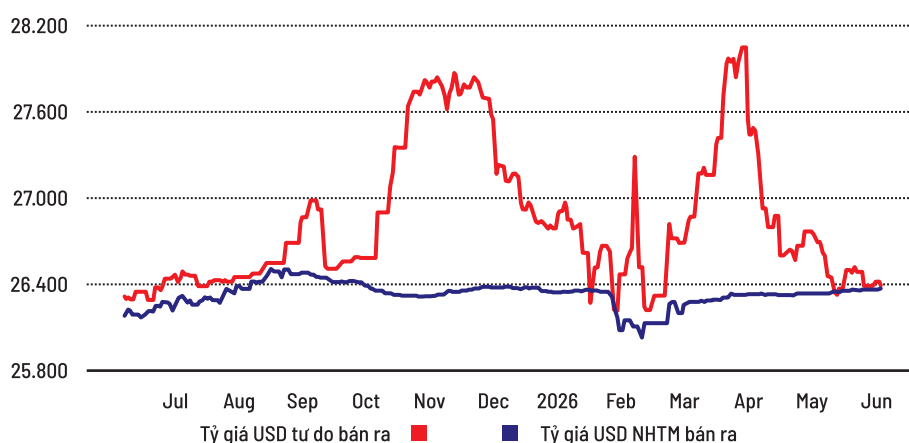


Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Giá đô la Mỹ trong nước biến động cùng chiều với giá thế giới. Tính đến ngày 27/5/2026, chỉ số USD trên thị trường quốc tế bình quân tháng Năm đạt mức 98,62 điểm, giảm nhẹ 0,01 điểm so với tháng Tư do thị trường kỳ vọng Cục Dự trữ liên bang Mỹ (FED) có thể giảm lãi suất trong thời gian tới. Trong nước, giá đô la Mỹ bình quân trên thị trường tự do quanh mức 26.375 VND/USD. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng Năm tăng 0,02% so với tháng trước do nhu cầu ngoại tệ trong nước tăng; tăng 0,78% so với cùng kỳ năm trước; giảm 0,28% so với tháng 12/2025; bình quân năm tháng đầu năm 2026, chỉ số giá đô la Mỹ tăng 1,99%.

DIỄN BIẾN TỶ GIÁ TRUNG TÂM TÍNH ĐẾN HẾT THÁNG 05/2026

Đơn vị tính: VND/USD



Nguồn: WiGroup

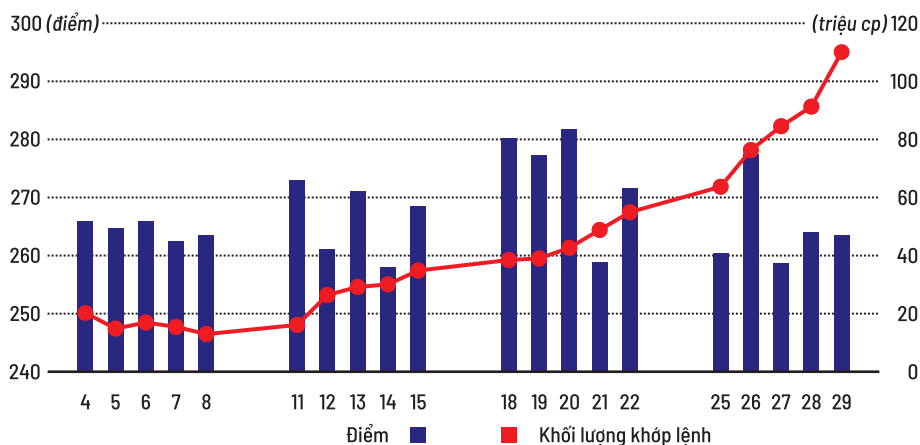
1.2.4. Chứng khoán

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) vừa cho biết tháng 05/2026, diễn biến giá cổ phiếu trên thị trường niêm yết HNX có xu hướng tăng mạnh.

Theo đó, với 20 phiên giao dịch trong tháng 5, chỉ số giá HNX-Index đóng cửa phiên giao dịch cuối tháng ở mức 294,94 điểm, tăng 17,67% so với tháng trước.

Theo HNX, trái ngược với xu hướng tăng điểm mạnh của chỉ số, thanh khoản thị trường giảm nhẹ với khối lượng giao dịch bình quân đạt 66,8 triệu cổ phiếu/phiên, giảm 12,64%, tương ứng giá trị giao dịch bình quân giảm 12,46% đạt 1.225 tỷ đồng/phiên.

BIỂU ĐỒ ĐIỂM CHỈ SỐ HNX-INDEX THÁNG 05/2026



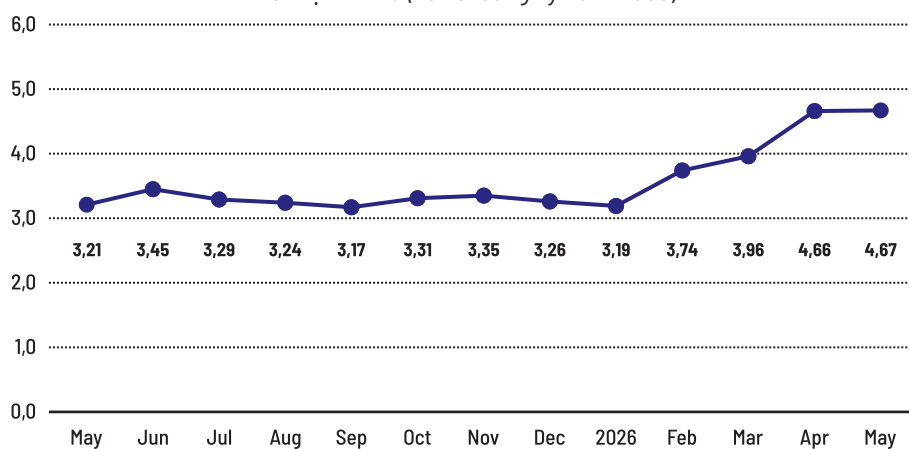
Nguồn: HNX

1.2.5. Lạm phát

Lạm phát cơ bản tháng Năm tăng 0,34% so với tháng trước và tăng 4,67% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân năm tháng đầu năm 2026, lạm phát cơ bản tăng 4,04% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng 4,31% của CPI bình quân chung do giá xăng dầu, gas và thực phẩm biến động mạnh làm CPI chung tăng, trong khi các yếu tố này được loại trừ trong danh mục tính toán lạm phát cơ bản.

DIỄN BIẾN LẠM PHÁT CƠ BẢN ĐẾN THÁNG 05/2026

Đơn vị tính: % (so với cùng kỳ năm trước)



Nguồn: Cục Thống kê

2. DỰ BÁO KINH TẾ VIỆT NAM

2.1. Về chủ trương, chính sách

Trong tháng 5/2026, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều nghị định, quyết định, chỉ thị quan trọng trên các lĩnh vực tiền lương, an sinh xã hội, cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số, giáo dục, y tế, tài chính và quản lý nhà nước, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- ***Quyết định số 12/2026/QĐ-TTg sửa đổi cơ chế bảo lãnh vay vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV), có hiệu lực từ ngày 15/5/2026.***

Sửa đổi cơ chế bảo lãnh vay vốn cho DNNVV theo hướng siết chặt quản lý tài chính, ngừng áp dụng các quy trình cũ. Chính sách mới tập trung vào việc chuẩn hóa công thức tính lãi suất USD, thắt chặt quy trình xử lý rủi ro và dùng cấp bù ngân sách cho các khoản vay được miễn/giảm lãi. Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy tham khảo

- ***Thông tư 50/2025/TT-BCT về Tổng lực chuyển dịch sang xăng sinh học E10***

Mặc dù Thông tư có mốc hiệu lực chính thức từ ngày 1/6/2026, nhưng trong suốt tháng 5/2026, Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước đã ban hành Công văn hỏa tốc số 1525/TTTN-NV. Lực lượng Quản lý thị trường được tung ra để tổng kiểm tra, buộc các thương nhân đầu mối đầu tư bốn bể và chuyển đổi toàn bộ hạ tầng trạm xăng.

- ***Nghị quyết số 25/2026/NQ-CP ngày 30/4/2026 về việc kéo dài thời hạn áp dụng quy định giảm thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng xăng, dầu và nguyên liệu sản xuất xăng, dầu.***

Chính phủ ban hành nghị quyết mới nhằm kéo dài thời hạn áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi về 0% đối với một số mặt hàng xăng dầu đến hết ngày 30/6/2026 là một bước đi chiến lược mang tính kịp thời, thay thế cho thời hạn cũ là ngày 30/4/2026 theo quy định trước đó.

2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Theo Báo cáo Cập nhật Tình hình Kinh tế Việt Nam (tháng 5/2026) của Ngân hàng Thế giới (WB), Việt Nam bước vào năm 2026 với nền tảng vững chắc, nổi bật so với nhiều nền kinh tế trong khu vực ASEAN. Tuy nhiên, triển vọng kinh tế Việt Nam cũng như trên thế giới đang chịu sức ép gia tăng từ những diễn biến địa chính trị, đặc biệt là xung đột tại Trung Đông. Cú sốc giá dầu liên quan đến căng thẳng khu vực này kể từ tháng 3/2026 được xem là một trong những cú sốc lớn nhất trong nhiều thập kỷ, với tác động lan tỏa sâu rộng đến nền kinh tế toàn cầu. Qua đó, WB dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam có thể giảm xuống còn 6,8% trong năm 2026 do tác động của cú sốc dầu mỏ đến nhu cầu toàn cầu và hoạt động kinh tế trong nước. Tuy nhiên, tăng trưởng được kỳ vọng sẽ phục hồi lên mức 7,1% vào năm 2027.

DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG GDP CỦA VIỆT NAM TRONG NĂM 2026 VÀ CÁC NĂM TỚI

	2024	2025e	2026f	2027f	2028f
CHỈ SỐ					
Tăng trưởng GDP (%)	7,0	8,0	6,8	7,1	7,4
<i>Tăng trưởng theo các yếu tố:</i>					
Tiêu dùng hộ gia đình	6,7	8,0	6,8	8,0	7,8
Tiêu dùng Chính phủ	6,7	7,3	6,8	7,3	7,4
Đầu tư	5,8	11,9	5,9	7,5	7,7
Xuất khẩu	7,1	8,0	8,6	9,5	9,0
Nhập khẩu	15,5	16,3	9,5	11,4	12,2
Lạm phát (trung bình cả năm, %)	3,6	3,3	4,2	3,8	3,5
Cán cân vãng lai (% GDP)	6,4	6,5	4,9	3,0	1,6
Cán cân tài khóa (% GDP)	-1,0	-3,6	-3,5	-3,6	-3,7
Nợ công (% GDP)	33,9	33,7	32,2	33,4	35,0

Nguồn: Báo cáo Cập nhật Tình hình Kinh tế Việt Nam (tháng 5/2026) của WB



THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO

1. THỊ TRƯỜNG DẦU THÔ

1.1. Thông tin trong kỳ

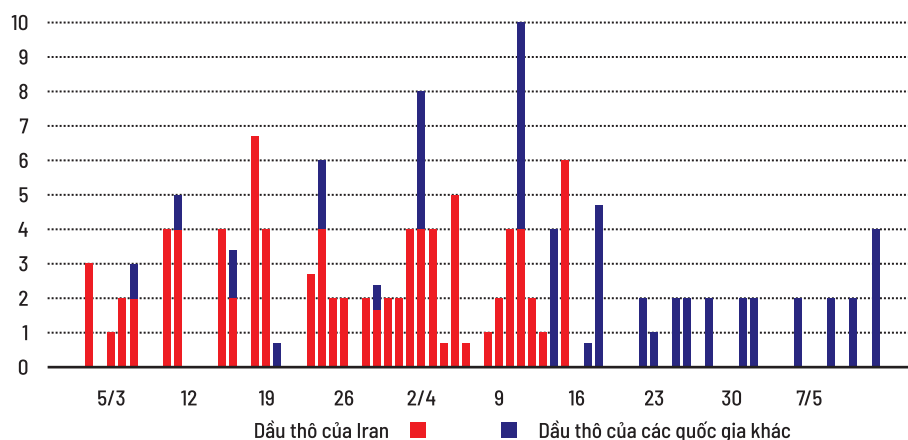
1.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ Cung dầu mỏ:

Cung dầu mỏ toàn cầu trong tháng 5/2026 tiếp tục chịu áp lực nghiêm trọng do tác động kéo dài của xung đột tại Trung Đông, đặc biệt là khu vực Iran và eo biển Hormuz. Thị trường năng lượng thế giới bước vào giai đoạn biến động mạnh khi nguồn cung bị gián đoạn, hoạt động logistics suy yếu và lượng dự trữ dầu toàn cầu sụt giảm với tốc độ chưa từng có trong nhiều năm trở lại đây. Trong bối cảnh đó, việc UAE tuyên bố chính thức rút khỏi OPEC từ ngày 1/5/2026 không chỉ tác động tới thị trường dầu mỏ mà còn phản ánh xu hướng tái cấu trúc an ninh năng lượng toàn cầu, khi các quốc gia xuất khẩu dầu ngày càng ưu tiên lợi ích chiến lược và an ninh năng lượng quốc gia hơn các cơ chế điều phối tập thể truyền thống.

DÒNG CHẢY DẦU THÔ TỪ VÙNG VỊNH QUA EO BIỂN HORMUZ SUY GIẢM MẠNH TRONG GIAI ĐOẠN XUNG ĐỘT

Đơn vị tính: Triệu thùng/ngày



Nguồn: Bloomberg, Kpler

Theo Rystad Energy, thế giới đã mất khoảng 600 triệu thùng nguồn cung dầu kể từ khi xung đột diễn ra. Ông Claudio Galimberti, nhà kinh tế trưởng của Rystad Energy, nhận định nếu hoạt động vận chuyển được khôi phục từ cuối tháng 5/2026, tổng lượng nguồn cung thiếu hụt có thể lên tới 1,2 - 2 tỷ thùng, tương đương khoảng 16% - 27% lượng tồn kho toàn cầu trước xung đột. Tình trạng gián đoạn nguồn cung tiếp tục khiến thị trường năng lượng toàn cầu đối mặt áp lực thiếu hụt kéo dài khi quá trình khôi phục logistics tại Trung Đông chậm hơn dự kiến, ngay cả trong trường hợp căng thẳng địa chính trị có dấu hiệu hạ nhiệt.

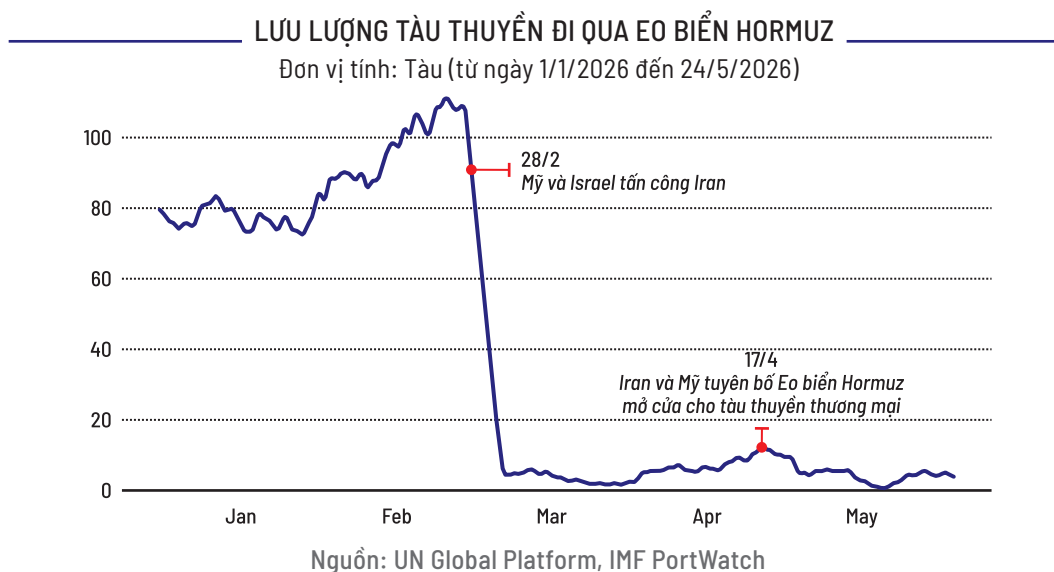
Theo dữ liệu của Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA), dự trữ dầu toàn cầu đã giảm thêm 117 triệu thùng trong tháng 4, sau khi đã sụt giảm mạnh 129 triệu thùng trong tháng trước đó. IEA cho biết tổng lượng dự trữ dầu toàn cầu đã giảm gần 250 triệu thùng kể từ khi chiến sự Iran bắt đầu. Mức giảm thực tế có thể còn lớn hơn nhiều nếu loại trừ lượng dầu đang bị mắc kẹt tại vùng Vịnh trong bối cảnh lưu thông qua eo biển Hormuz gần như tê liệt. Ngày 18/5, Tổng Giám đốc IEA Fatih Birol cảnh báo lượng dự trữ dầu thương mại toàn cầu đang sụt giảm với tốc độ chóng mặt và thị trường năng lượng toàn cầu đã bước vào giai đoạn biến động cao. Ông cho biết nếu tình trạng gián đoạn nguồn cung tiếp diễn, IEA sẽ tiếp tục giải phóng thêm dầu từ kho dự trữ chiến lược để ổn định thị trường.

Trước đó, vào tháng 3/2026, IEA từng tuyên bố sẽ cung ứng cho thị trường toàn cầu 400 triệu thùng dầu từ kho dự trữ khẩn cấp của các quốc gia thành viên. Tính đến nay, khoảng 164 triệu thùng trong số đó đã được đưa ra thị trường. Cơ quan này cho biết tốc độ giải phóng kho dự trữ khẩn cấp đã được đẩy mạnh trong tháng 4/2026 và một lượng dầu lớn hơn sẽ tiếp tục được tung ra trong những tháng tới nhằm giảm áp lực thiếu hụt nguồn cung.

Các tổ chức tài chính lớn cũng ghi nhận mức suy giảm tồn kho dầu ở quy mô kỷ lục. Morgan Stanley ước tính kho dự trữ dầu toàn cầu đã giảm khoảng 4,8 triệu thùng/ngày trong giai đoạn từ ngày 1/3 đến 25/4. Con số này vượt xa mức sụt giảm hàng quý cao nhất từng được ghi nhận trong dữ liệu lịch sử của IEA, trong đó dầu thô chiếm gần 60% đà sụt giảm, phần còn lại là các sản phẩm nhiên liệu tinh chế. Trong khi đó, Goldman Sachs Group Inc. cho biết tổng lượng dự trữ dầu thô và các sản phẩm dầu mỏ trên toàn cầu hiện đã xuống mức thấp nhất kể từ năm 2018. Theo báo cáo mới nhất của Goldman Sachs, lượng hàng tồn kho hữu hình đã giảm với tốc độ kỷ lục khoảng 8,7 triệu thùng/ngày kể từ đầu tháng 5 đến nay, gần gấp đôi tốc độ giảm trung bình kể từ khi xung đột bắt đầu. Dù đà sụt giảm có dấu hiệu chậm lại trong một số ngày gần đây do nhu cầu từ Trung Quốc suy yếu, thị trường vẫn đang trong trạng thái cực kỳ mong manh và dễ tổn thương trước các cú sốc nguồn cung mới.

Theo RIA Novosti dẫn phân tích của Bloomberg ngày 10/5, trữ lượng dầu mỏ toàn cầu đang cạn kiệt do cuộc chiến tại Iran cản trở việc vận chuyển nhiên liệu từ Vịnh Ba Tư. Điều này làm suy yếu vùng đệm bảo vệ thị trường khỏi các cú sốc nguồn cung, đồng thời khiến giá cả biến động mạnh hơn. Bloomberg nhận định các chính phủ và ngành công nghiệp toàn cầu sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc ứng phó với hệ lụy từ việc mất đi hơn 1 tỷ thùng dầu nguồn cung chỉ trong vòng khoảng 2 tháng.

Hoạt động vận tải dầu qua eo biển Hormuz tiếp tục là một trong những vấn đề trọng yếu của thị trường năng lượng toàn cầu trong tháng 5. Theo dữ liệu từ Windward Maritime Intelligence, trong giai đoạn từ ngày 3/5 đến 10/5 - dưới sự hộ tống của Mỹ - chỉ có 86 tàu chở dầu đi qua eo biển Hormuz. Trong số này có 26 tàu rời khu vực để vận chuyển dầu tới các quốc gia nhập khẩu, 41 tàu quay trở lại khu vực chủ yếu là tàu rỗng để nhận hàng, và 19 “tàu bí mật” tắt hệ thống phát tín hiệu AIS nhằm che giấu danh tính trong bối cảnh xung đột.



Dữ liệu của Windward cho thấy khoảng 65% lượng dầu đi qua Hormuz được vận chuyển tới Trung Quốc, tiếp theo là các thị trường liên quan tới Nga (10%), Iran (8%), Singapore (5%), Hàn Quốc (4%) và các quốc gia khác (8%). Các chuyên gia cảnh báo nếu eo biển Hormuz không mở cửa trở lại hoàn toàn vào đầu tháng 6, nhiều quốc gia châu Á sẽ phải đối mặt với cú sốc kinh tế vĩ mô do thiếu hụt dầu diesel và nhiên liệu công nghiệp.

Tại khu vực Trung Đông, hoạt động xuất khẩu dầu tiếp tục bị ảnh hưởng mạnh. Theo dữ liệu từ Kpler và phân tích vệ tinh của SynMax, Công ty Dầu khí Quốc gia Abu Dhabi (ADNOC) của UAE trong tháng 4 đã xuất khẩu ít nhất 6 triệu thùng dầu trên 4 tàu chở dầu từ các cảng nằm bên trong vùng Vịnh. Tuy nhiên, dữ liệu của Kpler cho thấy ADNOC đã phải cắt giảm hơn 1 triệu thùng/ngày lượng dầu xuất khẩu kể từ khi chiến sự bùng phát, so với mức 3,1 triệu thùng/ngày của năm trước. Đồng thời, sản lượng khai thác của OPEC+ trong tháng 5 cũng ghi nhận mức sụt giảm đáng kể do các gián đoạn logistics và rủi ro an ninh tại khu vực sản xuất.

Khu vực châu Á - Thái Bình Dương là một trong những khu vực chịu tác động rõ nét nhất từ tình trạng thiếu hụt nguồn cung dầu. Theo ông Antoine Halff, đồng sáng lập công ty phân tích dữ liệu vệ tinh Kayrros, dự trữ dầu tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương (ngoại trừ Trung Quốc) đã giảm khoảng 70 triệu thùng kể từ khi xung đột bắt đầu. Trong đó, mức dự trữ tại Nhật Bản và Ấn Độ hiện đang ở mức thấp nhất trong ít nhất 10 năm trở lại đây. Singapore - trung tâm giao dịch và tiếp nhiên liệu hàng hải lớn nhất châu Á - cũng chứng kiến lượng tồn kho nhiên liệu giảm mạnh trong những tuần gần đây. Theo số liệu của Enterprise Singapore, lượng dự trữ sản

phẩm dầu mỏ trên đất liền trong tuần kết thúc ngày 6/5 chỉ còn 44,83 triệu thùng, mức thấp nhất kể từ cuối tháng 7/2025.

Thị trường nhiên liệu hàng không toàn cầu cũng trở nên đặc biệt căng thẳng trong tháng 5 khi nhu cầu du lịch hè tại Bắc bán cầu chuẩn bị bước vào cao điểm. Theo dữ liệu từ công ty phân tích dòng chảy năng lượng Vortexa công bố ngày 8/5/2026, lượng xuất khẩu nhiên liệu máy bay và dầu hỏa vận chuyển bằng đường biển trong tháng 4/2026 chỉ đạt khoảng 1,1 triệu thùng/ngày, giảm tới 630.000 thùng/ngày so với cùng kỳ năm ngoái và là mức thấp nhất trong giai đoạn 2016-2025. Nguồn cung từ Đông Bắc Á và khu vực bờ Tây Ấn Độ giảm mạnh đã khiến thị trường nhiên liệu máy bay toàn cầu trở nên căng thẳng hơn đáng kể. Tình trạng khan hiếm nhiên liệu đã khiến nhiều lãnh đạo ngành hàng không và quan chức năng lượng bắt đầu cảnh báo nguy cơ thiếu hụt nhiên liệu bay trong thời gian ngắn nếu chuỗi cung ứng tại Trung Đông không sớm được cải thiện.

Một số quốc gia bắt đầu ghi nhận nguy cơ thiếu hụt nhiên liệu nghiêm trọng. Theo Goldman Sachs, tính đến đầu tháng 5, Ireland chỉ còn lượng nhiên liệu máy bay đủ dùng trong khoảng 10 ngày. Trong khi đó, nhiều nền kinh tế châu Á phụ thuộc lớn vào nhập khẩu dầu từ Trung Đông đang đứng trước nguy cơ thiếu hụt dầu diesel nếu tình trạng gián đoạn tại Hormuz kéo dài sang tháng 6.

Tại Mỹ, số liệu của Bộ Năng lượng cho thấy trong tuần thứ hai của tháng 5 đã có lượng dầu kỷ lục 9,9 triệu thùng được rút ra từ Kho Dự trữ Dầu mỏ Chiến lược (SPR), đưa lượng dự trữ xuống còn khoảng 374 triệu thùng, mức thấp nhất kể từ tháng 7/2024. Động thái này phản ánh nỗ lực của Mỹ trong việc hỗ trợ ổn định nguồn cung và giảm áp lực tăng giá năng lượng trên thị trường quốc tế còn khoảng 374 triệu thùng, mức thấp nhất kể từ tháng 7/2024.

■ **Cầu dầu mỏ:**

Nhu cầu tiêu thụ dầu mỏ toàn cầu trong tháng 5/2026 ghi nhận xu hướng suy yếu rõ rệt dưới tác động của giá năng lượng tăng cao, gián đoạn nguồn cung kéo dài tại Trung Đông và những bất ổn liên quan đến hoạt động vận tải dầu qua eo biển Hormuz. Các nền kinh tế châu Á - khu vực tiêu thụ dầu lớn nhất thế giới - bắt đầu cảm nhận rõ các tác động tiêu cực từ việc xuất khẩu dầu khí bị đình trệ tại Vịnh Ba Tư, khiến tăng trưởng kinh tế chững lại, áp lực lạm phát gia tăng và hoạt động tiêu dùng năng lượng suy yếu. Một số nền kinh tế đã xuất hiện dấu hiệu “lạm phát đình trệ”, khi chi phí năng lượng duy trì ở mức cao trong khi nhu cầu tiêu dùng và sản xuất giảm tốc.

Theo dữ liệu của Kpler được Reuters trích dẫn trong tuần đầu tháng 5, châu Á đã nhập khẩu ít hơn khoảng 30% lượng dầu so với cùng kỳ năm trước. Trong bối cảnh nguồn cung từ Trung Đông bị gián đoạn nghiêm trọng, các quốc gia châu Á buộc phải tăng cường tìm kiếm nguồn cung thay thế từ Mỹ, Nga và khu vực Trung Á. Dữ liệu của Kpler cho thấy các nhà xuất khẩu Mỹ đang vận chuyển khoảng 2,27 triệu thùng dầu/ngày tới châu Á và tăng lên khoảng 3,29 triệu thùng/ngày trong tháng 5. Tuy nhiên, lượng dầu vận chuyển từ Trung Đông sang châu Á trong tháng 4 chỉ đạt khoảng 14,8 triệu thùng/ngày, giảm mạnh so với mức trung bình 18,63

triệu thùng/ngày của tháng 3. Điều này đồng nghĩa lượng nhập khẩu từ Trung Đông giảm khoảng 4 triệu thùng/ngày, trong khi nguồn cung bổ sung từ Mỹ chỉ tăng khoảng 1 triệu thùng/ngày, chưa đủ để bù đắp phần thiếu hụt.

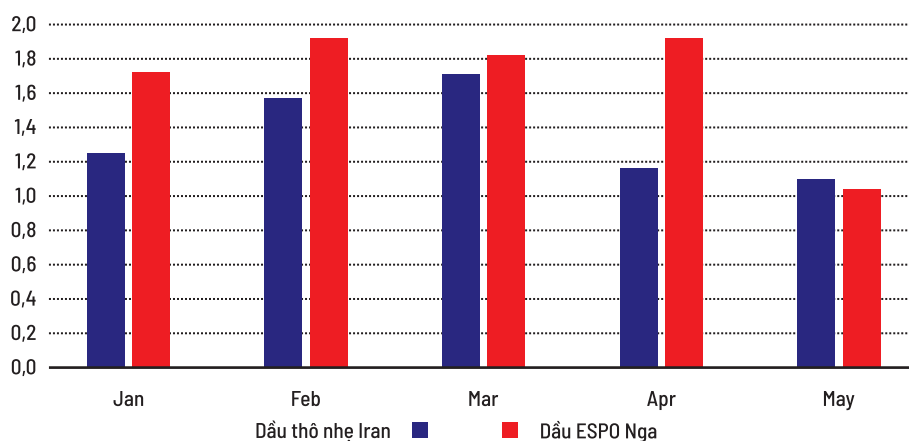
Châu Á đồng thời cũng gia tăng nhập khẩu dầu thô từ Nga sau khi Mỹ tiếp tục gia hạn miễn trừ trừng phạt đối với một số giao dịch mua bán dầu của Nga. Tuy nhiên, nguồn cung toàn cầu hiện không đủ để lấp đầy hoàn toàn khoảng trống do sự sụt giảm xuất khẩu từ Trung Đông, khiến nhiều lĩnh vực tiêu thụ năng lượng bắt đầu thu hẹp quy mô hoạt động nhằm thích ứng với chi phí nhiên liệu tăng cao.

Báo cáo thị trường của Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) cho thấy làn sóng co hẹp nhu cầu mạnh nhất đang tập trung ở hai lĩnh vực tiêu thụ dầu chủ chốt là ngành hóa dầu và ngành hàng không toàn cầu. Do cuộc khủng hoảng nguồn cung tại Vịnh Ba Tư, lượng nguyên liệu đầu vào cho ngành hóa dầu như khí hóa lỏng LPG, khí ethane và xăng naphtha bị thắt chặt nghiêm trọng, buộc ngành này phải cắt giảm nhu cầu tiêu thụ khoảng 700.000 thùng/ngày. Song song đó, giá nhiên liệu máy bay tăng vọt gần gấp ba lần đã ảnh hưởng mạnh đến hoạt động khai thác hàng không quốc tế, khiến nhu cầu dầu phản lực giảm thêm khoảng 210.000 thùng/ngày so với giai đoạn trước xung đột.

Sự suy yếu nhu cầu tiêu thụ thể hiện rõ nét nhất tại Trung Quốc - quốc gia nhập khẩu dầu lớn nhất thế giới. Theo dữ liệu theo dõi dòng chảy vận tải của Vortexa, lượng dầu thô nhập khẩu bằng đường biển của Trung Quốc đã giảm xuống còn khoảng 6,6 triệu thùng/ngày, thấp hơn khoảng 38% so với mức trung bình trước đó. Công ty phân tích hàng hóa Vortexa cũng cho biết tổng lượng dầu thô nhập khẩu của Trung Quốc hiện chỉ còn khoảng 8,2 triệu thùng/ngày, giảm mạnh so với mức khoảng 11,7 triệu thùng/ngày trước khi xung đột bùng phát. Theo dữ liệu của Kpler, lượng dầu thô Iran nhập khẩu vào Trung Quốc trong tháng 5 giảm xuống còn khoảng 1,1 triệu thùng/ngày - mức thấp nhất kể từ đầu năm 2025. Trong khi đó, lượng dầu nhập khẩu từ Nga cũng giảm xuống khoảng 1,04 triệu thùng/ngày, thấp nhất kể từ tháng 8 năm ngoái.

NHẬP KHẨU DẦU THÔ HÀNG THÁNG CỦA TRUNG QUỐC TỪ NGA VÀ IRAN KỂ TỪ ĐẦU NĂM 2026

Đơn vị tính: Triệu thùng/ngày



Nguồn: Vibiz Tổng hợp

Các chuyên gia phân tích nhận định việc Trung Quốc có thể cắt giảm mạnh lượng dầu nhập khẩu mà không cần áp dụng các biện pháp kinh tế cực đoan cho thấy cấu trúc nhu cầu nội địa của quốc gia này đang có sự tái định hình đáng kể. Đồng thời, trong bối cảnh giá dầu duy trì ở mức cao trong thời gian dài, thị trường bắt đầu xuất hiện nhiều hơn những lo ngại về hiện tượng “phá hủy nhu cầu”, khi chi phí năng lượng tăng cao ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất, vận tải và tiêu dùng tại nhiều nền kinh tế lớn.

Trong khi Trung Quốc giảm mạnh nhập khẩu, Nhật Bản lại tích cực tìm kiếm nguồn cung thay thế nhằm bảo đảm an ninh năng lượng. Nhật Bản hiện duy trì lượng dự trữ dầu khoảng 400 triệu thùng, thuộc nhóm lớn nhất thế giới, đồng thời đã bắt đầu sử dụng nguồn dự trữ này để kiểm chế giá nhiên liệu trong nước. Tokyo cũng mở rộng nhập khẩu dầu từ Azerbaijan và tăng cường tìm kiếm các tuyến vận chuyển thay thế nhằm giảm phụ thuộc vào eo biển Hormuz.

Nhiều quốc gia châu Á khác cũng triển khai các biện pháp ứng phó với tình trạng khan hiếm dầu khí như tăng cường dự trữ, trợ giá nhiên liệu hoặc đa dạng hóa nguồn nhập khẩu. Tuy nhiên, phần lớn các biện pháp này chỉ có tác dụng trong ngắn hạn do chi phí duy trì rất lớn.

Tại các nền kinh tế phát triển, xu hướng tiết giảm tiêu thụ năng lượng cũng diễn ra ngày càng rõ rệt. Tại châu Âu, áp lực lạm phát lôi kéo dài tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực tới sức mua của người tiêu dùng và hoạt động công nghiệp. Trong khi đó, tại Mỹ, dù nhu cầu tiêu thụ nội địa phục hồi theo yếu tố mùa vụ, lượng dầu thô xuất khẩu để hỗ trợ các đồng minh đã tăng lên mức kỷ lục khoảng 5,6 triệu thùng/ngày. Điều này kéo kho dự trữ dầu chiến lược của Mỹ xuống mức thấp nhất kể từ năm 2004, phản ánh áp lực ngày càng lớn đối với cân bằng cung - cầu năng lượng toàn cầu.

■ ***Diễn biến giá:***

Thị trường dầu mỏ thế giới trong tháng 5/2026 đã trải qua một trong những đợt biến động mạnh nhất kể từ sau khủng hoảng năng lượng năm 2020, khi giá dầu lao dốc từ 16% đến gần 19% chỉ trong vòng một tháng. Diễn biến thị trường phản ánh sự đảo chiều nhanh chóng từ trạng thái lo ngại thiếu hụt nguồn cung nghiêm trọng sang kỳ vọng hạ nhiệt căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông, đồng thời chịu tác động mạnh từ sự suy yếu nhu cầu tiêu thụ tại các nền kinh tế lớn, đặc biệt là Trung Quốc.

Trong nửa đầu tháng 5, giá dầu thế giới vẫn duy trì ở vùng cao do ảnh hưởng trực tiếp từ cuộc khủng hoảng vận tải tại eo biển Hormuz. Sau nhiều tuần gián đoạn nghiêm trọng từ cuối tháng 2, hoạt động lưu thông dầu khí qua tuyến hàng hải chiến lược này gần như tê liệt, khiến thị trường tiếp tục đối mặt với nguy cơ thiếu hụt nguồn cung toàn cầu. Trong giai đoạn đầu tháng, giá dầu Brent phổ biến dao động quanh vùng 104 - 109 USD/thùng, trong khi trước đó các hợp đồng tương lai giao tháng 5 từng vượt mốc 113 USD/thùng do tâm lý lo ngại rủi ro nguồn cung.

Áp lực tăng giá càng trở nên rõ rệt khi lượng dầu dự trữ toàn cầu liên tục sụt giảm. Theo báo cáo giữa tháng của Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA), lượng dầu

dự trữ chiến lược trên đất liền của nhiều quốc gia giảm với tốc độ kỷ lục do dòng chảy thương mại qua Trung Đông bị gián đoạn kéo dài. Trong bối cảnh đó, giá dầu thô bình quân khu vực Biển Bắc có thời điểm bị đẩy lên tới 120,36 USD/thùng - mức cao nhất kể từ khi xung đột bùng phát.

Bước sang giữa tháng 5, thị trường bắt đầu ghi nhận các tín hiệu hạ nhiệt khi Mỹ tăng mạnh xuất khẩu dầu nhằm bù đắp phần thiếu hụt từ Trung Đông. Theo dữ liệu vận tải của Vortexa và Kpler, các nhà sản xuất Mỹ đã nâng lượng xuất khẩu dầu thô lên mức kỷ lục khoảng 5,6 triệu thùng/ngày để tạm dừng mức chênh lệch giá hấp dẫn và hỗ trợ cân bằng thị trường toàn cầu. Trong đó, khoảng 283.000 thùng/ngày - tương đương khoảng 5% tổng lượng dầu xuất khẩu của Mỹ - được trích trực tiếp từ Kho Dự trữ Dầu mỏ Chiến lược (SPR) nhằm bổ sung nguồn cung cho các thị trường phụ thuộc lớn tại châu Á và châu Âu.

Tuy nhiên, bước ngoặt lớn nhất của thị trường xuất hiện vào nửa cuối tháng 5 khi xuất hiện thông tin Mỹ và Iran đã đạt được một thỏa thuận sơ bộ nhằm gia hạn lệnh ngừng bắn thêm 60 ngày và từng bước nới lỏng các hạn chế vận chuyển qua eo biển Hormuz. Dù thỏa thuận này chưa được Tổng thống Donald Trump phê duyệt chính thức và truyền thông nhà nước Iran cho biết các điều khoản vẫn chưa hoàn tất, thị trường vẫn phản ứng mạnh trước kỳ vọng xung đột có thể hạ nhiệt.

Khả năng đạt được thỏa thuận đã làm gia tăng kỳ vọng về việc từng bước khôi phục hoạt động vận tải hàng hải qua eo biển Hormuz - tuyến đường huyết mạch vận chuyển khoảng 1/5 lưu lượng dầu và khí LNG toàn cầu. Tâm lý thị trường nhanh chóng chuyển từ lo ngại thiếu cung sang kỳ vọng nguồn cung sẽ được cải thiện trong thời gian tới.

Bên cạnh yếu tố địa chính trị, lực cầu suy yếu từ Trung Quốc cũng tạo thêm áp lực giảm giá rất lớn đối với thị trường dầu mỏ trong tháng 5. Theo dữ liệu của Vortexa, nhập khẩu dầu thô bằng đường biển của Trung Quốc giảm xuống chỉ còn khoảng 6,6 triệu thùng/ngày, thấp hơn khoảng 38% so với mức trung bình trước xung đột. Tổng lượng nhập khẩu dầu của Trung Quốc trong tháng 5 cũng thấp hơn khoảng 6 triệu thùng/ngày so với tháng 3. Việc nền kinh tế tiêu thụ dầu lớn nhất thế giới giảm mạnh nhập khẩu đã góp phần tái cân bằng thị trường và kéo giá dầu xuống thấp hơn so với các dự báo trước đó.

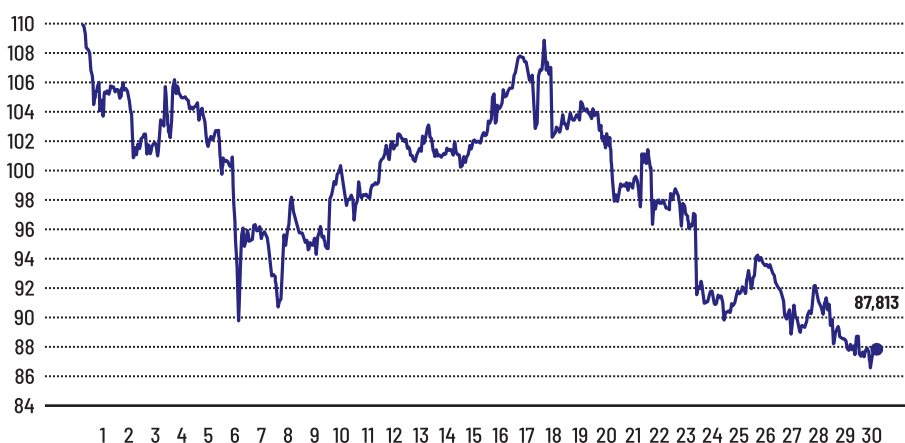
Sự kết hợp giữa kỳ vọng hạ nhiệt căng thẳng địa chính trị và nhu cầu tiêu thụ suy yếu đã kích hoạt làn sóng bán tháo mạnh trên các sàn giao dịch dầu tương lai trong những tuần cuối tháng. Hợp đồng dầu thô WTI của Mỹ giảm 1,1% trong phiên giao dịch ngày 29/5, rơi xuống dưới ngưỡng 88 USD/thùng - mức thấp nhất trong khoảng sáu tuần.

Kết thúc tháng 5, giá dầu thế giới ghi nhận mức giảm mạnh nhất kể từ năm 2020. Giá dầu thô WTI giảm khoảng 16,2% - 16,85% so với tháng trước, đóng cửa phiên cuối tháng quanh mức 87,36 USD/thùng. Trong khi đó, giá dầu Brent giảm từ gần 17% đến 19,26%, chốt tháng trong vùng 91,12 - 92,05 USD/thùng. Dù giảm sâu trong tháng 5, giá dầu thế giới vẫn cao hơn khoảng 44% - 46% so với cùng kỳ năm trước, tuy nhiên tốc độ tăng giá đã chậm lại đáng kể so với giai đoạn đầu năm.

Dù thị trường đã phản ứng tích cực trước kỳ vọng hạ nhiệt căng thẳng tại Trung Đông, nhiều chuyên gia cho rằng quá trình phục hồi nguồn cung toàn cầu sẽ không thể diễn ra ngay lập tức. Các nhà phân tích cảnh báo việc khôi phục dòng chảy năng lượng qua eo biển Hormuz sẽ cần nhiều thời gian do phải tiến hành rà phá thủy lôi, sửa chữa cơ sở hạ tầng bị hư hại, tái khởi động các mỏ dầu ngừng hoạt động cũng như xử lý tình trạng ùn tắc của các tàu chở dầu trong khu vực.

DIỄN BIẾN GIÁ DẦU THÔ WTI TRONG THÁNG 5

Đơn vị tính: USD/thùng



Nguồn: Trading Economics

1.1.2. Thị trường trong nước

■ Cung dầu mỏ:

Trong tháng 5/2026, thị trường xăng dầu Việt Nam duy trì trạng thái ổn định và thông suốt bất chấp những biến động mạnh của thị trường năng lượng thế giới do xung đột tại Trung Đông và gián đoạn vận tải qua eo biển Hormuz. Nguồn cung xăng dầu trong nước được bảo đảm đầy đủ cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất, kể cả trong giai đoạn cao điểm mùa nắng nóng, không ghi nhận tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng hay khan hiếm cục bộ tại các địa phương.

Theo Bộ Công Thương, lượng tồn kho thương mại của các doanh nghiệp dầu mỗi trong tháng 5 được duy trì ổn định ở mức khoảng 1,6 - 1,8 triệu m³, tương đương trên 20 ngày tiêu thụ theo đúng quy định về dự trữ lưu thông bắt buộc. Mức tồn kho này đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm khả năng ứng phó với các biến động nguồn cung quốc tế cũng như ổn định thị trường nội địa trong bối cảnh giá dầu thế giới biến động mạnh.

Nguồn cung trong nước tiếp tục được hỗ trợ bởi hoạt động sản xuất ổn định tại hai nhà máy lọc dầu chủ lực là Nghi Sơn và Dung Quất. Cả hai nhà máy đều vận hành liên tục 24/7 ở mức công suất tối ưu nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước. Đáng chú ý, Nhà máy Lọc dầu Dung Quất đã tăng sản lượng khoảng 10,5% trong tháng 5 để chia sẻ áp lực cung ứng trong bối cảnh thị trường quốc tế xuất hiện nhiều rủi ro về logistics và vận tải dầu khí.

Song song với nguồn cung nội địa, Việt Nam cũng đẩy mạnh nhập khẩu năng lượng nhằm chủ động ứng phó với nguy cơ gián đoạn nguồn cung toàn cầu. Tính lũy kế đến giữa tháng 5/2026, Việt Nam đã chi khoảng 7,557 tỷ USD để nhập khẩu năng lượng, bao gồm khoảng 4,554 tỷ USD xăng dầu thành phẩm và 3,003 tỷ USD dầu thô. Việc gia tăng nhập khẩu diễn ra trong bối cảnh các doanh nghiệp chủ động chấp nhận chi phí vận tải và phụ phí cao hơn nhằm bảo đảm hàng hóa được đưa về nước liên tục, hạn chế rủi ro chậm tàu do ảnh hưởng từ khủng hoảng địa chính trị tại eo biển Hormuz.

Bên cạnh nguồn cung xăng dầu truyền thống, thị trường nhiên liệu sinh học trong nước cũng ghi nhận sự mở rộng đáng kể về năng lực phối trộn và cung ứng trong tháng 5. Bộ Công Thương cho biết với nhu cầu tiêu thụ xăng khoảng 1 triệu m³/tháng, Việt Nam cần khoảng 100.000 m³ ethanol E100 để phục vụ phối trộn xăng sinh học. Hiện nguồn cung ethanol trong nước đạt khoảng 25.000 m³/tháng, phần còn lại khoảng 75.000 m³ được nhập khẩu, cơ bản đáp ứng nhu cầu phối trộn hiện nay.

Tính đến ngày 23/4/2026, đã có 13 trên tổng số 26 thương nhân đầu mỗi đầu tư hệ thống phối trộn xăng sinh học. Trong đó, Petrolimex đạt công suất phối trộn khoảng 455.000 m³/tháng và đang nâng lên 550.000 m³/tháng; PVOIL đạt khoảng 320.000 m³/tháng; Saigon Petro đạt khoảng 120.000 m³/tháng. Tổng công suất của ba doanh nghiệp lớn này tương đương khoảng 89% nhu cầu tiêu thụ xăng toàn quốc nếu toàn bộ thị trường sử dụng xăng E10, hoặc khoảng 96% nếu cơ cấu thị trường gồm 85% E10 và 15% E5.

Ngoài ra, còn 10 doanh nghiệp khác đang chờ cấp phép phối trộn với tổng công suất dự kiến khoảng 297.600 m³/tháng. Nếu được cấp phép đầy đủ, tổng năng lực phối trộn của 13 doanh nghiệp sẽ đạt khoảng 1,18 triệu m³/tháng, vượt nhu cầu tiêu thụ khoảng 1 triệu m³/tháng của thị trường trong nước.

Trong lĩnh vực sản xuất nhiên liệu sinh học, Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn cũng cho biết có khả năng phối trộn xăng E5 và E10 với công suất khoảng 20.000 - 40.000 m³/tháng trong tháng 5/2026 và có thể nâng lên khoảng 70.000 - 90.000 m³/tháng từ tháng 6 khi cần thiết nhằm hỗ trợ thị trường.

Bộ Công Thương nhận định quá trình chuyển đổi và mở rộng tiêu thụ xăng sinh học hiện không gặp nhiều trở ngại lớn do các doanh nghiệp đầu mối lớn như Petrolimex và PVOIL đang chiếm khoảng 70% - 75% thị phần bán lẻ xăng dầu toàn quốc, đồng thời đã chủ động đầu tư hệ thống hạ tầng phối trộn và phân phối từ sớm.

■ **Cầu dầu mỏ:**

Theo thống kê của Cục Hải quan, trong 15 ngày đầu tháng 5/2026, Việt Nam đã nhập khẩu gần 199.000 tấn xăng dầu các loại với trị giá khoảng 300 triệu USD. So với cùng kỳ năm trước, lượng nhập khẩu tăng khoảng 20,9%, trong khi trị giá tăng gần 86%.

Đối với dầu thô, lượng nhập khẩu tính đến ngày 15/5 đạt khoảng 4,33 triệu tấn với tổng trị giá hơn 3 tỷ USD. Như vậy, tổng kim ngạch nhập khẩu dầu thô và xăng dầu thành phẩm đã lên tới khoảng 7,55 tỷ USD. Nếu tính thêm hơn 1 tỷ USD nhập khẩu khí đốt hóa lỏng, tổng chi ngoại tệ cho nhập khẩu năng lượng đã vượt mức 8,55 tỷ USD.

Việc gia tăng nhập khẩu năng lượng cho thấy nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu trong nước vẫn duy trì ở mức cao, đồng thời phản ánh xu hướng chủ động tăng dự trữ và bảo đảm nguồn cung trong bối cảnh thị trường dầu mỏ thế giới biến động mạnh do ảnh hưởng từ căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông.

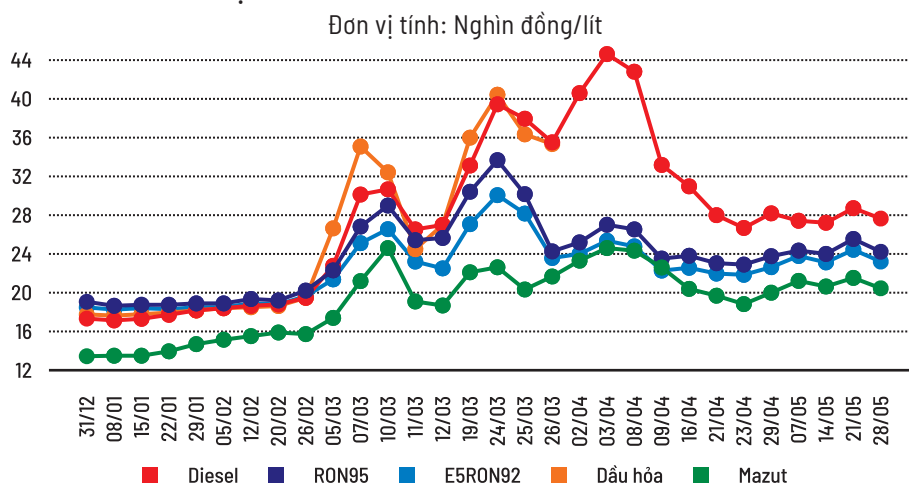
■ ***Diễn biến giá:***

Thị trường giá bán lẻ xăng dầu trong nước tháng 5 ghi nhận xu hướng đảo chiều mạnh mẽ và giảm sâu so với tháng trước. Trong nửa đầu tháng, áp lực thắt chặt nguồn cung quốc tế đẩy giá xăng dầu liên tiếp leo thang, chạm đỉnh vào phiên điều hành ngày 21/5 khi xăng RON 95-III bị kéo lên mức 25.549 đồng/lít. Tuy nhiên, bước sang tuần cuối cùng của tháng, trước các tín hiệu ngoại giao hạ nhiệt tại eo biển Hormuz khiến giá dầu thế giới lao dốc tới 17%, liên Bộ Công Thương - Tài chính đã tạm dừng thời điểm điều chỉnh giảm mạnh đồng loạt vào ngày 28/5. Kết quả, tính chung đến phiên chốt cuối tháng 5, giá xăng RON 95-III giảm 1.395 đồng/lít (về mức 24.154 đồng/lít), xăng E5 RON 92 giảm 1.082 đồng/lít (về mức 23.258 đồng/lít) và dầu diesel 0.05S giảm 1.110 đồng/lít (hạ về 27.651 đồng/lít) so với kỳ đỉnh điểm của tháng trước.

Mặc dù có nhịp lao dốc mạnh vào cuối tháng, mặt bằng giá nhóm nhiên liệu tính bình quân trong cả tháng 5 vẫn tăng trưởng rất mạnh so với cùng kỳ năm trước. Theo dữ liệu khảo sát từ Tổng cục Thống kê (GSO), nhu cầu tiêu thụ xăng dầu nội địa tăng vọt do thời tiết nắng nóng cao điểm mùa hè bước vào giai đoạn vận tải đỉnh điểm. Sự cộng hưởng giữa sức mua nội địa tăng cao và nền giá dầu thế giới neo cao kéo dài từ các tháng trước đã khiến chỉ số giá nhóm xăng dầu bình quân tháng 5 tăng tới 17,1% so với cùng kỳ năm ngoái. Đây chính là xung lực cốt lõi kéo chỉ số giá nhóm Giao thông tăng 0,83%, gián tiếp đẩy Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) toàn quốc tháng 5 nhích lên 0,29% so với tháng trước.

Chiến lược thu mua và tích trữ năng lượng của Việt Nam tính đến tháng 5 ghi nhận mức bứt phá kỷ lục về giá trị tài chính so với cùng kỳ. Để ứng phó chủ động với rủi ro chậm tàu do thay đổi hải trình quốc tế, các doanh nghiệp đầu mối lớn như Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam Petrolimex đã gia tăng tốc độ gom hàng từ sớm.

BIẾN ĐỘNG GIÁ BÁN XĂNG DẦU TRONG NƯỚC NĂM 2026



Nguồn: Bộ Công Thương

1.2. Dự báo

1.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ Cung dầu mỏ:

Triển vọng nguồn cung dầu mỏ thế giới trong thời gian tới tiếp tục đối mặt với nhiều rủi ro lớn do tác động kéo dài của xung đột tại Trung Đông và tình trạng gián đoạn vận tải qua eo biển Hormuz. Các tổ chức tài chính, cơ quan năng lượng và lãnh đạo các tập đoàn dầu khí lớn đều cho rằng thị trường dầu mỏ toàn cầu sẽ tiếp tục ở trong trạng thái thất chặt nguồn cung ngay cả khi căng thẳng địa chính trị từng bước hạ nhiệt.

Trong khi đó, Rystad Energy ước tính thế giới đã mất khoảng 600 triệu thùng nguồn cung dầu kể từ khi chiến sự bùng phát tại Trung Đông. Đơn vị này cho rằng mức thâm hụt nguồn cung toàn cầu có thể tăng lên khoảng 1,2 - 2 tỷ thùng trước khi thị trường đạt trạng thái ổn định hoàn toàn.

Theo đánh giá của nhiều lãnh đạo các tập đoàn dầu khí lớn, cuộc khủng hoảng tại Trung Đông đang tạo ra những thay đổi sâu rộng đối với hệ thống năng lượng toàn cầu khi việc phong tỏa eo biển Hormuz khiến nguồn cung dầu bị gián đoạn nghiêm trọng và làm gia tăng lo ngại về an ninh năng lượng dài hạn. Nguồn cung dầu thế giới được nhận định sẽ tiếp tục thất chặt trong nhiều tuần tới ngay cả khi Mỹ và Iran đạt được thỏa thuận hòa bình, do hoạt động vận chuyển dầu từ Trung Đông tới các nhà máy lọc dầu trên toàn cầu cần nhiều thời gian để khôi phục hoàn toàn. Trong giai đoạn đó, các công ty năng lượng vẫn sẽ phải tiếp tục sử dụng dầu từ kho dự trữ để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ mùa hè.

Ông Patrick Pouyanne - Tổng Giám đốc TotalEnergies - cho biết ngay cả khi xung đột kết thúc trong tháng 5/2026, thị trường vẫn sẽ phải đối mặt với mức tồn kho cực thấp. Theo ước tính của ông, lượng dầu và khí hydrocarbon bị rút khỏi kho

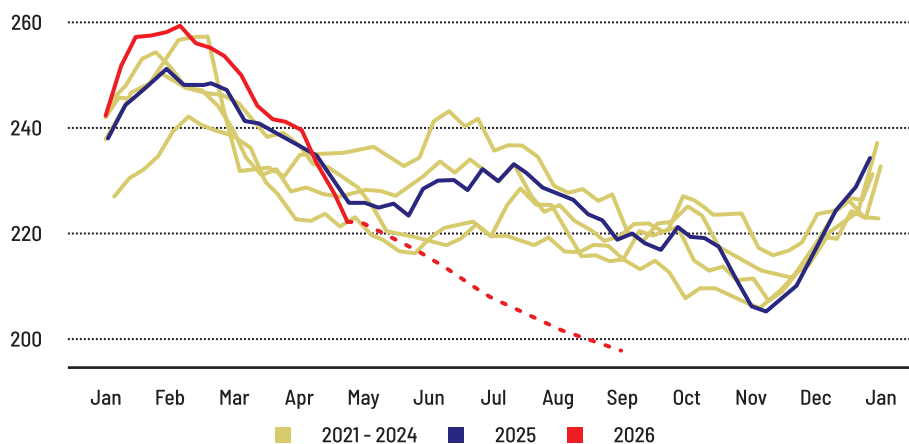
dự trữ toàn cầu hiện tương đương khoảng 10 - 13 triệu thùng/ngày, với tổng lượng đã rút ít nhất khoảng 500 triệu thùng. Để so sánh, lượng dầu dự trữ chiến lược hiện nay của Mỹ chỉ vào khoảng 460 triệu thùng.

Cùng quan điểm, CEO Equinor Anders Opedal nhận định thị trường năng lượng toàn cầu sẽ cần ít nhất khoảng 6 tháng để trở lại trạng thái bình thường ngay cả khi hòa bình được lập lại tại Trung Đông. Ông Darren Woods cũng cho rằng sẽ mất từ một đến hai tháng để dòng chảy dầu mở phục hồi bình thường sau khi eo biển Hormuz được mở lại, do cần thời gian xử lý lượng tàu tồn đọng, khôi phục hạ tầng logistics và tái khởi động các mỏ dầu đã tạm ngừng hoạt động. Hiện thời gian vận chuyển dầu từ Trung Đông tới châu Âu mất khoảng 30 ngày và tới Mỹ khoảng 40 ngày.

Giới phân tích cảnh báo ngay cả khi các tuyến vận tải được khôi phục, hệ thống năng lượng toàn cầu vẫn khó có thể phục hồi nhanh do lượng tồn kho dầu tại nhiều khu vực đã giảm xuống mức rất thấp. Morgan Stanley dự báo tồn kho xăng tại Mỹ có thể giảm xuống khoảng 198 triệu thùng vào cuối mùa hè, trong khi dữ liệu chính phủ Mỹ cho thấy lượng tồn kho xăng nước này tính đến ngày 1/5 đã giảm xuống dưới 220 triệu thùng - mức thấp nhất trong cùng kỳ kể từ năm 2014.

DIỄN BIẾN TỒN KHO XĂNG TẠI MỸ GIAI ĐOẠN 2021-2026
VÀ DỰ BÁO CỦA MORGAN STANLEY CHO NĂM 2026

Đơn vị tính: Triệu thùng



Nguồn: DOE/EIA, Morgan Stanley Research

Tại châu Âu, Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) cảnh báo khu vực này có nguy cơ thiếu hụt nhiên liệu máy bay ngay từ tháng 6/2026 nếu không tìm được nguồn cung thay thế phù hợp. Đồng thời, nhiều chuyên gia cũng nhận định nếu eo biển Hormuz không được mở lại trong thời gian ngắn, một số quốc gia châu Á có thể đối mặt với cú sốc thiếu hụt dầu diesel và áp lực kinh tế vĩ mô nghiêm trọng.

Theo đánh giá của Bloomberg, ngay cả khi xung đột chấm dứt, thị trường dầu mỏ toàn cầu vẫn sẽ ở trong trạng thái dễ tổn thương trước các gián đoạn mới do mức tồn kho thấp và hệ thống vận tải chưa thể phục hồi hoàn toàn. Các chuyên gia cho rằng dầu lưu trữ trên tàu ngoài khơi không có giá trị vận hành tương đương với dầu được lưu trữ gần các nhà máy lọc dầu, khiến khả năng phản ứng của thị trường trước các cú sốc nguồn cung bị hạn chế đáng kể.

Trong báo cáo mới nhất, IEA cho biết nguồn cung dầu toàn cầu năm 2026 dự kiến giảm khoảng 3,9 triệu thùng/ngày do tác động trực tiếp từ xung đột tại Trung Đông, cao hơn nhiều so với mức dự báo giảm 1,5 triệu thùng/ngày trước đó. Cơ quan này đồng thời cảnh báo nếu tình trạng hạn chế vận tải qua eo biển Hormuz tiếp tục kéo dài và lượng tồn kho tại các nước OECD tiếp tục giảm với tốc độ hiện nay, thị trường dầu mỏ có thể rơi vào trạng thái cực kỳ nhạy cảm trong thời gian tới.

Phát biểu tại Chatham House ở London ngày 21/5, Giám đốc điều hành IEA Fatih Birol cho rằng thị trường dầu mỏ thế giới có nguy cơ bước vào “vùng đỏ” trong mùa hè nếu không có tiến triển đáng kể trong việc chấm dứt xung đột tại Trung Đông. Ông nhấn mạnh sẽ mất “rất nhiều thời gian” để sản lượng khai thác và công suất lọc dầu toàn cầu quay trở lại mức trước chiến sự, đồng thời thời gian phục hồi sẽ khác nhau giữa các khu vực.

Ngân hàng J.P. Morgan cũng cảnh báo lượng dự trữ dầu của các nước thuộc OECD có thể rơi xuống mức “căng thẳng vận hành” ngay từ tháng 6 và tiến sát “điểm nguy hiểm” vào tháng 9 nếu tình trạng phong tỏa eo biển Hormuz tiếp tục kéo dài.

Bên cạnh các rủi ro nguồn cung ngắn hạn, giới phân tích cho rằng cuộc khủng hoảng hiện nay có thể thúc đẩy sự thay đổi dài hạn trong chiến lược đầu tư năng lượng toàn cầu. Trong báo cáo “Đầu tư năng lượng thế giới” công bố ngày 28/5, IEA nhận định cuộc khủng hoảng hiện tại đang trở thành một trong những cú sốc an ninh năng lượng lớn nhất lịch sử hiện đại, có khả năng làm thay đổi chiến lược đầu tư tương tự các cú sốc dầu mỏ trong thập niên 1970.

IEA dự báo tổng đầu tư năng lượng toàn cầu năm 2026 sẽ đạt khoảng 3.400 tỷ USD. Trong đó, khoảng 2.200 tỷ USD được phân bổ cho lưới điện, lưu trữ năng lượng, nhiên liệu phát thải thấp, điện hạt nhân, năng lượng tái tạo và nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng. Trong khi đó, khoảng 1.200 tỷ USD vẫn sẽ được đầu tư vào dầu mỏ, khí tự nhiên và than đá. Tuy nhiên, đầu tư vào dầu mỏ được cho là sẽ tiếp tục giảm năm thứ ba liên tiếp xuống dưới 500 tỷ USD do các doanh nghiệp lo ngại về rủi ro giá cả, chi phí triển khai dự án tăng cao và những bất ổn kéo dài của thị trường năng lượng toàn cầu.

■ ***Câu dầu mỏ:***

Triển vọng nhu cầu dầu mỏ toàn cầu trong thời gian tới được đánh giá sẽ tiếp tục biến động mạnh dưới tác động đồng thời của khủng hoảng nguồn cung tại Trung Đông, giá năng lượng neo cao và xu hướng tái tích trữ chiến lược của nhiều quốc gia sau xung đột. Các tổ chức năng lượng và định chế tài chính lớn cho rằng thị trường dầu mỏ thế giới đang bước vào giai đoạn mất cân bằng sâu hơn giữa cung và cầu, trong đó nhu cầu thực tế có dấu hiệu suy yếu trong ngắn hạn nhưng vẫn tồn tại nhiều yếu tố có thể khiến áp lực tiêu thụ gia tăng trở lại sau khi căng thẳng địa chính trị hạ nhiệt.

Theo giới phân tích, nhu cầu dầu toàn cầu có thể tăng mạnh trở lại sau khi xung đột kết thúc do nhiều quốc gia và doanh nghiệp sẽ đồng loạt tái tích trữ dầu cũng

như khởi động lại các cơ sở sản xuất đã phải ngừng hoạt động trong thời gian khủng hoảng. Australia - quốc gia phụ thuộc nhập khẩu khoảng 80% nhu cầu nhiên liệu - đã công bố kế hoạch chi khoảng 7,22 tỷ USD để mở rộng kho dự trữ nhiên liệu sau khi trải qua tình trạng thiếu hụt kể từ khi chiến sự bùng phát. Tại châu Âu, Ủy ban châu Âu cũng đang xem xét điều chỉnh quy định yêu cầu các nước thành viên EU phải duy trì lượng dự trữ dầu tối thiểu tương đương 90 ngày tiêu thụ, đồng thời cân nhắc bổ sung yêu cầu dự trữ riêng đối với nhiên liệu hàng không.

Ngay cả khi eo biển Hormuz được mở cửa trở lại, áp lực đối với thị trường dầu mỏ được cho là vẫn sẽ kéo dài do các chính phủ và doanh nghiệp sẽ phải đẩy mạnh bổ sung lượng hàng tồn kho đã sụt giảm mạnh trong thời gian qua. Ông Willie Chiang - Giám đốc điều hành tập đoàn vận tải dầu khí Plains All American Pipeline LP - nhận định nhiều quốc gia có khả năng sẽ tái thiết lập kho dự trữ chiến lược ở mức cao hơn cả giai đoạn trước xung đột, từ đó hình thành thêm một tầng nhu cầu mới đối với thị trường dầu mỏ toàn cầu trong tương lai.

Tuy nhiên, trong ngắn hạn, nhu cầu tiêu thụ dầu thế giới vẫn đang chịu áp lực suy giảm do giá năng lượng tăng cao và kinh tế toàn cầu chậm lại. Tổ chức Các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) ngày 13/5 đã điều chỉnh giảm dự báo tăng trưởng nhu cầu dầu toàn cầu năm 2026 xuống còn khoảng 1,2 triệu thùng/ngày, thấp hơn mức 1,4 triệu thùng/ngày đưa ra trước đó. Trong khi đó, Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) cho biết nhu cầu dầu thế giới đang suy yếu nhanh hơn dự kiến do tác động của giá nhiên liệu leo thang và các biện pháp tiết kiệm năng lượng được triển khai tại nhiều quốc gia.

Theo IEA, nhu cầu dầu toàn cầu trong quý II/2026 có thể giảm khoảng 2,4 triệu thùng/ngày so với cùng kỳ năm trước. Cơ quan này nhấn mạnh rằng giá dầu cao, tăng trưởng kinh tế suy yếu và các chính sách tiết giảm tiêu thụ năng lượng sẽ tiếp tục gây áp lực lớn lên mức tiêu thụ dầu trong thời gian tới. IEA đồng thời đã điều chỉnh giảm dự báo nhu cầu dầu năm 2026 khoảng 420.000 thùng/ngày - mạnh hơn đáng kể so với mức giảm 80.000 thùng/ngày trong báo cáo trước đó.

Các số liệu của IEA cũng cho thấy cán cân cung - cầu dầu mỏ toàn cầu đã thay đổi rất mạnh chỉ trong vài tháng gần đây. Nếu vào tháng 12/2025, cơ quan này còn dự báo thị trường dư cung gần 4 triệu thùng/ngày thì đến tháng 4/2026 mức dư cung chỉ còn khoảng 410.000 thùng/ngày. Sang tháng 5/2026, IEA đã chuyển sang dự báo thị trường thiếu hụt khoảng 1,78 triệu thùng/ngày do ảnh hưởng từ xung đột tại Trung Đông và sự gián đoạn kéo dài của hoạt động vận tải dầu khí qua eo biển Hormuz.

Dù IEA nhận định hoạt động vận tải dầu có thể dần nổi lại từ quý III/2026, nguồn cung toàn cầu cả năm vẫn được dự báo thấp hơn tổng nhu cầu khoảng 1,78 triệu thùng/ngày. Giới phân tích cho rằng thị trường hiện đang chịu tác động kép: nguồn cung thắt chặt từ Trung Đông trong khi sức mua toàn cầu suy yếu do giá năng lượng duy trì ở mức cao. Sự mất cân bằng này được cho là sẽ tiếp tục chi phối diễn biến thị trường dầu mỏ trong các quý tới.

Trong bối cảnh đó, nhiều tổ chức tài chính tiếp tục đưa ra cảnh báo về nguy cơ giá dầu duy trì ở vùng cao nếu tình trạng gián đoạn nguồn cung kéo dài. Citigroup

nhận định thị trường dầu mỏ hiện vẫn đang đánh giá thấp rủi ro thiếu hụt nguồn cung kéo dài cũng như các nguy cơ địa chính trị khác. Ngân hàng này cho rằng giá dầu Brent có thể tăng lên khoảng 120 USD/thùng trong ngắn hạn và thậm chí có thể tiến tới vùng 150 USD/thùng nếu hoạt động vận tải qua eo biển Hormuz chỉ được khôi phục chậm trong quý III/2026.

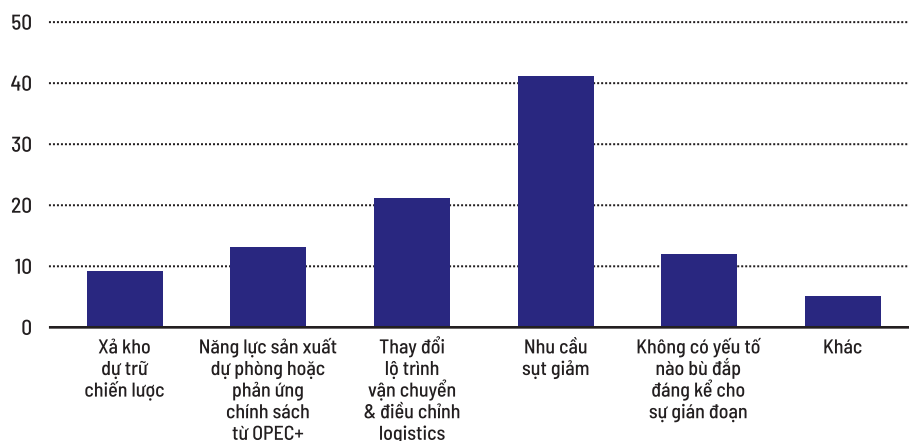
Tuy nhiên, thị trường dầu mỏ cũng cho thấy mức độ nhạy cảm rất lớn trước các tín hiệu ngoại giao. Trong phiên giao dịch ngày 19/5, giá dầu Brent giao tháng 7/2026 đã giảm xuống khoảng 111,28 USD/thùng sau khi Phó Tổng thống Mỹ JD Vance cho biết Mỹ và Iran đã đạt được một số tiến triển trong đàm phán và cả hai bên đều không mong muốn xung đột leo thang trở lại.

Citigroup đánh giá triển vọng giá dầu năm 2027 hiện “cực kỳ khó dự báo”, tuy nhiên kịch bản cơ sở của ngân hàng này là giá Brent sẽ dao động trong khoảng 80 - 90 USD/thùng với giả định Iran tiếp tục duy trì kiểm soát ổn định dòng chảy qua eo biển Hormuz. Đồng thời, ngân hàng này dự báo nhu cầu dầu toàn cầu năm 2026 có thể giảm khoảng 0,6 triệu thùng/ngày, trong khi lượng tồn kho dầu thế giới có khả năng giảm khoảng 1 tỷ thùng. Theo Citi, phần lớn lượng sụt giảm tồn kho sẽ diễn ra bên ngoài Trung Quốc và lượng tồn kho dầu ngoài Trung Quốc đang có xu hướng giảm về mức thấp nhất kể từ giai đoạn 2011 - 2014. Ngân hàng này cũng cảnh báo nếu tình trạng gián đoạn nguồn cung hiện nay kéo dài thêm từ 6 - 9 tháng, lượng tồn kho dầu toàn cầu ngoài Trung Quốc có thể giảm xuống mức từng ghi nhận trong cuộc khủng hoảng dầu mỏ lần thứ hai.

Khảo sát của Bloomberg Intelligence với 126 nhà quản lý tài sản và chuyên gia năng lượng cho thấy “sự suy yếu nhu cầu” hiện được xem là cơ chế có khả năng cao nhất giúp bù đắp phần thiếu hụt nguồn cung toàn cầu trong năm tới. Các yếu tố tiếp theo bao gồm tái định tuyến dòng chảy thương mại, điều chỉnh chính sách của OPEC+ và giải phóng kho dự trữ chiến lược. Phần lớn người tham gia khảo sát cho rằng mức gián đoạn nguồn cung toàn cầu sẽ dao động trong khoảng 3 - 7 triệu thùng/ngày, trong khi rất ít ý kiến cho rằng mức thiếu hụt sẽ vượt quá 10 triệu thùng/ngày.

CÁC YẾU TỐ ĐƯỢC KỲ VỌNG SẼ GIÚP BÙ ĐẮP CÚ SỐC THIẾU HỤT NGUỒN CUNG DẦU TOÀN CẦU

Đơn vị tính: %



Nguồn: Bloomberg Intelligence

■ **Diễn biến giá:**

Triển vọng giá dầu thế giới trong thời gian tới tiếp tục được đánh giá ở mức cao do thị trường dầu mỏ toàn cầu đã chuyển từ trạng thái kỳ vọng dư cung sang thiếu hụt nghiêm trọng dưới tác động của xung đột tại Trung Đông và sự gián đoạn kéo dài của hoạt động vận tải qua eo biển Hormuz. Giới phân tích cho rằng ngay cả khi căng thẳng địa chính trị dần hạ nhiệt, giá dầu vẫn sẽ duy trì ở mặt bằng cao trong thời gian dài do tồn kho toàn cầu đã suy giảm mạnh và nguồn cung cần nhiều thời gian để phục hồi hoàn toàn.

Theo đánh giá của nhiều tổ chức tài chính và doanh nghiệp năng lượng, thị trường dầu mỏ hiện đang khan hiếm hơn đáng kể so với giai đoạn trước xung đột. Sự thay đổi nhanh chóng trong cán cân cung - cầu đã khiến kỳ vọng về dư cung trong năm 2026 bị đảo ngược thành triển vọng thiếu hụt lớn, qua đó tạo nền tảng hỗ trợ giá dầu duy trì ở mức cao sau khi chiến sự kết thúc. Giá dầu neo cao cũng được cho là sẽ thúc đẩy dòng vốn đầu tư quay trở lại các dự án khai thác ngoài khơi và nước sâu tại châu Phi, châu Mỹ và châu Á nhằm bù đắp phần thiếu hụt nguồn cung toàn cầu.

Giới phân tích nhận định dù giá dầu kỳ hạn có thể giảm nhanh nếu Mỹ và Iran đạt được thỏa thuận, giá dầu giao ngay và giá xăng dầu thực tế sẽ cần nhiều thời gian hơn để quay trở lại mức trước xung đột do hoạt động khai thác, lọc hóa dầu và vận tải năng lượng chưa thể phục hồi ngay lập tức. Tình trạng tồn kho thấp tại nhiều khu vực tiếp tục là yếu tố khiến thị trường nhạy cảm với mọi rủi ro địa chính trị phát sinh.

Một trong những mối lo lớn của thị trường hiện nay là khả năng Mỹ áp dụng các biện pháp hạn chế xuất khẩu dầu thô nhằm hạ nhiệt giá nhiên liệu trong nước. Lo ngại này đang khiến giới đầu tư gia tăng các vị thế phòng hộ đối với chênh lệch giá giữa dầu WTI và Brent. Theo hồ sơ tài chính quý mới công bố, Diamondback Energy đặt cược vào khả năng mức chiết khấu của dầu WTI so với Brent có thể lên tới khoảng 42 USD/thùng trong quý II và quý III/2026 nếu Mỹ áp dụng lệnh hạn chế xuất khẩu dầu thô. Hiện mức chênh lệch giữa WTI và Brent đang vào khoảng âm 9 USD/thùng, song giới phân tích cho rằng khoảng cách này có thể tiếp tục mở rộng đáng kể trong trường hợp thị trường Mỹ rơi vào trạng thái dư cung nội địa.

Các tổ chức phân tích quốc tế đồng loạt nâng dự báo giá dầu trong bối cảnh nguồn cung toàn cầu tiếp tục bị thắt chặt. Reuters cho biết các nhà phân tích hiện đã nâng dự báo giá dầu Brent trung bình năm 2026 lên khoảng 86,38 USD/thùng, cao hơn nhiều so với mức khoảng 62 USD/thùng được đưa ra hồi đầu năm.

Trong báo cáo hàng tháng công bố ngày 13/5, Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) nhận định cuộc chiến giữa Mỹ, Israel và Iran cùng thiệt hại đối với hạ tầng dầu khí khu vực Vùng Vịnh và sự gián đoạn gần như hoàn toàn của dòng chảy qua eo biển Hormuz đã tạo ra một trong những cuộc khủng hoảng nguồn cung dầu lớn nhất lịch sử hiện đại. IEA cảnh báo trong bối cảnh tồn kho dầu toàn cầu đang giảm với tốc độ kỷ lục, giá dầu có thể tiếp tục duy trì ở mức cao trong thời gian tới.

Khảo sát của Bloomberg Intelligence với 126 nhà quản lý tài sản và chuyên gia thị trường cho thấy phần lớn người tham gia dự báo giá dầu Brent sẽ dao động bình quân trong khoảng 81 - 100 USD/thùng trong vòng 12 tháng tới. Gần hai phần ba số người được hỏi cho rằng thị trường dầu mỏ sẽ tiếp tục duy trì “phụ phí rủi ro” khoảng 5 - 15 USD/thùng trong nhiều năm tới do các bất ổn địa chính trị kéo dài, trong khi rất ít ý kiến tin rằng mức phụ phí này sẽ vượt quá 20 USD/thùng.

Công ty nghiên cứu Capital Economics cho rằng giá dầu chỉ có thể thực sự hạ nhiệt khi các yếu tố cơ bản của thị trường được cải thiện rõ rệt, tuy nhiên quá trình này nhiều khả năng sẽ kéo dài sang tận năm 2027. Đồng quan điểm, tổ chức nghiên cứu BMI đã nâng dự báo giá dầu Brent trung bình năm 2026 từ 81,5 USD/thùng lên khoảng 90 USD/thùng nhằm phản ánh tình trạng thiếu hụt nguồn cung kéo dài và thời gian cần thiết để sửa chữa hạ tầng năng lượng cũng như khôi phục thương mại toàn cầu.

J.P. Morgan được xem là một trong những tổ chức đưa ra kịch bản giá dầu cao nhất hiện nay. Theo ngân hàng này, ngay cả khi căng thẳng địa chính trị dịu bớt và eo biển Hormuz khôi phục hoạt động hoàn toàn từ tháng 6/2026, giá dầu Brent trung bình cả năm 2026 vẫn có thể duy trì quanh mức 96 USD/thùng. Xét theo từng quý, giá dầu được dự báo có xu hướng “tăng trước, giảm sau”, với mức trung bình khoảng 103 USD/thùng trong quý II, tăng lên khoảng 104 USD/thùng trong quý III trước khi giảm xuống khoảng 98 USD/thùng vào quý IV.

Citigroup cũng cảnh báo thị trường đang đánh giá thấp nguy cơ gián đoạn nguồn cung kéo dài. Theo Citi, giá dầu Brent có thể tăng lên khoảng 120 USD/thùng trong ngắn hạn và thậm chí tiến sát vùng 150 USD/thùng nếu hoạt động vận tải qua eo biển Hormuz chỉ được khôi phục chậm trong quý III/2026. Tuy nhiên, ngân hàng này cũng lưu ý rằng nếu giá dầu vượt quá ngưỡng 120 USD/thùng, nhu cầu tiêu thụ toàn cầu có thể suy giảm mạnh do chi phí năng lượng tăng cao, từ đó hạn chế khả năng tăng giá kéo dài của thị trường.

Chuyên gia Ipek Ozkardeskaya của Swissquote nhận định giá dầu có thể nhanh chóng quay trở lại trên ngưỡng 100 USD/thùng nếu các cuộc đàm phán giữa Mỹ và Iran không đạt kết quả tích cực và hoạt động hàng hải tại eo biển Hormuz chưa được khôi phục bình thường. Theo bà, mỗi ngày căng thẳng kéo dài đều tiếp tục tạo thêm áp lực lên thị trường năng lượng toàn cầu.

1.2.2. Thị trường trong nước

Bộ Công Thương và Bộ Tài chính nhận định giá bán lẻ xăng dầu trong nước quý tới sẽ dịch chuyển sang trạng thái bình ổn và biến động tăng giảm đan xen trong biên độ hẹp. Sau đợt lao dốc mạnh gần 19% vào cuối tháng 5, giá thô thế giới đã thiết lập vùng nền mới ổn định hơn. Cơ quan quản lý dự báo giá xăng RON 95-III trong quý tới sẽ dao động phổ biến trong khoảng 24.500 - 25.500 đồng/lít, khó xảy ra kịch bản tăng phi mã vượt mốc 26.000 đồng/lít như giai đoạn khủng hoảng đầu tháng 5. Để kiểm chế áp lực lạm phát và hỗ trợ phục hồi kinh tế trong mùa cao điểm, liên Bộ dự kiến sẽ linh hoạt điều tiết mức trích lập và chi sử dụng Quỹ bình ổn giá (BOG) nhằm giữ mặt bằng giá tiêu dùng nội địa duy trì ở mức ổn định.

Hiệp hội Xăng dầu Việt Nam cùng các doanh nghiệp đầu mối lớn như Petrolimex và PVOIL đưa ra dự báo đầy thận trọng về bài toán chi phí vận hành hạ nguồn trong quý tới. Dù giá dầu thế giới hạ nhiệt, chi phí phụ phí nhập khẩu và cước vận tải biển quốc tế dự kiến vẫn neo ở mức cao do các hãng tàu cần thời gian để tái cấu trúc hải trình sau khủng hoảng eo biển. Các doanh nghiệp đầu ngành cảnh báo, nếu chi phí định mức trong công thức tính giá cơ sở không được cơ quan quản lý cập nhật kịp thời, biên độ chiết khấu dành cho các đại lý bán lẻ có nguy cơ bị bóp nghẹt về mức 0 - 300 đồng/lít. Thực trạng này có thể dẫn đến rủi ro tái diễn làn sóng một số cây xăng tư nhân nhỏ lẻ giảm công suất bán hàng hoặc đóng cửa tạm thời để hạn chế thua lỗ, gây áp lực cục bộ lên mạng lưới phân phối.

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam Petrovietnam dự báo năng lực sản xuất của hai nhà máy lọc dầu lớn trong nước sẽ tiếp tục vận hành ở mức trần công suất tối đa để làm điểm tựa nguồn cung vững chắc. Trong suốt Quý III, hai nhà máy Nghi Sơn và Dung Quất được lên kế hoạch chạy máy liên tục 24/7 ở mức 110% - 115% công suất thiết kế nhằm gánh vác từ 70% đến 80% tổng nhu cầu tiêu thụ toàn quốc. Để đối phó chủ động với mùa mưa bão và rủi ro chậm tàu nhập khẩu, PVN đã xây dựng phương án dự phòng nghiêm ngặt, nâng lượng gối kho xăng dầu thương mại của toàn hệ thống đạt từ 1,8 - 2 triệu m³ (tương đương trên 20 ngày tiêu thụ), cam kết ngăn ngừa tuyệt đối tình trạng đứt gãy nguồn cung tại các địa phương.

Viện Chiến lược Chính sách Bộ Công Thương dự báo Quý III sẽ là giai đoạn bứt phá mang tính bước ngoặt về thị phần của dòng xăng sinh học mới E10 tại thị trường Việt Nam. Sau khi hạ tầng kỹ thuật và các trạm phối trộn tại nhà máy Bình Sơn vận hành ổn định trong tháng 5, 10 thương nhân đầu mối lớn sẽ chính thức triển khai đưa xăng E10 lên các trụ bơm diện rộng toàn quốc trong quý tới. Nhờ lợi thế được ưu đãi thuế bảo vệ môi trường, giá xăng E10 dự báo sẽ duy trì mức rẻ hơn xăng khoáng RON 95 truyền thống từ 300 - 500 đồng/lít. Mức chênh lệch kinh tế hấp dẫn này được dự báo sẽ kích thích người tiêu dùng chủ động dịch chuyển dòng cầu, giúp sản lượng tiêu thụ xăng sinh học đạt mục tiêu chiếm từ 15% - 20% tổng lượng xăng tiêu thụ toàn quốc ngay trong quý tới.

2. THỊ TRƯỜNG KHÍ

2.1. Thông tin trong kỳ

2.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

■ *Cung khí:*

Nguồn cung khí đốt tự nhiên toàn cầu trong tháng 5/2026 tiếp tục chịu áp lực nghiêm trọng do tác động kéo dài của xung đột tại Trung Đông, đặc biệt là tình trạng gián đoạn vận tải qua eo biển Hormuz và thiệt hại đối với các cơ sở hạ tầng năng lượng tại khu vực Vùng Vịnh. Thị trường khí đốt và LNG thế giới bước vào giai đoạn thắt chặt rõ rệt khi nguồn cung từ một trong những trung tâm xuất khẩu năng lượng lớn nhất thế giới bị ảnh hưởng nặng nề.

Theo các chuyên gia năng lượng quốc tế, nguồn cung khí đốt toàn cầu đã suy giảm mạnh do hoạt động sản xuất và xuất khẩu LNG của Qatar bị đình trệ trong bối cảnh xung đột leo thang. Ông Claudio Galimberti của Rystad Energy ước tính lượng LNG thiếu hụt trên thị trường quốc tế hiện vào khoảng 30 - 50 triệu tấn, tương đương khoảng 7 - 11% tổng nguồn cung LNG toàn cầu hằng năm.

Ngày 7/5, nhiều tổ chức năng lượng quốc tế đồng loạt cảnh báo thị trường LNG toàn cầu đang bước vào giai đoạn thắt chặt nguồn cung trong trung hạn khi các diễn biến tại Trung Đông tiếp tục gây áp lực lên hoạt động sản xuất và vận chuyển năng lượng. Các khu vực tiêu thụ lớn như châu Âu và châu Á được cho là sẽ phải đẩy mạnh xây dựng các kịch bản ứng phó nhằm bảo đảm an ninh năng lượng trong thời gian tới.

Tại khu vực Vùng Vịnh, việc eo biển Hormuz gần như tê liệt trong nhiều tuần đã khiến hoạt động vận chuyển LNG bằng đường biển rơi vào trạng thái đình trệ cục bộ. Đây là yếu tố đặc biệt nghiêm trọng đối với thị trường năng lượng toàn cầu khi khu vực này hiện chiếm khoảng 9% sản lượng khí đốt thế giới và giữ vai trò trung tâm trong chuỗi cung ứng LNG quốc tế. Bên cạnh đó, nhiều vụ tấn công nhằm vào cơ sở hạ tầng năng lượng hạ nguồn đã khiến gần 2 triệu thùng dầu quy đổi/ngày công suất lọc hóa và xử lý khí hóa lỏng trong khu vực không thể vận hành trở lại trong suốt tháng 5.

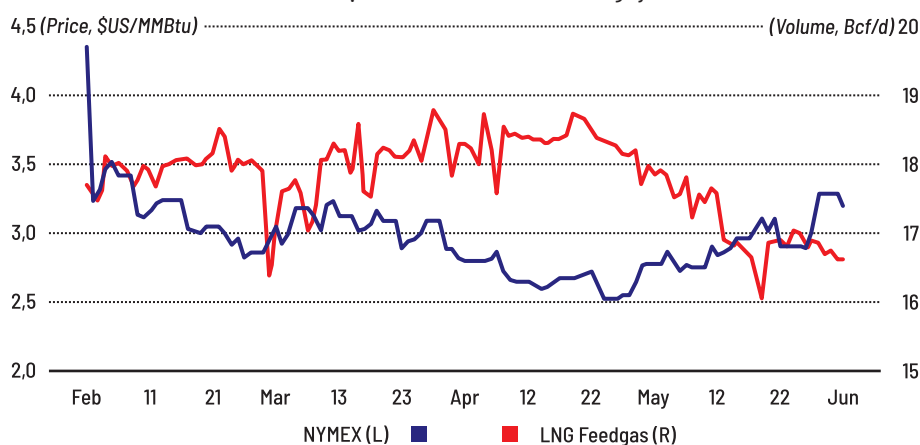
Thị trường khí đốt toàn cầu cũng chịu thêm áp lực sau khi khoảng 20% nguồn cung LNG thế giới bị gián đoạn do khủng hoảng Trung Đông và tiến độ triển khai nhiều dự án năng lượng mới bị chậm lại. Trong bối cảnh đó, châu Âu đã phải khẩn trương tìm kiếm các nguồn cung thay thế nhằm bù đắp sự thiếu hụt từ Trung Đông. Nhiều công ty năng lượng châu Âu đã ký thêm các thỏa thuận mua LNG dài hạn với các nhà sản xuất Mỹ để bảo đảm nguồn hàng cho các mùa tiêu thụ sắp tới.

Mỹ tiếp tục đóng vai trò là nhà cung cấp LNG lớn nhất cho châu Âu kể từ sau khi dòng khí đốt đường ống từ Nga sang châu Âu suy giảm mạnh từ năm 2022. Trong bối cảnh khủng hoảng năng lượng tại Trung Đông leo thang, vai trò của Mỹ đối với an ninh năng lượng châu Âu càng trở nên quan trọng hơn khi khu vực này ngày càng phụ thuộc lớn vào LNG nhập khẩu để duy trì ổn định nguồn cung.

Để bù đắp khoảng trống nguồn cung từ Trung Đông, các doanh nghiệp năng lượng Mỹ trong tháng 5 đã tăng tốc mở rộng công suất khai thác và hóa lỏng khí tự nhiên. Dự án Commonwealth LNG tại Mỹ đã chính thức đạt quyết định đầu tư cuối cùng (FID) nhằm đẩy nhanh tiến độ xây dựng và bổ sung công suất xuất khẩu mới cho thị trường quốc tế. Đồng thời, dự án Energía Costa Azul cũng bắt đầu giai đoạn nạp dòng khí đầu vào để chạy thử nghiệm hệ thống. Việc các dự án LNG mới của Mỹ được thúc đẩy trong giai đoạn hiện nay được xem là nguồn hỗ trợ quan trọng đối với thị trường toàn cầu, dù chi phí vận tải biển tiếp tục tăng cao do nhiều tàu phải thay đổi hải trình nhằm tránh khu vực xung đột.

DIỄN BIẾN GIÁ KHÍ TỰ NHIÊN NYMEX VÀ LƯỢNG KHÍ ĐẦU VÀO CHO CÁC NHÀ MÁY LNG CỦA MỸ GIAI ĐOẠN THÁNG 2 - 6/2026

Đơn vị tính: USD/MMBtu, Bcf/ngày



Nguồn: NGI, Wood Mackenzie

Tại châu Âu, nguồn cung khí đốt trong tháng 5 tiếp tục đối mặt với nhiều sức ép từ việc cắt giảm dòng khí qua các tuyến đường ống truyền thống và những tác động từ các lệnh trừng phạt năng lượng. Để giảm thiểu rủi ro thiếu hụt trong các mùa tiêu thụ tiếp theo, các quốc gia châu Âu đã đẩy mạnh tốc độ tích trữ khí đốt. Đến cuối tháng 5, lượng khí đốt lưu trữ tại các kho ngầm của châu Âu đã đạt trên 65% công suất thiết kế, giúp khu vực này phần nào giảm bớt nguy cơ cạn kiệt nguồn cung cục bộ trong ngắn hạn.

Trong khi đó, khu vực châu Á nhìn chung duy trì được sự ổn định tương đối về nguồn cung khí đốt nhờ chiến lược đa dạng hóa nguồn nhập khẩu và các hợp đồng LNG dài hạn đã được ký kết từ trước. Trung Quốc tiếp tục bảo đảm an ninh năng lượng nhờ duy trì ổn định dòng khí nhập khẩu qua các tuyến đường ống chiến lược từ Nga và Trung Á. Bên cạnh đó, lượng LNG dự trữ lớn từ các hợp đồng dài hạn cũng giúp Trung Quốc có khả năng tái xuất khẩu một phần các lô hàng LNG sang hỗ trợ các quốc gia đang thiếu hụt nguồn cung trên thị trường quốc tế.

Ngoài ra, nhiều quốc gia bắt đầu điều chỉnh chính sách năng lượng nhằm tăng cường an ninh nguồn cung trong dài hạn. Australia - một trong những quốc gia xuất khẩu LNG lớn nhất thế giới - đã công bố kế hoạch yêu cầu các doanh nghiệp giữ lại khoảng 20% lượng LNG xuất khẩu cho thị trường nội địa từ năm 2027. Động thái này phản ánh xu hướng ngày càng nhiều quốc gia ưu tiên bảo đảm an ninh năng lượng trong nước trước những biến động kéo dài của thị trường quốc tế.

■ **Cầu khí:**

Thị trường khí đốt và LNG toàn cầu trong tháng 5/2026 tiếp tục trải qua giai đoạn biến động mạnh do ảnh hưởng từ xung đột tại Trung Đông, đặc biệt là các rủi ro vận tải quanh eo biển Hormuz - tuyến hàng hải năng lượng quan trọng bậc nhất thế giới. Những gián đoạn nguồn cung và lo ngại về an ninh năng lượng đã khiến giá khí đốt, chi phí vận chuyển LNG và áp lực lạm phát năng lượng đồng loạt gia tăng trên phạm vi toàn cầu.

Tại châu Âu, nhu cầu khí đốt trong tháng 5 nhìn chung suy yếu so với cùng kỳ năm trước, dù thị trường vẫn duy trì trạng thái căng thẳng. Theo dữ liệu từ IEA, tiêu thụ khí đốt của châu Âu trong những tháng đầu năm 2026 giảm gần 1%, chủ yếu do sản lượng điện từ năng lượng tái tạo tăng lên, qua đó làm giảm lượng khí đốt sử dụng trong ngành điện. Riêng khu vực Tây Bắc châu Âu, nhu cầu khí đốt trong tháng 5 giảm khoảng 4% so với cùng kỳ năm trước, tương đương giảm khoảng 14 triệu m³/ngày. Thời tiết ôn hòa hơn, nhu cầu sưởi ấm suy yếu cùng xu hướng tiết kiệm năng lượng kéo dài sau nhiều năm giá khí đốt ở mức cao là những nguyên nhân chính khiến mức tiêu thụ đi xuống.

Tuy nhiên, việc nhu cầu giảm không đồng nghĩa áp lực thị trường hạ nhiệt. Giá khí đốt chuẩn TTF của châu Âu trong tháng 5 vẫn dao động mạnh trong khoảng 44-49 EUR/MWh và nhiều thời điểm vượt ngưỡng 49 EUR/MWh - mức cao nhất trong khoảng 5 tuần. Nguyên nhân chủ yếu đến từ lo ngại nguồn cung LNG toàn cầu bị gián đoạn bởi xung đột Trung Đông và các bất ổn tại eo biển Hormuz, nơi vận chuyển phần lớn LNG từ Qatar và khu vực Vùng Vịnh ra thị trường quốc tế.

Một trong những vấn đề đáng lo ngại nhất của châu Âu hiện nay là mức dự trữ khí đốt thấp bất thường trong giai đoạn bước vào mùa nạp kho cho mùa đông. Sau mùa đông kéo dài, các kho chứa khí đốt của châu Âu chỉ còn khoảng 28% công suất trước khi bước vào mùa hè. Đến cuối tháng 5, mức dự trữ mới phục hồi lên khoảng 35-40%, thấp hơn đáng kể so với mức chuẩn thông thường khoảng 50% theo mùa và thấp hơn khoảng 25-30% so với mức trung bình 5 năm gần đây. Theo IEA, để đạt mục tiêu lấp đầy 90% kho dự trữ trước mùa đông, Liên minh châu Âu sẽ cần bổ sung thêm ít nhất 10 tỷ mét khối khí đốt trong những tháng tới.

Tình trạng thiếu hụt thể hiện rõ tại nhiều nền kinh tế lớn của châu Âu. Dự trữ khí đốt của Hà Lan giảm xuống chỉ còn khoảng 5,8% vào cuối mùa đông - mức thấp nhất trong vòng 10 năm. Trong khi đó, mức dự trữ tại Đức giảm xuống khoảng 20% và Pháp chỉ quanh mức 27% khi bước sang mùa xuân. Điều này buộc châu Âu phải tăng tốc nhập khẩu LNG, đặc biệt từ Mỹ, trong bối cảnh nguồn cung từ Trung Đông và Nga vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro.

Không chỉ châu Âu, thị trường khí đốt tại châu Á cũng chịu sức ép lớn trong tháng 5. Nhu cầu LNG tại khu vực tiếp tục tăng nhằm phục vụ sản xuất điện và nhu cầu làm mát trong mùa hè, khiến cạnh tranh mua LNG giữa châu Á và châu Âu trở nên gay gắt hơn. Giá LNG giao ngay tại châu Á (JKM) tăng lên khoảng 17,75 USD/MMBtu và biến động mạnh theo diễn biến địa chính trị. Một số quốc gia châu Á đã phải tăng cường các biện pháp tiết kiệm năng lượng nhằm giảm áp lực chi phí nhập khẩu nhiên liệu.

Trong khi đó, Mỹ tiếp tục giữ vai trò là nhà cung cấp LNG lớn nhất thế giới. Tuy nhiên, xuất khẩu LNG của Mỹ trong tháng 5 giảm xuống khoảng 10,2 triệu tấn do nhiều cơ sở hóa lỏng tiến hành bảo trì định kỳ. Dù vậy, lượng LNG xuất khẩu sang châu Á lại tăng mạnh và đạt mức cao nhất trong vòng một năm nhờ chênh lệch giá giữa thị trường châu Á và châu Âu. Song song với đó, Nga cũng gia tăng xuất khẩu LNG bất chấp các lệnh trừng phạt. Tính từ đầu năm đến hết tháng 5/2026, xuất khẩu LNG của Nga tăng khoảng 11,5% so với cùng kỳ năm trước và châu Âu vẫn là một trong những điểm đến tiêu thụ quan trọng do nhu cầu bổ sung dự trữ năng lượng.

■ *Diễn biến giá:*

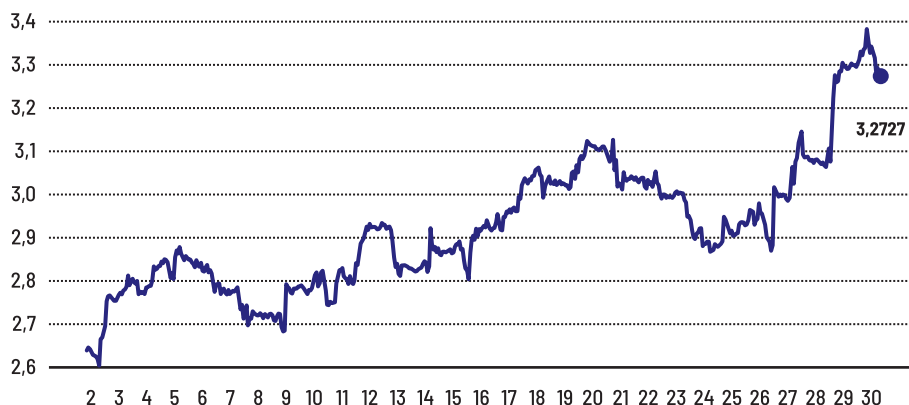
Thị trường khí đốt toàn cầu trong tháng 5/2026 biến động mạnh dưới tác động của cuộc xung đột tại Trung Đông và nguy cơ gián đoạn vận tải năng lượng qua eo biển Hormuz. Trước khi chiến sự leo thang, eo biển Hormuz đảm nhiệm khoảng 20% lượng khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) giao dịch toàn cầu mỗi ngày, đóng vai trò là tuyến trung chuyển chiến lược đối với nguồn cung LNG từ Qatar và UAE. Khi hoạt động vận chuyển qua khu vực này bị gián đoạn, giá LNG giao ngay tại châu Á cùng giá khí đốt chuẩn tại châu Âu đã tăng mạnh do lo ngại thiếu hụt nguồn cung trong ngắn hạn.

Tại châu Âu, giá khí đốt chuẩn TTF liên tục biến động mạnh trong tháng 5 khi thị trường lo ngại khu vực sẽ gặp khó khăn trong quá trình tích trữ năng lượng cho mùa đông. Trong khi đó tại châu Á, nhu cầu LNG phục vụ sản xuất điện và làm mát mùa hè cũng gia tăng, khiến cạnh tranh mua LNG giữa các khu vực trở nên gay gắt hơn. Sự thiếu hụt nguồn cung từ Trung Đông cùng chi phí vận tải và bảo hiểm hàng hải leo thang đã tạo thêm áp lực lên toàn bộ thị trường năng lượng thế giới.

Dữ liệu giao dịch cho thấy giá khí tự nhiên thế giới giảm xuống còn khoảng 3,27 USD/MMBtu vào ngày 29/05/2026, thấp hơn 0,37% so với phiên trước đó. Tuy nhiên, tính trong vòng một tháng, giá khí tự nhiên vẫn tăng mạnh khoảng 18,29%, phản ánh mức độ nhạy cảm của thị trường trước các rủi ro địa chính trị và nguy cơ gián đoạn chuỗi cung ứng năng lượng. Dù vậy, mặt bằng giá hiện tại vẫn thấp hơn khoảng 5,05% so với cùng kỳ năm trước.

DIỄN BIẾN GIÁ KHÍ TỰ NHIÊN TRONG THÁNG 5

Đơn vị tính: USD/mmBTU



Nguồn: Trading Economics

2.1.2. Thị trường trong nước

■ Cung khí:

Trong tháng 5/2026, tình hình nhập khẩu khí đốt của Việt Nam tiếp tục gia tăng nhằm đảm bảo nguồn cung năng lượng cho sản xuất điện và công nghiệp trong bối cảnh thị trường năng lượng thế giới biến động mạnh. Do sản lượng khai thác khí tự nhiên nội địa có xu hướng suy giảm, Việt Nam ngày càng phụ thuộc nhiều hơn vào nguồn khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) nhập khẩu để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước. Theo thông tin từ PV GAS, đến hết tháng 4/2026, doanh nghiệp này đã nhập khẩu khoảng 230.000 tấn LNG phục vụ phát điện, đồng thời duy trì nguồn cung LPG khoảng 100.000 tấn/tháng cho thị trường nội địa và xuất khẩu khu vực.

Trong giai đoạn cuối tháng 4 và đầu tháng 5, PV GAS tiếp tục đẩy mạnh hoạt động nhập khẩu để ứng phó với nguy cơ thiếu hụt năng lượng trong mùa cao điểm tiêu thụ điện. Cụ thể, doanh nghiệp đã nhập khẩu hơn 71.000 tấn LNG từ Australia và khoảng 45.000 tấn LPG từ Mỹ nhằm đảm bảo ổn định nguồn cung năng lượng quốc gia. Ngoài ra, PV GAS cũng thu xếp thêm các chuyến hàng LNG từ Malaysia giao trong tháng 5 và tháng 6/2026 để bổ sung nhiên liệu cho các nhà máy điện khí.

Hoạt động nhập khẩu LNG của Việt Nam diễn ra trong bối cảnh thị trường năng lượng toàn cầu chịu tác động mạnh từ xung đột tại Trung Đông và những gián đoạn quanh eo biển Hormuz — tuyến vận chuyển khoảng 20% LNG toàn cầu. Điều này khiến giá LNG quốc tế tăng cao, chi phí vận tải và bảo hiểm hàng hải leo thang, gây áp lực lớn lên chi phí nhập khẩu năng lượng của Việt Nam. Tuy nhiên, nhờ chủ động đa dạng hóa nguồn cung từ Australia, Qatar, Malaysia và khu vực Đông Nam Á, Việt Nam vẫn duy trì được chuỗi cung ứng khí đốt tương đối ổn định trong tháng 5.

Một điểm đáng chú ý là việc đưa vào vận hành thương mại các nhà máy điện khí LNG như Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 từ đầu năm 2026 đã làm nhu cầu LNG nhập khẩu tăng nhanh hơn trước. Điều này phản ánh xu hướng chuyển dịch dần sang điện khí LNG trong cơ cấu năng lượng quốc gia nhằm giảm phụ thuộc vào than đá và đáp ứng nhu cầu điện ngày càng tăng. Tuy nhiên, sự phụ thuộc ngày càng lớn vào LNG nhập khẩu cũng khiến thị trường năng lượng trong nước trở nên nhạy cảm hơn với biến động giá năng lượng và rủi ro địa chính trị toàn cầu.

■ Cầu khí:

Nhu cầu tiêu thụ khí đốt tại Việt Nam trong tháng 5/2026 tiếp tục duy trì ở mức cao trong bối cảnh nhu cầu điện năng và hoạt động sản xuất công nghiệp gia tăng mạnh. Thời tiết nắng nóng kéo dài khiến nhu cầu sử dụng điện tăng nhanh, kéo theo lượng khí tự nhiên và khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) phục vụ phát điện tăng đáng kể. Các nhà máy nhiệt điện khí tại khu vực Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ phải nâng công suất hoạt động nhằm đảm bảo nguồn cung điện cho hệ thống quốc gia trong mùa cao điểm tiêu thụ.

Trong bối cảnh sản lượng khai thác khí tự nhiên nội địa có xu hướng suy giảm theo chu kỳ khai thác, Việt Nam ngày càng phụ thuộc nhiều hơn vào LNG nhập

khẩu để bù đắp thiếu hụt nguồn cung trong nước. Theo PV GAS, đến hết tháng 4/2026, Việt Nam đã nhập khẩu khoảng 230.000 tấn LNG phục vụ phát điện, đồng thời duy trì nguồn cung LPG khoảng 100.000 tấn mỗi tháng cho thị trường nội địa và xuất khẩu khu vực. Riêng giai đoạn cuối tháng 4 và đầu tháng 5, PV GAS tiếp tục nhập thêm hơn 71.000 tấn LNG từ Australia cùng khoảng 45.000 tấn LPG từ Mỹ nhằm đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia và đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong mùa cao điểm.

Bên cạnh lĩnh vực điện, nhu cầu sử dụng khí đốt trong sản xuất công nghiệp cũng tiếp tục gia tăng. Các ngành sử dụng nhiều năng lượng như thép, hóa chất, phân bón và chế biến công nghiệp duy trì mức tiêu thụ khí lớn để phục vụ hoạt động sản xuất. Đồng thời, giá than và dầu thế giới duy trì ở mức cao trong tháng 5 cũng khiến nhiều doanh nghiệp chuyển sang ưu tiên sử dụng khí đốt như một giải pháp thay thế nhằm tối ưu chi phí vận hành và giảm phát thải.

Số liệu thị trường cũng cho thấy nhu cầu nhiên liệu khí tại Việt Nam tăng nhanh hơn tốc độ mở rộng nguồn cung nội địa. Theo dữ liệu Hải quan Việt Nam được Reuters dẫn lại, nhập khẩu LPG của Việt Nam trong 4 tháng đầu năm 2026 đã tăng khoảng 34,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong khi đó, sản lượng LPG sản xuất trong nước tháng 4/2026 chỉ đạt khoảng 71.190 tấn, giảm nhẹ so với tháng trước, phản ánh áp lực ngày càng lớn lên nguồn cung năng lượng trong nước.

Ngoài ra, hoạt động vận hành thương mại các dự án điện khí LNG mới như Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 cũng góp phần làm nhu cầu LNG tăng nhanh trong năm 2026. Điều này cho thấy xu hướng chuyển dịch sang điện khí LNG trong cơ cấu năng lượng quốc gia đang diễn ra rõ rệt nhằm giảm phụ thuộc vào than đá và đáp ứng nhu cầu điện ngày càng tăng của nền kinh tế. Tuy nhiên, việc phụ thuộc ngày càng lớn vào LNG nhập khẩu cũng khiến thị trường năng lượng trong nước trở nên nhạy cảm hơn trước biến động giá năng lượng và các rủi ro địa chính trị toàn cầu.

■ *Diễn biến giá:*

Tình trạng gián đoạn LNG toàn cầu tác động đến giá gas thế giới, từ đó có thể ảnh hưởng đến giá gas trong nước Việt Nam ở các kỳ điều chỉnh tiếp theo. Việt Nam là quốc gia có một phần nguồn LPG nhập khẩu, nên nhạy cảm với biến động giá quốc tế.

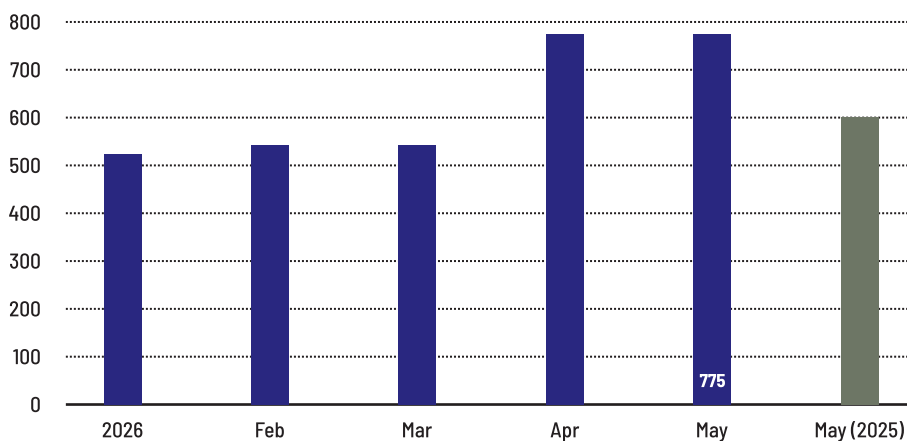
Thị trường khí đốt hóa lỏng (LPG) bán lẻ trong nước tháng 5 ghi nhận xu hướng tăng mạnh trên diện rộng do chịu áp lực trực tiếp từ đà leo thang của chi phí nhập khẩu toàn cầu. Dù vậy, thị trường có sự phân hóa rõ rệt khi một số doanh nghiệp đầu mối lớn chủ động giữ nguyên giá bán để bình ổn thị trường và giữ chân khách hàng. Đối với nhóm doanh nghiệp điều chỉnh tăng, mức tăng phổ biến ghi nhận là 2.250 đồng/kg (đã bao gồm thuế VAT). Điều này khiến mỗi bình gas dân dụng loại 12kg tăng thêm 27.000 đồng, đẩy mức giá bán lẻ dao động từ 644.500 đến 677.000 đồng/bình tùy khu vực. Đối với các hộ kinh doanh hoặc nhà xưởng sử dụng bình công nghiệp loại 45kg đến 50kg, mức tăng dao động mạnh từ 101.000 đến 112.500 đồng/bình, tạo ra áp lực chi phí không nhỏ cho hoạt động sản xuất.

Sự cạnh tranh thị phần đã tạo ra bức tranh đối lập giữa các thương hiệu lớn trong kỳ điều hành này. Trái ngược với xu hướng tăng mạnh của Gas South, Pacific Petro hay City Petro, hai ông lớn là Tổng Công ty Gas Petrolimex và Saigon Petro lại chọn giải pháp đi ngang, giữ nguyên biểu giá của tháng trước. Cụ thể, bình gas Petrolimex 12kg tại Hà Nội duy trì ổn định ở mức 598.104 đồng và tại TP.HCM là 592.000 đồng. Trong khi đó, PV GAS ghi nhận mức tăng nhẹ tại miền Bắc nhưng tăng mạnh tại miền Nam với giá bình 12kg chạm mốc hơn 667.000 đồng. Đáng chú ý, khu vực Tây Nam Bộ, điển hình là Cần Thơ, tiếp tục là vùng có giá gas bán lẻ dễ tiếp cận nhất cả nước khi neo ở mức khoảng 550.000 đồng/bình 12kg nhờ lợi thế về chuỗi cung ứng logistics nội địa.

Theo phân tích từ các chuyên gia và doanh nghiệp đầu mối, nguyên nhân cốt lõi khiến giá gas trong nước neo cao xuất phát từ hai yếu tố chính: giá CP thể giới và chi phí logistics. Giá hợp đồng (CP) khí hóa lỏng thể giới do tập đoàn Saudi Aramco công bố cho tháng 5 đi ngang ở mức 775 USD/tấn, cao hơn rất nhiều so với mức 600 USD/tấn cùng kỳ năm ngoái. Đi kèm với đó, khoản chi phí Premium (phí vận chuyển và bảo hiểm đưa hàng về Việt Nam) cũng leo thang lên ngưỡng 75 đến 80 USD/tấn. Việc phụ thuộc lớn vào nguồn nhập khẩu, kết hợp với biến động tỷ giá USD/VND và các bất ổn địa chính trị tại khu vực Trung Đông, đã trực tiếp đẩy chi phí đầu vào của các doanh nghiệp lên cao, buộc họ phải điều chỉnh giá bán lẻ để bảo toàn biên lợi nhuận.

GIÁ CP LPG MỚI NHẤT THÁNG 5/2026

Đơn vị tính: USD/tấn



Nguồn: Data Energy

2.2. Dự báo

2.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ *Cung khí:*

Dự báo về nguồn cung khí đốt tự nhiên hóa lỏng (LNG) toàn cầu cho thấy thị trường sẽ tiếp tục đối mặt với tình trạng thắt chặt trong trung hạn do tác động kéo dài từ các gián đoạn địa chính trị. Theo Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA), cuộc xung đột liên quan đến Iran đã khiến nguồn cung LNG toàn cầu bị suy giảm khoảng 120 tỷ mét khối (bcm) trong giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030, tương đương khoảng 15% tổng nguồn cung LNG thế giới. Đây là mức thiếu hụt đáng kể, phản ánh mức độ ảnh hưởng sâu rộng của bất ổn địa chính trị đối với thị trường năng lượng toàn cầu.

IEA nhận định rằng cú sốc nguồn cung này không chỉ mang tính ngắn hạn mà còn có khả năng định hình lại cấu trúc thị trường khí đốt trong nhiều năm tới. Việc gián đoạn xuất khẩu từ các nhà cung cấp lớn như Qatar và UAE, cùng với thiệt hại đối với một số cơ sở hạ tầng năng lượng quan trọng, đã khiến các kế hoạch mở rộng nguồn cung LNG bị trì hoãn ít nhất 2 năm so với dự kiến ban đầu. Điều này làm gia tăng nguy cơ thị trường khí đốt toàn cầu duy trì trạng thái khan hiếm kéo dài hơn so với các dự báo trước đây.

Tại Hội nghị thượng đỉnh LNG ở Budapest (Hungary) ngày 7/5, nhà phân tích của IEA - ông Gergely Molnar - cho biết thị trường khí đốt toàn cầu đang bước vào giai đoạn tái cân bằng chậm, trong đó áp lực thiếu hụt vẫn chiếm ưu thế trong giai đoạn 2026-2027. Tuy nhiên, ông cũng nhấn mạnh rằng một làn sóng đầu tư mới vào các dự án hóa lỏng LNG tại Bắc Mỹ, Trung Đông và một số khu vực khác sẽ dần bổ sung nguồn cung, giúp giảm bớt áp lực trong dài hạn.

Theo đánh giá chung của các chuyên gia tại hội nghị, mặc dù tình trạng thắt chặt nguồn cung có thể kéo dài trong vài năm tới, nhưng sự gia tăng công suất LNG toàn cầu trong chu kỳ đầu tư mới sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc tái lập trạng thái cân bằng của thị trường từ cuối thập kỷ này. Trong ngắn và trung hạn, thị trường LNG vẫn được dự báo duy trì trạng thái nhạy cảm cao trước mọi biến động địa chính trị và gián đoạn chuỗi cung ứng năng lượng.

▪ *Cầu khí:*

Dự báo về nhu cầu khí đốt toàn cầu cho thấy xu hướng suy yếu tương đối trong ngắn hạn do tác động trực tiếp của giá năng lượng duy trì ở mức cao. Khi giá khí đốt tăng mạnh, nhiều quốc gia và doanh nghiệp đã chủ động triển khai các biện pháp tiết kiệm năng lượng, tối ưu hóa tiêu thụ và chuyển đổi một phần sang các nguồn năng lượng thay thế. Điều này khiến tốc độ tăng trưởng nhu cầu khí đốt không còn duy trì đà phục hồi như giai đoạn trước, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghiệp và phát điện.

Tại châu Âu, nhu cầu khí đốt chịu ảnh hưởng rõ rệt nhất khi các quốc gia tiếp tục duy trì chính sách giảm phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch. Việc đẩy mạnh sử dụng năng lượng tái tạo như điện gió và điện mặt trời đã góp phần làm giảm nhu cầu khí đốt trong sản xuất điện, trong khi thời tiết ôn hòa hơn trong một số giai đoạn cũng làm suy yếu nhu cầu sưởi ấm. Tuy nhiên, nhu cầu bổ sung kho dự trữ trước mùa đông vẫn khiến thị trường duy trì trạng thái tiêu thụ ổn định ở mức nền cao.

Theo cảnh báo từ Equinor, nếu tình trạng gián đoạn nguồn cung qua eo biển Hormuz kéo dài thêm từ 1 đến 3 tháng, giá khí đốt tại trung tâm TTF của châu Âu có thể tăng mạnh lên khoảng 90 EUR/MWh (tương đương khoảng 105 USD/MWh). Trong kịch bản này, nhu cầu khí đốt có thể bị thu hẹp do hiệu ứng giá cao, khi các doanh nghiệp buộc phải cắt giảm sản xuất hoặc chuyển đổi sang các nguồn năng lượng chi phí thấp hơn.

▪ *Diễn biến giá:*

Theo oilprice, thị trường quyền chọn hợp đồng tương lai khí đốt tự nhiên châu Âu trong tuần đầu tháng 5 cho thấy các nhà giao dịch lo ngại giá khí đốt chuẩn có thể tăng hơn gấp đôi trong mùa đông 2026/2027. Sự gián đoạn nguồn cung kéo dài từ Trung Đông đang đe dọa mùa nập khí đốt của châu Âu trước cao điểm tiêu thụ.

Dữ liệu Bloomberg tổng hợp cho thấy một số nhà giao dịch đã ký các hợp đồng quyền chọn cho giai đoạn từ tháng 10 đến tháng 3 với mức giá lên tới 117 USD (100 euro)/megawatt-giờ (MWh). Mức giá này cao hơn gấp đôi so với giá hiện tại khoảng 53 USD (45 euro)/MWh, phản ánh mối lo ngại lớn của giới thương mại về cú sốc giá khí đốt sắp tới.

Đối với khí tự nhiên, Citi giữ nguyên dự báo giá khí Henry Hub tại Mỹ nhờ nguồn cung duy trì mạnh, nhưng cảnh báo rủi ro tăng giá tại châu Âu và châu Á.

Ngân hàng này dự báo giá khí TTF của châu Âu sẽ đạt trung bình khoảng 17,8 USD/MMBtu nếu tình trạng gián đoạn nguồn cung tiếp tục kéo dài.

2.2.2. Thị trường trong nước

Các tổ chức quốc tế và cơ quan trong nước đều thống nhất nhận định rằng thị trường khí đốt Việt Nam sẽ bước vào giai đoạn tăng trưởng mạnh về nhu cầu, trong khi nguồn cung nội địa tiếp tục suy giảm, buộc phải gia tăng phụ thuộc vào LNG nhập khẩu.

Theo Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) và các báo cáo phân tích ngành, sản lượng khí tự nhiên trong nước đang có xu hướng giảm do các mỏ khí truyền thống bước vào giai đoạn suy kiệt. Trong khi đó, nhu cầu khí đốt cho phát điện và công nghiệp vẫn tăng đều, khiến khoảng thiếu hụt ngày càng rõ rệt. Đây là nguyên nhân chính thúc đẩy Việt Nam mở rộng nhập khẩu LNG như một nguồn cung chiến lược trong trung và dài hạn.

Trong các dự báo cập nhật của ngành năng lượng, Việt Nam được kỳ vọng sẽ tăng mạnh nhập khẩu LNG từ mức khoảng 5 triệu tấn vào năm 2025 lên khoảng 11 triệu tấn vào năm 2030, và có thể đạt gần 14 triệu tấn vào năm 2035. Điều này phản ánh xu hướng chuyển dịch rõ rệt từ nền kinh tế dựa vào khí nội địa sang mô hình kết hợp giữa khí trong nước và khí nhập khẩu.

Ở góc độ chính sách, theo Quy hoạch điện VIII (PDP8) và các phân tích của Bộ Công Thương, khí đốt tiếp tục được xác định là nhiên liệu chuyển tiếp quan trọng trong quá trình giảm phụ thuộc vào than và thúc đẩy năng lượng tái tạo. Đến năm 2030, khí LNG dự kiến đóng vai trò đáng kể trong cơ cấu nguồn điện, với công suất điện khí chiếm tỷ trọng lớn trong hệ thống năng lượng quốc gia. Tuy nhiên, điều này cũng đồng nghĩa với việc nhu cầu nhập khẩu LNG sẽ tăng nhanh và trở thành yếu tố chi phối an ninh năng lượng.

Về phía doanh nghiệp nhà nước, PV GAS và các đơn vị trong ngành dầu khí cũng đang đẩy mạnh xây dựng chuỗi cung ứng LNG, bao gồm cả kho cảng, hạ tầng tái hóa khí và hợp đồng dài hạn với các nhà cung cấp quốc tế. Các chuyên gia trong ngành nhận định rằng Việt Nam đã bước vào giai đoạn “tái cấu trúc thị trường khí”, trong đó LNG nhập khẩu sẽ ngày càng chiếm tỷ trọng lớn trong tổng cung năng lượng.

Tuy nhiên, các chuyên gia cũng cảnh báo rằng thị trường khí Việt Nam trong thời gian tới sẽ chịu tác động mạnh từ biến động giá LNG toàn cầu. Khi giá khí thế giới tăng do gián đoạn nguồn cung hoặc căng thẳng địa chính trị, chi phí phát điện và giá năng lượng trong nước có thể biến động theo, tạo áp lực lên điều hành vĩ mô và lạm phát năng lượng.

3. THỊ TRƯỜNG PHÂN BÓN

3.1. Thông tin trong kỳ

3.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

■ *Cung phân bón:*

Trong tháng 5/2026, thị trường phân bón toàn cầu ghi nhận tình trạng siết chặt nguồn cung rõ rệt, khi nhiều nhà sản xuất lớn đồng loạt điều chỉnh giảm sản lượng do áp lực chi phí đầu vào và gián đoạn chuỗi cung ứng. Một trong những yếu tố nổi bật là chi phí nguyên liệu đầu vào, đặc biệt là lưu huỳnh và khí tự nhiên, tăng mạnh, khiến biên lợi nhuận của các doanh nghiệp sản xuất phân bón bị thu hẹp đáng kể.

Một số tập đoàn lớn đã chủ động cắt giảm sản lượng. Mosaic Company - một trong những nhà sản xuất phân bón phosphate hàng đầu thế giới - đã giảm sản lượng tại cả Mỹ và Brazil do chi phí lưu huỳnh tăng cao. Tương tự, OCP Group cũng tiến hành giảm sản lượng khi đẩy nhanh lịch bảo trì tại một số nhà máy, dù vẫn duy trì lượng tồn kho chiến lược nhằm đảm bảo khả năng đáp ứng ngắn hạn. Đại diện doanh nghiệp cho biết lượng tồn kho hiện có thể giúp duy trì sản xuất ít nhất đến cuối tháng 7, qua đó phần nào giảm áp lực đứt gãy nguồn cung tức thời.

Ở chiều cung quốc tế, Trung Quốc - một trong những nhà xuất khẩu phân phosphate lớn - đã tạm dừng xuất khẩu một số sản phẩm chủ chốt ít nhất đến tháng 8, làm gia tăng đáng kể tình trạng thiếu hụt trên thị trường toàn cầu. Cùng lúc, các nhà sản xuất tại Trung Đông, đặc biệt là Ả Rập Xê Út, cũng gặp khó khăn trong hoạt động xuất khẩu do gián đoạn logistics liên quan đến khu vực eo biển Hormuz, khiến khối lượng xuất khẩu giảm gần một nửa theo ước tính của các tổ chức phân tích ngành.

Trong bối cảnh nguồn cung bị thắt chặt, các quốc gia nhập khẩu lớn đã đẩy mạnh hoạt động tích trữ. Ấn Độ ghi nhận mức nhập khẩu kỷ lục trong các phiên đấu thầu phân bón, phản ánh xu hướng gia tăng dự trữ để đảm bảo an ninh lương thực. Tuy nhiên, sự cạnh tranh nguồn cung khiến thị trường trở nên phân hóa mạnh: các quốc gia có năng lực tài chính cao vẫn đảm bảo được nguồn hàng, trong khi nhiều nền kinh tế thu nhập thấp đối mặt với nguy cơ thiếu hụt phân bón do giá tăng cao.

Theo các chuyên gia ngành, tình trạng này không chỉ mang tính ngắn hạn mà còn phản ánh sự mong manh của chuỗi cung ứng phân bón toàn cầu trước các cú sốc địa chính trị và chi phí năng lượng. Điều này có thể tiếp tục tạo áp lực lên an ninh lương thực toàn cầu trong các mùa vụ tiếp theo.

■ *Cầu phân bón:*

Trong tháng 5/2026, nhu cầu phân bón toàn cầu tiếp tục duy trì ở mức cao nhưng có xu hướng phân hóa mạnh giữa các khu vực, trong bối cảnh giá đầu vào tăng và chuỗi cung ứng bị gián đoạn bởi căng thẳng địa chính trị.

Theo tổng hợp thị trường, nhu cầu đối với các loại phân bón chính như urea, DAP và phân phosphate vẫn được hỗ trợ bởi mùa vụ gieo trồng tại nhiều khu vực lớn, tuy nhiên mức tiêu thụ thực tế có dấu hiệu chững lại do giá tăng cao. Tại nhiều thị trường đang phát triển, nông dân bắt đầu giảm liều lượng sử dụng hoặc trì hoãn mua vào, phản ánh áp lực chi phí ngày càng lớn đối với sản xuất nông nghiệp.

Một điểm đáng chú ý là nhu cầu phân bón không suy giảm đồng đều, mà chuyển sang trạng thái “phân hóa theo khả năng chi trả”. Ở các nền kinh tế thu nhập cao, nhu cầu tương đối ổn định nhờ khả năng trợ giá và dự trữ, trong khi tại các khu vực thu nhập thấp, đặc biệt ở châu Phi cận Sahara và một số nước châu Á, lượng phân bón tiêu thụ có xu hướng giảm do giá vượt ngưỡng hấp thụ của người sản xuất.

Trên thị trường quốc tế, nhu cầu nhập khẩu vẫn duy trì ở mức cao, thể hiện qua các đợt đấu thầu lớn. Ví dụ, trong tháng 5, một số quốc gia châu Á đã mở thầu nhập khẩu quy mô lớn lên tới hàng triệu tấn urê nhằm đảm bảo nguồn cung cho mùa vụ, bất chấp giá phân bón tăng mạnh. Điều này cho thấy nhu cầu thực tế vẫn mang tính “bắt buộc theo mùa vụ” hơn là co giãn theo giá.

Tuy nhiên, áp lực chi phí đầu vào - đặc biệt từ khí tự nhiên (chiếm tới 80-90% chi phí sản xuất amoniac) - đã khiến giá phân bón duy trì ở mức cao, làm suy yếu khả năng tiêu thụ trong dài hạn. Theo các phân tích thị trường, giá urê toàn cầu năm 2026 có thể tăng gần 60% so với cùng kỳ, khiến mức độ “khả năng chi trả phân bón” giảm xuống vùng thấp nhất kể từ năm 2022.

■ ***Diễn biến giá:***

thị trường phân bón thế giới ghi nhận xu hướng biến động tăng - giảm đan xen, phản ánh sự giằng co giữa tình trạng thiếu hụt nguồn cung do gián đoạn địa chính trị và sự suy yếu của nhu cầu tại một số khu vực tiêu thụ lớn. Nhìn chung, mặt bằng giá phân bón vẫn duy trì ở mức cao so với trung bình nhiều năm, trong bối cảnh chi phí năng lượng, vận tải và nguyên liệu đầu vào tiếp tục chịu áp lực.

Theo khảo sát của AgroMonitor, giá ure thế giới trong tháng 5 có xu hướng điều chỉnh giảm trong ngắn hạn do nhu cầu mới hạn chế sau các đợt đấu thầu lớn của Ấn Độ. Tuy nhiên, xu hướng này không bền vững khi thị trường vẫn đối mặt với nguy cơ thiếu hụt nguồn cung, đặc biệt nếu xuất hiện thêm các đợt mua vào từ các quốc gia nhập khẩu lớn trong thời gian tới.

Tại khu vực Trung Đông - một trong những trung tâm sản xuất ure quan trọng nhất thế giới - giá ure FOB giảm xuống khoảng 820-840 USD/tấn trong bối cảnh người bán gặp khó khăn trong việc duy trì mức giá chào bán cao. Dù vậy, nguồn cung từ khu vực này vẫn bị hạn chế do gián đoạn logistics và hoạt động vận chuyển qua các tuyến hàng hải trọng yếu.

Trái ngược với xu hướng giảm cục bộ, thị trường châu Âu và châu Á lại ghi nhận áp lực tăng giá do nhu cầu nhập khẩu mang tính phòng ngừa rủi ro. Tại Ai Cập, giá ure duy trì quanh mức 790-810 USD/tấn FOB trong trạng thái trầm lắng, trong khi tại Đông Nam Á, hoạt động giao dịch thấp do các nhà nhập khẩu thận trọng trước mức giá cao và biên lợi nhuận nông sản giảm.

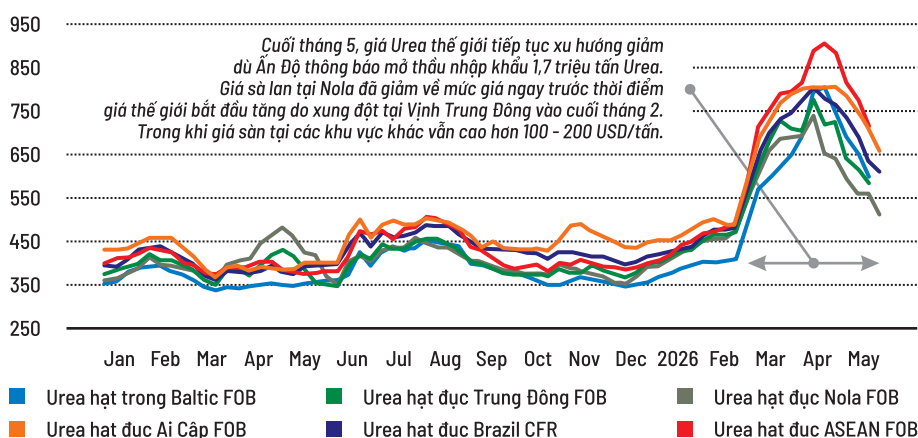
Tại thị trường Hoa Kỳ, giá hầu hết các loại phân bón chính đều tăng so với tháng trước, trong đó ure ghi nhận mức tăng mạnh nhất, khoảng 26% so với tháng 4/2026. Các sản phẩm như DAP, MAP và kali cũng duy trì xu hướng tăng nhẹ, phản ánh tác động lan tỏa của chi phí đầu vào và tình trạng thắt chặt nguồn cung toàn cầu.

Ở góc độ cấu trúc thị trường, xung đột tại Trung Đông tiếp tục đóng vai trò là yếu tố then chốt, khi khu vực này chiếm khoảng 35-40% lượng xuất khẩu ure toàn cầu. Việc gián đoạn sản xuất và vận chuyển qua các tuyến hàng hải quan trọng, đặc biệt là eo biển Hormuz, đã khiến nguồn cung phân bón toàn cầu bị thu hẹp đáng kể, qua đó đẩy mặt bằng giá duy trì ở mức cao.

Tại châu Âu, giá phân bón tiếp tục chịu áp lực tăng sau khi Liên minh châu Âu áp dụng thêm các biện pháp thuế đối với hàng nhập khẩu từ Nga - quốc gia cung cấp khoảng 22% nhu cầu phân bón của khu vực. Trước áp lực chi phí gia tăng, Ủy ban châu Âu đã cân nhắc các biện pháp hỗ trợ như miễn giảm thuế nhập khẩu và thúc đẩy sản xuất nội khối nhằm ổn định nguồn cung cho ngành nông nghiệp.

DIỄN BIẾN GIÁ PHÂN URE THẾ GIỚI

Đơn vị tính: USD/tấn



Nguồn: AgriMorning

3.1.2. Thị trường trong nước

■ Cung phân bón:

Trong tháng 5/2026, nguồn cung phân bón tại Việt Nam tiếp tục duy trì trạng thái ổn định, thậm chí trong một số phân khúc như ure và supe lân còn ghi nhận tình trạng dư cung so với nhu cầu tiêu thụ nội địa. Theo Hiệp hội Phân bón Việt Nam, tổng công suất sản xuất ure của bốn nhà máy chủ chốt gồm PVFCCo - Phú Mỹ Fertilizer Plant, Cà Mau Fertilizer Plant (PVCFC), Nhà máy đạm Hà Bắc và Nhà máy đạm Ninh Bình (thuộc Vinachem) đã đạt gần 3 triệu tấn/năm, vượt mức nhu cầu tiêu thụ nội địa.

Điều này cho thấy Việt Nam không chỉ tự chủ được nguồn cung ure mà còn có dư địa sản xuất để xuất khẩu. Theo Tiến sĩ Phùng Hà - Chủ tịch Hiệp hội Phân bón

Việt Nam, một số mặt hàng như ure và supe lân hiện đang trong trạng thái dư thừa so với nhu cầu trong nước. Trong khi đó, nhu cầu phân bón nội địa lại mang tính thời vụ rõ rệt, thường đạt đỉnh vào quý I và quý IV hàng năm, khiến hoạt động sản xuất trong các giai đoạn còn lại cần được điều tiết để tránh dư cung cục bộ.

Trong bối cảnh đó, nhiều doanh nghiệp trong nước đã đẩy mạnh xuất khẩu phân bón sang các thị trường như Campuchia, Hàn Quốc, Malaysia và Australia nhằm duy trì hoạt động ổn định, tối ưu công suất nhà máy và kiểm soát lượng tồn kho ở mức hợp lý. Hoạt động xuất khẩu này đóng vai trò như một kênh điều tiết quan trọng, giúp cân bằng cung - cầu trong nước khi nhu cầu nội địa không tăng tương ứng với năng lực sản xuất.

Tuy nhiên, dù nguồn cung nội địa dồi dào, thị trường Việt Nam vẫn chịu ảnh hưởng gián tiếp từ biến động giá phân bón quốc tế, đặc biệt là chi phí nhập khẩu nguyên liệu và các loại phân bón chưa sản xuất được hoàn toàn trong nước. Vì vậy, thị trường trong nước vẫn trong trạng thái ổn định nhưng nhạy cảm với biến động giá thế giới.

■ *Cầu phân bón:*

Theo phản ánh của nhiều đại lý, thời điểm này, hoạt động giao dịch vẫn chậm tại hầu hết các khu vực do nhu cầu cho lúa Hè Thu tại Đồng bằng sông Cửu Long chưa mạnh.

Tại Duyên hải miền Trung và Tây Nguyên, nhu cầu phân bón chủ yếu cho cây công nghiệp ngắn ngày, cây ăn trái, rau màu... Tại miền Bắc, các khu vực chủ yếu có nhu cầu phân bón cho rau màu, cây ăn trái đang nuôi trái trong khi nhu cầu bón lúa gần như tạm ngưng do hết vụ.

Với tồn kho ure đầu tháng 5/2026 đã giảm xuống mức 261.000 tấn, sản xuất trong tháng 5 dự báo tăng nhẹ nhưng nhập khẩu vẫn hạn chế, thì tổng nguồn cung ure trong tháng 5 dự báo sẽ giảm xuống mức 511.000 tấn, giảm 54 nghìn tấn so với tháng 4.

Theo quy luật thị trường, nhu cầu tiêu thụ nội địa phân ure sẽ dần được cải thiện về cuối tháng khi khu vực Đồng bằng sông Cửu Long dự báo có mưa và diện tích sạ lúa Hè Thu tăng, trong khi khu vực miền Trung cũng dự kiến sẽ vào vụ Hè Thu. Tuy nhiên, thị trường phân bón trong nước sẽ còn phụ thuộc vào tình hình địa chính trị thế giới.

■ *Diễn biến giá:*

Khảo sát thực tế tại thị trường cho thấy, đầu tháng 5 này, nhà máy Đạm Cà Mau vẫn giữ giá lệnh không đổi so với giá lệnh ngày 17/4. Cụ thể, tại Sài Gòn và Long An (cũ), các thương nhân và đại lý giữ chào giá ure Cà Mau ở mức 18.900-19.000 đồng/kg.

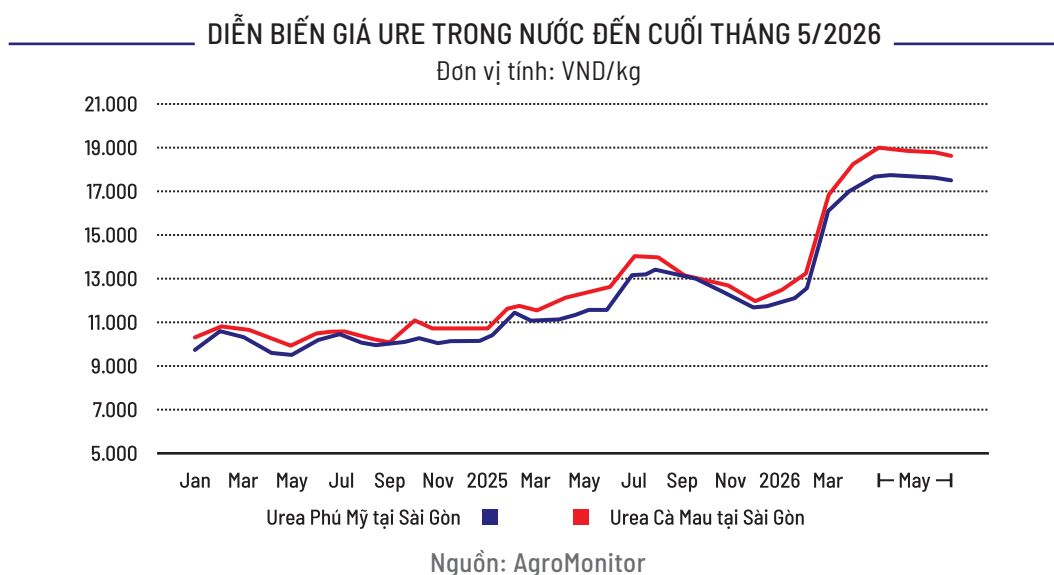
Tại kho trung chuyển Tây Nam Bộ, chào giá ure Cà Mau chững ở mức 19.000-19.100 đồng/kg. Các đại lý cấp 1 tại Tây Nam Bộ chào giá bán riêng ure giao tới kho đại lý cấp 2 không đổi ở mức 19.000-19.400 đồng/kg.

Tương tự như vậy, giá ure Phú Mỹ không thay đổi và duy trì quanh mức 17.500-17.700 đồng/kg. Đối với ure Hà Bắc, các nhà phân phối chào giá ure hàng bao thương phẩm sang tay tại nhà máy không đổi ở mức 17.550-17.600 đồng/kg. Đối với ure Ninh Bình, các nhà phân phối giữ chào giá hàng bao thương phẩm sang tay tại nhà máy ở mức 17.550-17.600 đồng/kg - không đổi so với tuần trước.

Đối với hàng nhập khẩu, giá ure nhập khẩu tại thị trường trong nước đã giảm nhẹ theo xu hướng giá thế giới giảm.

Theo tính toán của AgroMonitor, lượng ure nhập khẩu tháng 5 sẽ ở mức 10.000 tấn, tăng 6.000 tấn so với tháng 4 trong khi lượng ure sản xuất trong nước tháng 5 sẽ đạt khoảng 240.000 tấn, tăng 20.000 tấn so với tháng 4.

Dự báo lượng ure xuất khẩu của Việt Nam trong tháng 5 đạt 110.000 tấn, giảm 24.000 tấn so với tháng 4.



3.2. Dự báo

3.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Phát biểu tại hội nghị bộ trưởng các nước MED9++ về chủ đề “Hỗ trợ an ninh lương thực và tiếp cận phân bón” do FAO, Italy và Croatia đồng chủ trì tại Rome (Italy) ngày 7/5, Tổng Giám đốc FAO Khuất Đông Ngọc nhấn mạnh khủng hoảng hiện nay đã vượt xa phạm vi địa chính trị, ngày càng ảnh hưởng đến sản xuất lương thực, thương mại, các đầu vào nông nghiệp và khả năng tiếp cận thực phẩm trên toàn thế giới.

Tổng Giám đốc FAO cảnh báo rằng những gián đoạn đối với luồng lưu thông hàng hải qua hành lang này đã và đang làm thắt chặt thị trường phân bón và tăng chi phí năng lượng, với những hậu quả tiềm tàng nghiêm trọng với sản xuất nông nghiệp và giá thực phẩm.

Theo đó, một sự chậm trễ dù chỉ vài tuần cũng buộc nông dân phải cắt giảm sử dụng phân bón hoặc từ bỏ hoàn toàn việc bón phân. Đáng chú ý, tác động hiện tại có thể còn ảnh hưởng trực tiếp vào các mùa vụ tiếp theo, khiến nguồn cung thực phẩm bị thắt chặt vào nửa cuối năm 2026 và 2027.

Theo Tổng Giám đốc FAO, không có quốc gia nào “miễn nhiễm” trước khủng hoảng hiện nay và cần xác định các lĩnh vực ưu tiên phối hợp hành động. Đặc biệt, các nước cần duy trì chuỗi cung ứng hoạt động bằng cách tạo điều kiện cho những tuyến thương mại thay thế, tránh các biện pháp hạn chế xuất khẩu, hỗ trợ nông dân tiếp cận đầu vào nông nghiệp để đảm bảo sản xuất ổn định.

3.2.2. Thị trường trong nước

Trong giai đoạn tới, thị trường phân bón Việt Nam được dự báo tiếp tục duy trì trạng thái ổn định tương đối, nhưng biến động theo xu hướng thế giới sẽ ngày càng rõ nét hơn, đặc biệt do phụ thuộc vào giá năng lượng, chi phí logistics và nguồn cung nguyên liệu nhập khẩu.

Về phía nguồn cung, Việt Nam được đánh giá có lợi thế lớn nhờ năng lực sản xuất trong nước ngày càng mở rộng. Các doanh nghiệp chủ chốt như PVFCCo - Phú Mỹ Fertilizer, PVCFC - Cà Mau Fertilizer và hệ thống thuộc Vinachem đang vận hành với công suất cao, trong đó riêng phân khúc ure đã có khả năng đáp ứng vượt nhu cầu nội địa. Điều này giúp Việt Nam duy trì trạng thái tự chủ tương đối đối với một số dòng phân bón chính, đồng thời có dư địa xuất khẩu khi nhu cầu trong nước suy yếu theo mùa vụ.

Tuy nhiên, các chuyên gia trong ngành cho rằng thị trường vẫn tồn tại yếu tố phụ thuộc nhất định vào nhập khẩu, đặc biệt đối với phân kali, DAP và một số nguyên liệu đầu vào sản xuất. Do đó, bất kỳ biến động nào từ thị trường năng lượng hoặc gián đoạn chuỗi cung ứng quốc tế đều có thể nhanh chóng tác động đến giá phân bón trong nước.

Về nhu cầu, thị trường nội địa được dự báo vẫn mang tính thời vụ rõ rệt, tập trung vào các vụ sản xuất nông nghiệp chính. Trong khi đó, xu hướng sử dụng phân bón có thể dịch chuyển theo hướng tiết kiệm và tối ưu chi phí, khi nông dân ngày càng chịu áp lực từ giá đầu vào và biến động giá nông sản. Điều này khiến tốc độ tăng trưởng nhu cầu phân bón không còn cao như giai đoạn trước, mà thiên về ổn định và phân hóa theo vùng.

Ở góc độ doanh nghiệp, xu hướng xuất khẩu phân bón được kỳ vọng tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong điều tiết cung - cầu trong nước. Việc mở rộng thị trường sang các khu vực như Đông Nam Á, Hàn Quốc và Australia giúp các nhà sản xuất duy trì công suất vận hành ổn định, đồng thời giảm áp lực tồn kho trong bối cảnh nhu cầu nội địa không tăng mạnh.

4. THỊ TRƯỜNG ĐIỆN

4.1. Thông tin trong kỳ

4.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Thị trường điện toàn cầu ghi nhận diễn biến phân hóa giữa các khu vực, phản ánh sự khác biệt về cơ cấu nguồn phát, điều kiện thời tiết và mức độ phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch. Nhìn chung, nhu cầu điện tiếp tục duy trì ở mức cao tại các nền kinh tế đang phát triển, trong khi các khu vực phát triển ghi nhận xu hướng ổn định hơn sau giai đoạn biến động mạnh trước đó.

Tại châu Âu, giá điện tiếp tục duy trì ở mức cao trong tháng 5 do chịu tác động từ giá khí đốt và chi phí phát thải carbon. Nhiều thị trường điện giao ngay ghi nhận mức giá biến động mạnh, đặc biệt trong các thời điểm sản lượng điện gió suy giảm. Điều này khiến hệ thống điện khu vực vẫn phụ thuộc đáng kể vào nguồn phát điện từ khí đốt, qua đó làm gia tăng tính nhạy cảm của giá điện đối với biến động năng lượng đầu vào.

Tại Mỹ, thị trường điện ghi nhận xu hướng tương đối ổn định trong tháng 5, với mức giá biến động nhẹ theo nhu cầu công nghiệp và điều kiện thời tiết. Nhu cầu điện tại một số bang tăng lên do hoạt động sản xuất công nghiệp và tiêu thụ trong mùa nóng bắt đầu gia tăng, tuy nhiên hệ thống cung ứng điện vẫn đáp ứng tốt nhờ công suất phát điện dồi dào và nguồn khí đốt nội địa ổn định.

Tại Trung Quốc, nhu cầu điện tiếp tục duy trì ở mức cao nhưng có sự phân hóa giữa các khu vực. Hoạt động công nghiệp chậm lại trong một số lĩnh vực đã làm giảm tốc độ tăng tiêu thụ điện, trong khi đó nhu cầu từ các ngành công nghệ và trung tâm dữ liệu vẫn giữ vai trò hỗ trợ chính cho tăng trưởng điện năng. Đồng thời, tỷ trọng năng lượng tái tạo trong hệ thống điện tiếp tục tăng, góp phần giảm bớt áp lực lên nguồn phát truyền thống.

Ở khu vực châu Á mới nổi, đặc biệt là Ấn Độ và Đông Nam Á, nhu cầu điện tiếp tục tăng mạnh do ảnh hưởng của thời tiết nắng nóng và tăng trưởng công nghiệp. Một số quốc gia ghi nhận mức tiêu thụ điện cao kỷ lục theo mùa, dẫn đến áp lực lên hệ thống truyền tải và giá điện trong giờ cao điểm. Điều này phản ánh xu hướng điện hóa ngày càng mạnh trong nền kinh tế khu vực.

4.1.2. Thị trường trong nước

Trong tháng 5/2026, thị trường điện Việt Nam ghi nhận diễn biến tiêu thụ tăng mạnh, đặc biệt trong nửa cuối tháng khi thời tiết nắng nóng diện rộng xuất hiện trên cả nước. Theo Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện quốc gia (NSMO), phụ tải điện liên tục lập các mức kỷ lục mới, phản ánh áp lực ngày càng lớn đối với hệ thống cung ứng điện quốc gia.

Trước đó, trong tuần giữa tháng 5, hệ thống điện quốc gia đã ghi nhận nhiều mốc tiêu thụ cao bất thường. Ngày 13/5, công suất cực đại đạt 52.487MW và sản lượng

điện toàn quốc đạt khoảng 1,103 tỷ kWh. Chỉ hai ngày sau, vào 15/5, các chỉ số này tiếp tục tăng lên, với công suất cực đại đạt 54.654MW vào lúc 14h15 và sản lượng điện tiêu thụ khoảng 1,152 tỷ kWh. Việc liên tiếp phá kỷ lục trong thời gian ngắn cho thấy nhu cầu điện phục hồi nhanh sau kỳ nghỉ lễ và bắt đầu chịu tác động rõ rệt từ nền nhiệt tăng.

Bước sang giai đoạn 23-28/5, khi miền Bắc xuất hiện đợt nắng nóng gay gắt, hệ thống điện quốc gia tiếp tục rơi vào trạng thái căng thẳng hơn. Công suất tiêu thụ liên tục lập đỉnh mới trong nhiều ngày liên tiếp, lần lượt đạt 57.120MW (ngày 25/5), 58.103MW (ngày 26/5) và 58.039MW (ngày 27/5). Cùng thời điểm, sản lượng điện toàn quốc tăng mạnh, đạt từ 1,171 tỷ kWh đến mức cao nhất lịch sử khoảng 1,217 tỷ kWh.

Riêng khu vực miền Bắc - nơi chịu ảnh hưởng trực tiếp của nắng nóng - công suất cực đại ngày 27/5 xấp xỉ 30.000MW, tăng hơn 6% so với cùng kỳ năm 2025, trong khi sản lượng tiêu thụ đạt khoảng 631 triệu kWh, tăng hơn 9% so với mức đỉnh năm trước. Diễn biến này cho thấy nhu cầu điện sinh hoạt và sản xuất đều tăng đồng thời trong điều kiện thời tiết cực đoan.

Theo NSMO, việc phụ tải liên tục tăng cao trong tháng 5 phù hợp với xu hướng theo mùa, khi nhu cầu điện thường tăng mạnh vào giai đoạn đầu mùa nóng. Áp lực vận hành hệ thống vì vậy gia tăng đáng kể, đặc biệt tại các khu vực phụ tải lớn như miền Bắc và miền Nam công nghiệp.

Bên cạnh đó, việc vận hành các đường dây truyền tải liên miền, đặc biệt tuyến 500kV mạch 3 Quảng Trạch - Phố Nối, đã góp phần quan trọng trong việc tăng cường khả năng điều phối điện giữa các khu vực, hỗ trợ hệ thống duy trì ổn định trong các thời điểm phụ tải đạt đỉnh.

4.2. Dự báo

4.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Theo báo cáo của Bain & Company và Standard Chartered, nhu cầu điện tại Đông Nam Á được dự báo sẽ tăng gấp ba vào năm 2030, đạt hơn 100 TWh, nhờ động lực từ sự mở rộng của các trung tâm dữ liệu, khu công nghiệp xanh và làn sóng phát triển xe điện. Diễn biến này kéo theo nhu cầu đầu tư hạ tầng điện lực khu vực lên hơn 200 tỷ USD trong giai đoạn tới.

Cùng với đó, nền kinh tế xanh của Đông Nam Á hiện được định giá khoảng 290 tỷ USD và có thể đạt 430 tỷ USD vào năm 2030. Tuy nhiên, báo cáo cũng chỉ ra rằng chỉ khoảng 60% trong tổng số 540 tỷ USD cam kết đầu tư vào chuỗi giá trị điện và xe điện hiện có lộ trình triển khai rõ ràng, cho thấy tiến độ thực thi vẫn còn chậm so với nhu cầu thực tế.

Ở phạm vi toàn cầu, Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) ước tính tổng vốn đầu tư vào hạ tầng và nguồn cung điện có thể đạt gần 1.600 tỷ USD vào năm 2026, trong

đó riêng lĩnh vực lưới điện chiếm khoảng 550 tỷ USD. Đồng thời, đầu tư vào hệ thống lưu trữ năng lượng (pin) cũng được dự báo vượt mốc 100 tỷ USD, phản ánh xu hướng gia tăng mạnh nhu cầu ổn định hóa hệ thống điện trong bối cảnh phụ tải tăng nhanh.

Ngoài ra, theo nhiều phân tích của các tổ chức tài chính quốc tế, quá trình điện hóa nền kinh tế (đặc biệt trong giao thông và công nghiệp số) đang trở thành động lực chính thúc đẩy tăng trưởng nhu cầu điện toàn cầu trong thập kỷ tới, khiến áp lực mở rộng nguồn cung và đầu tư lưới điện ngày càng trở nên cấp thiết.

4.2.2. Thị trường trong nước

Thị trường điện Việt Nam được dự báo tiếp tục duy trì xu hướng tăng trưởng mạnh trong năm 2026 và các năm tiếp theo, trong bối cảnh nền kinh tế mở rộng, công nghiệp hóa diễn ra nhanh và nhu cầu điện từ các ngành mới như trung tâm dữ liệu, AI và xe điện gia tăng. Theo Bộ Công Thương và Cơ quan Điều hành hệ thống điện quốc gia (NSMO), nhu cầu điện năm 2026 có thể tăng khoảng 10-12% trong kịch bản cơ sở, và có thể lên tới 12-14% trong điều kiện tăng trưởng kinh tế cao kết hợp với thời tiết nắng nóng kéo dài. Trong kịch bản cực đoan, mức tăng có thể vượt 15%, tạo áp lực lớn lên hệ thống cung ứng điện quốc gia.

Trong ngắn hạn, EVN cũng ghi nhận áp lực cung ứng điện gia tăng rõ rệt, đặc biệt trong mùa khô 2026 khi tiêu thụ điện được dự báo tiếp tục lập đỉnh mới. Tổng công suất phụ tải toàn quốc đã nhiều lần vượt ngưỡng 52.000-58.000 MW trong các đợt nắng nóng, phản ánh mức độ căng thẳng ngày càng lớn của hệ thống điện. Cơ quan điều hành hệ thống điện quốc gia cho biết nhu cầu điện có thể tiếp tục tăng nhanh trong mùa hè, đặc biệt tại khu vực miền Bắc và miền Nam công nghiệp, nơi tập trung nhiều khu công nghiệp và đô thị lớn.

Về phía cung ứng, EVN và các cơ quan quản lý đã xác định đảm bảo an ninh năng lượng là nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2026. Các giải pháp được tập trung bao gồm tăng cường nguồn phát, đảm bảo nhiên liệu cho các nhà máy điện, đẩy nhanh tiến độ các dự án điện khí và nhiệt điện, đồng thời mở rộng hệ thống truyền tải liên miền để giảm áp lực cục bộ giữa các khu vực. Nhiều dự án lớn dự kiến đi vào vận hành trong năm 2026-2027 nhằm bổ sung công suất cho hệ thống, đặc biệt tại miền Bắc đang chịu áp lực phụ tải cao.

Ngoài ra, xu hướng dài hạn của thị trường điện Việt Nam cũng được định hình bởi quá trình chuyển dịch năng lượng và phát triển năng lượng tái tạo. Tỷ trọng điện gió, điện mặt trời và các nguồn năng lượng sạch đang tăng dần trong cơ cấu nguồn điện, nhưng vẫn phụ thuộc lớn vào điều kiện thời tiết, khiến hệ thống cần bổ sung thêm các giải pháp lưu trữ và điều tiết công suất. Điều này cho thấy thị trường điện Việt Nam sẽ tiếp tục đối mặt với bài toán cân bằng giữa tăng trưởng nhu cầu nhanh và đảm bảo ổn định hệ thống trong giai đoạn tới.



KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Trong tháng 5/2026, bối cảnh thị trường năng lượng toàn cầu tiếp tục duy trì trạng thái biến động mạnh với các yếu tố rủi ro tập trung chủ yếu vào địa chính trị, gián đoạn chuỗi cung ứng và sự dịch chuyển mất cân đối giữa cung - cầu năng lượng. Giá dầu thô duy trì ở vùng cao do lo ngại thiếu hụt nguồn cung từ các khu vực trọng yếu, trong khi thị trường khí đốt và LNG vẫn trong trạng thái thắt chặt do gián đoạn vận chuyển và nhu cầu tích trữ tăng cao tại châu Âu và châu Á. Đồng thời, nhu cầu điện tại nhiều khu vực, trong đó có Việt Nam, tăng mạnh do thời tiết cực đoan, làm gia tăng áp lực lên hệ thống năng lượng toàn cầu.

Trong bối cảnh đó, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đứng trước một giai đoạn vừa mang tính cơ hội vừa tiềm ẩn nhiều rủi ro. Mặt bằng giá năng lượng cao mang lại điều kiện thuận lợi cho hoạt động khai thác thượng nguồn, tuy nhiên chi phí đầu vào, chi phí logistics và biến động tỷ giá lại gây áp lực lên biên lợi nhuận và hiệu quả vận hành toàn chuỗi giá trị. Sự phụ thuộc ngày càng lớn vào thị trường LNG quốc tế cùng với biến động khó lường của thị trường điện trong nước khiến yêu cầu điều hành hệ thống năng lượng trở nên phức tạp hơn bao giờ hết.

Từ những phân tích trên, một số khuyến nghị trọng tâm được đề xuất như sau:

- Petrovietnam cần tiếp tục tối ưu hóa hoạt động thượng nguồn theo hướng nâng cao hiệu suất khai thác và ưu tiên các mỏ có chi phí thấp, đồng thời đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và phân tích dữ liệu thời gian thực để tối ưu hóa sản lượng trong bối cảnh giá dầu biến động mạnh theo chu kỳ địa chính trị.
- Tập đoàn cần tăng cường chiến lược quản trị rủi ro giá dầu và khí thông qua việc áp dụng các công cụ phòng ngừa rủi ro tài chính như hedging từng phần, nhằm giảm thiểu tác động của biến động giá ngắn hạn nhưng vẫn đảm bảo khả năng tối ưu hóa lợi nhuận khi thị trường thuận lợi.
- Trong lĩnh vực khí và LNG, PVN cần đẩy mạnh đa dạng hóa nguồn cung, mở rộng hợp tác quốc tế và phát triển các hợp đồng nhập khẩu dài hạn có cơ chế giá linh hoạt. Điều này giúp giảm phụ thuộc vào các điểm cung ứng rủi ro cao, đồng thời đảm bảo an ninh năng lượng cho hệ thống điện khí trong nước.
- Đối với mảng điện và hạ nguồn, PVN cần phối hợp chặt chẽ với các cơ quan điều hành để tối ưu hóa cơ chế huy động nguồn điện khí trong các giai đoạn phụ tải cao, đồng thời tận dụng tốt cơ chế giá thị trường điện nhằm cải thiện hiệu quả kinh tế của các nhà máy điện do tập đoàn quản lý.

- Về dài hạn, PVN cần đẩy nhanh chiến lược chuyển dịch năng lượng, tập trung vào phát triển điện gió ngoài khơi, hydrogen xanh, LNG tái hóa và các công nghệ giảm phát thải như CCS. Đây là yếu tố then chốt giúp tập đoàn vừa duy trì vị thế trong ngành năng lượng truyền thống, vừa mở rộng không gian tăng trưởng trong bối cảnh xu thế chuyển dịch năng lượng toàn cầu diễn ra mạnh mẽ.
- Cần xây dựng hệ thống quản trị rủi ro tích hợp ở cấp tập đoàn, bao gồm rủi ro giá hàng hóa, tỷ giá, lãi suất và gián đoạn chuỗi cung ứng, kết hợp với nâng cao năng lực dự báo vĩ mô và mô hình hóa thị trường năng lượng. Đây sẽ là nền tảng quan trọng giúp PVN nâng cao khả năng thích ứng, đảm bảo ổn định tài chính và duy trì tăng trưởng bền vững trong giai đoạn thị trường năng lượng toàn cầu biến động mạnh.

PHỤ LỤC I

KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM THÁNG 05 NĂM 2026

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Đơn vị	Tháng 05 năm 2026	5 tháng đầu năm 2026	Tỷ lệ so sánh (%)			
					A	B	C	D
1	Tăng trưởng GDP		n/a	-	-	-	-	-
2	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)		n/a	-	103,3	108,8	109,1	-
3	Hoạt động của doanh nghiệp							
3.1	Thành lập mới	DN	17.029	94.846	83,5	112,5	142,1	-
3.2	Quay lại hoạt động	DN	9.104	47.795	96,1	113,6	106,1	-
3.3	Rút lui khỏi thị trường	DN	-	129.300	-	-	11,8	-
	- Ngừng kinh doanh có thời hạn	DN	6.746	78.815	76,1	113,9	105,7	-
	- Chờ làm thủ tục giải thể	DN	8.082	31.432	150,0	123,7	114,2	-
	- Hoàn tất giải thể	DN	3.831	19.021	110,3	200,7	199,1	-
4	Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội	Nghìn tỷ						
4.1	Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN	Nghìn tỷ	62.000	254.100	-	110,2	111,2	-
4.2	Vốn FDI đăng ký	Tỷ USD	-	24,81	-	-	134,9	-
4.3	Vốn FDI thực hiện	Tỷ USD	-	9,75	-	-	109,6	-
5	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	Nghìn tỷ	646,3	2.546,6	-	112,1	111,1	-
6	Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa	Tỷ USD						
6.1	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Tỷ USD	46,93	215,66	-	118,0	119,5	-
6.2	Tổng kim ngạch nhập khẩu	Tỷ USD	52,14	229,46	103,6	133,8	130,8	-
6.3	Cán cân thương mại	Tỷ USD	Nhập siêu 5,21	Nhập siêu 13,80	-	-	-	-
7	Chỉ số giá							
7.1	Chỉ số giá tiêu dùng				100,29	105,60	104,31	103,61
7.2	Chỉ số giá vàng				95,89	133,87	165,97	106,27
7.3	Chỉ số giá Đô la Mỹ				100,02	100,78	101,99	99,72
7.4	Lạm phát cơ bản				100,34	104,04	104,04	-

A: Tháng 05/2026 so với tháng 04/2026

B: Tháng 05/2026 so với tháng 05/2025

C: Bình quân 5 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ

D: Tháng 05/2026 so với tháng 12/2025



Ảnh bìa: Nền kinh tế toàn cầu vẫn rất nhạy cảm trước các cú sốc địa chính trị.

Freepik / Rawpixel



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
BAN KINH TẾ ĐẦU TƯ / PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO

VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC THƯƠNG HIỆU VÀ CẠNH TRANH
phối hợp thực hiện